

Số bằng: ZG 525 bp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957

- 96 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU THI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Tĩnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KG 929 bm Quyết định số: 144/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1974
- 97 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỈNH**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Duy Phiên, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1969
Số bằng: H 1,969 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972
- 98 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LƯ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Phong, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 12 năm 1951
Số bằng: XD 488 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 1 tháng 4 năm 1958
- 99 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỜI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bạch Lưu, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1967
Số bằng: H 10,333 bm Quyết định số: 25/TTga ngày 1 tháng 2 năm 1971
- 100 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRÍ THỨC**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Đông, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 2 năm 1979
Số bằng: A 346 bt Quyết định số: 268/CTKT ngày 9 tháng 2 năm 1982
- 101 Liệt sĩ: **HÀN VĂN CỰ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Ngân, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 11 năm 1948
Số bằng: XQ 3,729 bp Quyết định số: 287/TTg ngày 1 tháng 8 năm 1959
- 102 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÍ DŨNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bạch Lưu, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1973
Số bằng: LH 374 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1974
- 103 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIỄN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bạch Lưu, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 1 năm 1973
Số bằng: LO 137 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1974
- 104 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHỮ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Phong, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MT 222 bm Quyết định số: 272/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1970

- 105 Liệt sĩ: **KHÔNG VĂN BÁ**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Phong, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 9 năm 1967
 Số bằng: GM 839 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1968
- 106 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIỄN**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Phong, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1969
 Số bằng: LO 934 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1974
- 107 Liệt sĩ: **LỖ BÁ CẢNH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Phong, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1969
 Số bằng: H 2,628 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972
- 108 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN ÍCH**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đôn Nhân, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1967
 Số bằng: H 10,344 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972
- 109 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN VIỆT**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đôn Nhân, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1970
 Số bằng: H 2,624 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972
- 110 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THƯỜNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đôn Nhân, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1967
 Số bằng: MV 128 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1970
- 111 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HIỀN**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đôn Nhân, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1968
 Số bằng: UY 793 bm Quyết định số: 257/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977
- 112 Liệt sĩ: **ĐỖ DUY CHI**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đôn Nhân, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1972
 Số bằng: LQ 877 bm Quyết định số: 207/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1974
- 113 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHIÊU**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đôn Nhân, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 3 năm 1950
 Số bằng: XQ 2,019 bp Quyết định số: 209/TTg ngày 1 tháng 6 năm 1959
- 114 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐÌNH TÂN**
 Chiến sĩ bộ đội chủ lực Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Quế, huyện Lập

Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 3 năm 1951
Số bằng: XY 268 bp Quyết định số: 467/TTg ngày 10 tháng 10 năm 1957

- 115 Liệt sĩ: **HOÀNG MẠNH MINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thành, thị xã Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1968
Số bằng: B 987 bm Quyết định số: 55/TTga ngày 9 tháng 2 năm 1972
- 116 Liệt sĩ: **TRẦN ĐĂNG ĐÍCH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 11 năm 1969
Số bằng: H 2,625 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972
- 117 Liệt sĩ: **HOÀNG HỮU THI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Đạo, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1969
Số bằng: GE 664 bm Quyết định số: 279/TTga ngày 3 tháng 7 năm 1973
- 118 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC NGÀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tứ Yên, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1969
Số bằng: H 2,621 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972
- 119 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tứ Yên, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 2 năm 1968
Số bằng: H 1,686 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972
- 120 Liệt sĩ: **TRẦN HỒNG PHƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tứ Yên, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 2 năm 1968
Số bằng: H 1,761 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972
- 121 Liệt sĩ: **PHAN CÔNG TOÀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bàn Giản, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1968
Số bằng: HK 891 bm Quyết định số: 423/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973
- 122 Liệt sĩ: **PHÙNG KIM TIỀN**
Phó Chủ tịch xã, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 11 năm 1953
Số bằng: XY 362 cp Quyết định số: 170/TTg ngày 1 tháng 4 năm 1958
- 123 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN LẠI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 1 năm 1949
Số bằng: GX 880 bp Quyết định số: 150/TTg ngày 19 tháng 4 năm 1961

- 124 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN CHIÊNG**
Thành ủy viên thành phố Hải Phòng, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: GL 996 cp Quyết định số: 837/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2004
- 125 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN ĐIỀN**
Công an viên, Nguyên quán: phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 11 năm 1949
Số bằng: GL 995 cp Quyết định số: 837/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2004
- 126 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN NGHĨA**
Du kích xã, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 8 năm 1951
Số bằng: XA 925 kp Quyết định số: 430/TTg ngày 6 tháng 9 năm 1958
- 127 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN LẬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 2 năm 1952
Số bằng: GL 987 bp Quyết định số: 837/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2004
- 128 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN ÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 9 năm 1950
Số bằng: XC 180 bp Quyết định số: 019/TTg ngày 9 tháng 1 năm 1958
- 129 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 5 năm 1954
Số bằng: XA 911 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 130 Liệt sĩ: **PHÙNG QUỐC GIẢNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 6 năm 1954
Số bằng: XA 814 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 131 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1970
Số bằng: CL 927 bm Quyết định số: 334/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1972
- 132 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MI 624 bm Quyết định số: 139/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1970
- 133 Liệt sĩ: **PHÙNG GIA HUỆ**

- Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1971
Số bằng: HP 890 bm Quyết định số: 557/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973
- 134 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN CÁT**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1968
Số bằng: LH 357 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1974
- 135 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÁC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HE 210 bm Quyết định số: 550/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1973
- 136 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN GIANG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1968
Số bằng: AB 195 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1971
- 137 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN TỰ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1973
Số bằng: OI 366 bm Quyết định số: 626/TTga ngày 17 tháng 12 năm 1974
- 138 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRƯỞNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1968
Số bằng: AO 771 bm Quyết định số: 137/TTga ngày 9 tháng 6 năm 1971
- 139 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN CÁN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1967
Số bằng: GM 769 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1968
- 140 Liệt sĩ: **PHÙNG QUANG VINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 9 năm 1985
Số bằng: BC 306 bt Quyết định số: 133/CTKT ngày 14 tháng 5 năm 1986
- 141 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN ĐÀU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1969
Số bằng: VH 875 bm Quyết định số: 259/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977
- 142 Liệt sĩ: **PHÙNG QUANG HẢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1974

Số bằng: PE 708 bm Quyết định số: 262/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1975

143 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN ĐẠT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1968
Số bằng: VH 897 bm Quyết định số: 259/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

144 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THỪA**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1968
Số bằng: VP 635 bm Quyết định số: 246/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

145 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MÔN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 2 năm 1972
Số bằng: TV 251 bm Quyết định số: 83/TTga ngày 8 tháng 2 năm 1977

146 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CƯƠNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1972
Số bằng: RO 589 bm Quyết định số: 294/TTga ngày 3 tháng 7 năm 1976

147 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN HANH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1975
Số bằng: RD 282 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1976

148 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN THỤY**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1970
Số bằng: YH 348 bm Quyết định số: 375/TTga ngày 29 tháng 4 năm 1977

149 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LẠC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1968
Số bằng: L 185 bm Quyết định số: 139/CTKT ngày 20 tháng 4 năm 1983

150 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC THỨ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MA 171 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 15 tháng 1 năm 1970

151 Liệt sĩ: **PHÙNG ĐÌNH CƯ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 1 năm 1973
Số bằng: GS 875 bm Quyết định số: 513/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973

- 152 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC CHỨNG**
Lái xe Đoàn xe 20 Cục vận tải đường bộ, Nguyên quán: xã Mộc Bắc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1968
Số bằng: ĐM 955 cm Quyết định số: 65/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970
- 153 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐẠO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1969
Số bằng: VH 886 bm Quyết định số: 259/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977
- 154 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐĂNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1969
Số bằng: CG 699 bm Quyết định số: 258/TTga ngày 27 tháng 6 năm 1972
- 155 Liệt sĩ: **PHÙNG XUÂN Y**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 11 năm 1972
Số bằng: HO 008 bm Quyết định số: 430/TTga ngày 9 tháng 10 năm 1973
- 156 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIẾT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1968
Số bằng: VP 592 bm Quyết định số: 246/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 157 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHÁNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1968
Số bằng: VQ 069 bm Quyết định số: 329/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 158 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN LƯỢNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1969
Số bằng: EB 337 bm Quyết định số: 73/TTga ngày 8 tháng 3 năm 1973
- 159 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN PHỤC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1968
Số bằng: TS 388 bm Quyết định số: 39/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977
- 160 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN ĐẠI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1970
Số bằng: GC 777 bm Quyết định số: 308/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1973
- 161 Liệt sĩ: **PHÙNG XUÂN TÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh

- Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1968
Số bằng: AO 669 bm Quyết định số: 137/TTga ngày 9 tháng 6 năm 1971
- 162 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỨC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1969
Số bằng: GI 882 bm Quyết định số: 352/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1973
- 163 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN SỰ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1970
Số bằng: YH 134 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 164 Liệt sĩ: **LÊ QUANG TRUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AB 349 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1971
- 165 Liệt sĩ: **PHAN VĂN OANH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AB 245 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1971
- 166 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THỤ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1972
Số bằng: OL 108 bm Quyết định số: 613/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974
- 167 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN MƠ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1970
Số bằng: PR 660 bm Quyết định số: 399/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1975
- 168 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN AN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1971
Số bằng: VO 323 bm Quyết định số: 279/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1977
- 169 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LƯU**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1974
Số bằng: VI 741 bm Quyết định số: 279/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1977
- 170 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MAI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1969
Số bằng: AS 396 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

- 171 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BIÊN**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1970
 Số bằng: SO 899 bm Quyết định số: 478/TTGa ngày 1 tháng 11 năm 1976
- 172 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XUÂN**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1967
 Số bằng: GR 638 bm Quyết định số: 392/TTGa ngày 6 tháng 9 năm 1973
- 173 Liệt sĩ: **PHÙNG GIA CHINH**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1969
 Số bằng: HO 316 'bm Quyết định số: 15/TTGa ngày 8 tháng 1 năm 1974
- 174 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỊNH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 4 năm 1968
 Số bằng: AO 657 bm Quyết định số: 137/TTGa ngày 9 tháng 6 năm 1971
- 175 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN YÊN**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1970
 Số bằng: GC 643 bm Quyết định số: 308/TTGa ngày 19 tháng 7 năm 1973
- 176 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU THÀNH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1969
 Số bằng: VP 537 bm Quyết định số: 246/TTGa ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 177 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC QUYẾT**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1968
 Số bằng: VD 578 bm Quyết định số: 280/TTGa ngày 13 tháng 4 năm 1977
- 178 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN KẾT**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 8 năm 1986
 Số bằng: BL 460 bt Quyết định số: 117/CTKT ngày 10 tháng 6 năm 1987
- 179 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN HIẾN**
 Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 3 năm 1981
 Số bằng: A 304 bt Quyết định số: 268/CTKT ngày 9 tháng 2 năm 1982
- 180 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN HÒA**

- Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 2 năm 1979
Số bằng: V 393 bt Quyết định số: 465/CTKT ngày 28 tháng 12 năm 1983
- 181 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 10 năm 1986
Số bằng: BX 954 bt Quyết định số: 138/CTKT ngày 22 tháng 6 năm 1988
- 182 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN VIỆT**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9X 806 bt Quyết định số: 686/TTGa ngày 31 tháng 10 năm 1980
- 183 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM CƯƠNG**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 8 năm 1983
Số bằng: AF 790 bt Quyết định số: 284/CTKT ngày 29 tháng 8 năm 1984
- 184 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KẾT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 4AA 634 bt Quyết định số: 190/TTGa ngày 29 tháng 5 năm 1981
- 185 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN ĐOÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 12 năm 1979
Số bằng: 7AA 516 bt Quyết định số: 57/CTKT ngày 23 tháng 10 năm 1981
- 186 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 5 năm 1984
Số bằng: BH 277 bt Quyết định số: 267/CTKT ngày 1 tháng 10 năm 1986
- 187 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU TÍCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 4 năm 1984
Số bằng: AL 419 bt Quyết định số: 446/CTKT ngày 26 tháng 12 năm 1984
- 188 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lôi, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1969
Số bằng: GE 596 bm Quyết định số: 279/TTGa ngày 3 tháng 7 năm 1973
- 189 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHÁC NÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hòa, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1967

Số bằng: MV 241 bm Quyết định số: 308/TTga ngày 30 tháng 12 năm 1970

- 190 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỨC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hòa, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1970
Số bằng: EF 943 bm Quyết định số: 300/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1973
- 191 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC ANH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lữ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1972
Số bằng: LQ 600 bm Quyết định số: 203/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974
- 192 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÀN**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Đại Thắng, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 1 năm 1953
Số bằng: YZ 823 kp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 193 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẠCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Thắng, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1951
Số bằng: XQ 819 bp Quyết định số: 176/TTg ngày 4 tháng 5 năm 1959
- 194 Liệt sĩ: **BÙI VĂN DẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Phương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1953
Số bằng: ZH 428 bp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 195 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU ĐẬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Sơn, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MA 144 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 15 tháng 1 năm 1970
- 196 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TOÁN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1968
Số bằng: ML 761 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 19 tháng 6 năm 1970
- 197 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN VÂN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 12 năm 1948
Số bằng: XY 279 bp Quyết định số: 467/TTg ngày 10 tháng 10 năm 1957
- 198 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU TÌNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 11 năm 1972
Số bằng: LD 539 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1974

- 199 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 6 năm 1949
Số bằng: XY 324 bp Quyết định số: 467/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1957
- 200 Liệt sĩ: **TRẦN GIA KHOÁT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Quán, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 1 năm 1966
Số bằng: MV 008 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1970
- 201 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÈ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Quán, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1969
Số bằng: EB 477 bm Quyết định số: 83/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973
- 202 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỊNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Quán, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1972
Số bằng: RO 611 bm Quyết định số: 294/TTga ngày 3 tháng 7 năm 1976
- 203 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN KẾ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Quán, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1971
Số bằng: CE 988 bm Quyết định số: 302/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1972
- 204 Liệt sĩ: **NGUYỄN HÀM NGHI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Quán, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 11 năm 1972
Số bằng: PN 753 bm Quyết định số: 357/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1975
- 205 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN KÍNH**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Quán, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1966
Số bằng: PX 862 bm Quyết định số: 164/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1966
- 206 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Quán, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1968
Số bằng: CB 222 bm Quyết định số: 160/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1972
- 207 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Quán, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1968
Số bằng: CQ 888 bm Quyết định số: 332/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1972

- 208 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐÌNH CẦU**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Quán, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1972
 Số bằng: GV 143 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1973
- 209 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH TUYỀN**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Nhân, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 12 năm 1953
 Số bằng: XA 919 bp Quyết định số: 551/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 210 Liệt sĩ: **DƯƠNG THẾ THỰC**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Quán, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1968
 Số bằng: AT 089 bm Quyết định số: 180/TTga ngày 24 tháng 7 năm 1971
- 211 Liệt sĩ: **VŨ VĂN ĐẠI**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Quán, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1969
 Số bằng: GP 588 bm Quyết định số: 363/TTga ngày 21 tháng 8 năm 1973
- 212 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC CHÍ**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Quán, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1967
 Số bằng: MT 048 bm Quyết định số: 263/TTga ngày 7 tháng 11 năm 1970
- 213 Liệt sĩ: **VŨ GIA LUẬN**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Quán, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1972
 Số bằng: PR 623 bm Quyết định số: 399/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1975
- 214 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VIỆT**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Quán, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 6 năm 1987
 Số bằng: CD 803 bt Quyết định số: 267/CTKT ngày 27 tháng 12 năm 1988
- 215 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIÊN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Quán, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1970
 Số bằng: HE 849 bm Quyết định số: 411/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1973
- 216 Liệt sĩ: **VŨ HỒNG THĂNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bồ Lý, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1969
 Số bằng: H 1,756 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972
- 217 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÊ**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Di, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1972
 Số bằng: SO 470 bm Quyết định số: 469/TTga ngày 01 tháng 11 năm 1976

TỈNH ĐỒNG THÁP

- 1 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIÊM**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1964
Số bằng: 2S 529 km Quyết định số: 768/TTga ngày 17 tháng 7 năm 1978
- 2 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRÍ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Đức, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1971
Số bằng: 1AA 276 bm Quyết định số: 34/TTga ngày 28 tháng 1 năm 1981
- 3 Liệt sĩ: **ĐINH THANH NHON**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Đức, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 5 năm 1988
Số bằng: CK 715 bt Quyết định số: 230/TTga ngày 22 tháng 11 năm 1990
- 4 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÉM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1966
Số bằng: 7U 362 bm Quyết định số: 124/TTga ngày 12 tháng 2 năm 1979
- 5 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU PHƯỚC**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Quý, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1965
Số bằng: 6X 006 bm Quyết định số: 1221/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1978
- 6 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DẦU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xiệp Riệp, Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1970
Số bằng: 1749 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 30 tháng 3 năm 1983
- 7 Liệt sĩ: **HÒ VẤN TƯ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Rề Minh, Tà Keo, Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 1V 363 bm Quyết định số: 952/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977
- 8 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cồn Gòn, huyện Rạch Dơi, Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1967
Số bằng: C 215 bm Quyết định số: 360/CTKT ngày 29 tháng 11 năm 1982
- 9 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MỆT**
Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Nguyên quán: xã Tân Long, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 12 năm 1945
Số bằng: TC 432 cp Quyết định số: 140/TTga ngày 16 tháng 2 năm 1979
- 10 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐÔI**
Đảng viên, Nguyên quán: tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 10 năm 1962. Số bằng: HA 079 cm Quyết định số: 425/QĐ-TTg ngày 20 tháng 3 năm 2006

- 11 **Liệt sĩ: LÊ PHI HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Đức, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 2 năm 1986
Số bằng: BS 311 bt Quyết định số: 93/CTKT ngày 4 tháng 5 năm 1988

- 12 **Liệt sĩ: VÕ VĂN DANG**
Nhân viên giao liên, Nguyên quán: xã Khmar, huyện Ba Can, tỉnh Pursat, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1972
Số bằng: L 029 cm Quyết định số: 195/CTKT ngày 1 tháng 6 năm 1983

- 13 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN NGÂY**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1962
Số bằng: 5Z 447 bm Quyết định số: 756/TTga ngày 17 tháng 7 năm 1978

- 14 **Liệt sĩ: LÊ VĂN SUM**
Uy viên Mặt trận Tổ quốc huyện, Nguyên quán: xã Phú Thành, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1962
Số bằng: 2X 555 cm Quyết định số: 699/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1978

- 15 **Liệt sĩ: PHAN VĂN GÔM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Đức, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 11 năm 1983
Số bằng: AU 324 bt Quyết định số: 373/CTKT ngày 9 tháng 10 năm 1985

- 16 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HUỆ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Đức, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 5 năm 1989
Số bằng: CK 714 bt Quyết định số: 230/CTKT ngày 22 tháng 11 năm 1990

- 17 **Liệt sĩ: TRẦN THỊ SÁU**
Chiến sĩ liên lạc đường dây T3, Nguyên quán: xã Đức Mỹ, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1968
Số bằng: GK 357 cm Quyết định số: 273/TTga ngày 18 tháng 3 năm 2004

- 18 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN VUI**
Trung đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Tân, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: 5Z 688 km Quyết định số: 780/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1978

- 19 **Liệt sĩ: PHAN VĂN NHEN**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 2 năm 1964
Số bằng: HA 072 km Quyết định số: 425/TTg ngày 20 tháng 3 năm 2006

- 20 **Liệt sĩ: ĐẶNG VĂN HỒNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1973
Số bằng: L 008 km Quyết định số: 195/CTKT ngày 1 tháng 6 năm 1983

- 21 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẮNG**
Đại úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1957
Số bằng: AH 725 bm Quyết định số: 366/CTKT ngày 31 tháng 10 năm 1984
- 22 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN SÔNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1967
Số bằng: 4I 528 bm Quyết định số: 81/TTGa ngày 27 tháng 1 năm 1978
- 23 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN NHON**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 3 năm 1987
Số bằng: CĐ 754 bt Quyết định số: 228/CTKT ngày 11 tháng 12 năm 1989
- 24 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC BỬU**
Áp đội trưởng, Nguyên quán: xã Vĩnh Tường, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1963
Số bằng: 3H 383 km Quyết định số: 1272/TTGa ngày 8 tháng 11 năm 1978
- 25 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 3 năm 1985
Số bằng: BM 300 bt Quyết định số: 263/CTKT ngày 4 tháng 11 năm 1987
- 26 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÍNH**
Trung đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân Thuận Đông, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1970
Số bằng: QM 967 km Quyết định số: 848/TTGa ngày 12 tháng 8 năm 1977
- 27 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHỤC**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân Công Sính, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 10 năm 1974
Số bằng: 2N 912 km Quyết định số: 409/TTGa ngày 26 tháng 4 năm 1978
- 28 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BE**
Chiến sĩ giao liên, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1961
Số bằng: 2P 767 cm Quyết định số: 409/TTGa ngày 26 tháng 4 năm 1978
- 29 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MẠNH**
Trung đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hậu Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 6T 560 km Quyết định số: 1126/TTGa ngày 4 tháng 10 năm 1978
- 30 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LỢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 11 năm 1981
Số bằng: N 908 bt Quyết định số: 245/CTKT ngày 29 tháng 6 năm 1983
- 31 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TIỀN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1969
Số bằng: 8R 952 bm Quyết định số: 593/TTGa ngày 17 tháng 8 năm 1979

- 32 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DÔI**
Cán bộ giao bưu, Nguyên quán: xã Bình Thạnh, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 3I 979 cm Quyết định số: 1136/TTGa ngày 6 tháng 10 năm 1978
- 33 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LÀI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Thành, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 3AA 028 bm Quyết định số: 189/TTGa ngày 29 tháng 5 năm 1981
- 34 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1972
Số bằng: 4I 744 bm Quyết định số: 55/TTGa ngày 20 tháng 1 năm 1978
- 35 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GIAO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Công Sinh, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1974
Số bằng: 4I 461 bm Quyết định số: 81/TTGa ngày 27 tháng 1 năm 1978
- 36 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẬU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 4 năm 1989
Số bằng: CK 712 bt Quyết định số: 230/CTKT ngày 22 tháng 11 năm 1990
- 37 Liệt sĩ: **VÕ VĂN SƯƠNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1954
Số bằng: 2AC 860bm Quyết định số: 16/TTGa ngày 5 tháng 1 năm 1980
- 38 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NÔ**
Công dân, Nguyên quán: xã Bình Thành, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 10 năm 1954
Số bằng: C 418 cp Quyết định số: 350/CTKT ngày 24 tháng 11 năm 1982
- 39 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TÀN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Đức Đông, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1962
Số bằng: 2Z 874 km Quyết định số: 907/TTGa ngày 14 tháng 8 năm 1978
- 40 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DŨNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1964
Số bằng: AH 729 bm Quyết định số: 366/CTKT ngày 31 tháng 10 năm 1984
- 41 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LUÔNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 1 năm 1971

Số bằng: 5G 906 bm Quyết định số: 485/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1978

- 42 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÍNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 3 năm 1985
Số bằng: BM 299 bt Quyết định số: 263/CTKT ngày 4 tháng 11 năm 1987
- 43 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN GÂN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Thành, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 3 năm 1973
Số bằng: 1769 km Quyết định số: 110/CTKT ngày 30 tháng 3 năm 1983
- 44 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẠNH**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Hưng Điền, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1972
Số bằng: 4A 809 km Quyết định số: 129/CTKT ngày 24 tháng 5 năm 1982
- 45 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN BÉ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 01 năm 1968
Số bằng: VV 697 bm Quyết định số: 595/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1977
- 46 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NAM**
Thượng sĩ Đặc công Vĩnh Long, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 03 năm 1970
Số bằng: VV 616 bm Quyết định số: 595/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1977
- 47 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỬ**
Cán bộ nông hội, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1965
Số bằng: BV 723 cm Quyết định số: 145/CTKT ngày 12 tháng 7 năm 1988
- 48 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGHIÊM**
Uy viên ban an ninh huyện, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1960
Số bằng: L 034 cm Quyết định số: 195/CTKT ngày 1 tháng 6 năm 1983
- 49 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÍNH**
Trưởng ban Văn hóa thông tin xã, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1966
Số bằng: N 260 cm Quyết định số: 218/CTKT ngày 15 tháng 6 năm 1983
- 50 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÀNH TRANG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 51 394 bm Quyết định số: 440/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978
- 51 Liệt sĩ: **PHAN VĂN BA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng

Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 03 năm 1968
Số bằng: VV 690 bm Quyết định số: 505/TTGa ngày 15 tháng 6 năm 1977

- 52 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÂU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 03 năm 1969
Số bằng: 5L 218 bm Quyết định số: 516/TTGa ngày 22 tháng 5 năm 1978
- 53 Liệt sĩ: **HỒ VĂN TỐT**
Trưởng Ban Nông hội xã, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 10 năm 1966
Số bằng: 9T 050 cm Quyết định số: 464/TTGa ngày 10 tháng 5 năm 1978
- 54 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LIỆT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 02 năm 1972
Số bằng: VV 792 bm Quyết định số: 586/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 55 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÉ**
Uy viên giao bưu, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1973
Số bằng: RM 316 cm Quyết định số: 586/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 56 Liệt sĩ: **CAO VĂN XỆ**
Y tế xã, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1966
Số bằng: 4E 941 cm Quyết định số: 1902/TTGa ngày 19 tháng 12 năm 1979
- 57 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN XÊ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1966
Số bằng: 1AA 810 bm Quyết định số: 110/TTGa ngày 3 tháng 4 năm 1981
- 58 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HAI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1960
Số bằng: 2B 456 Quyết định số: 1803/TTGa ngày 30 tháng 12 năm 1977
- 59 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN UT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1970
Số bằng: VV 591 bm Quyết định số: 595/TTGa ngày 15 tháng 6 năm 1977
- 60 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÉ NĂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1968
Số bằng: VV 614 bm Quyết định số: 595/TTGa ngày 15 tháng 6 năm 1977
- 61 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÁM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 01 năm 1969
Số bằng: RM 358 cm Quyết định số: 516/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1977

- 62 **Liệt sĩ: HÀ VĂN THƯỜNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1963
Số bằng: RM 386 cm Quyết định số: 516/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 63 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN BÉ TƯ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1967
Số bằng: 9B 649 bm Quyết định số: 894/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1979
- 64 **Liệt sĩ: BẠCH VĂN BÓN**
Nhân viên, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: KM 321 cm Quyết định số: 516/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 65 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN LỘC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1963
Số bằng: AQ 953 km Quyết định số: 211/CTKT ngày 29 tháng 5 năm 1985
- 66 **Liệt sĩ: LÊ VĂN CHÍNH**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1970
Số bằng: 2P 871 km Quyết định số: 454/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1988
- 67 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN LỢI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 3 năm 1966
Số bằng: VV 798 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 68 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN KHOÁI**
Kế toán kinh tài, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1968
Số bằng: 3T 988 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 12 tháng 2 năm 1979
- 69 **Liệt sĩ: HÀ VĂN NĂM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 01 năm 1968
Số bằng: VV 617 bm Quyết định số: 595/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1977
- 70 **Liệt sĩ: NGUYỄN THÀNH CÔNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1964
Số bằng: VV 718 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 71 **Liệt sĩ: TRẦN NGỌC MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 02 năm 1947

Số bằng: 2AC 574bp Quyết định số: 894/TTGa ngày 19 tháng 12 năm 1979

- 72 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN PHƯỚC**
Y tá ty công an, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1968
Số bằng: RM 379 cm Quyết định số: 516/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 73 Liệt sĩ: **LÊ THỊ LỆ**
Nhân viên giao vận tỉnh, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 01 năm 1968
Số bằng: 4E 966 cm Quyết định số: 902/TTGa ngày 9 tháng 12 năm 1979
- 74 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỆP**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 01 năm 1968
Số bằng: VV 769 bm Quyết định số: 586/TTGa ngày 15 tháng 6 năm 1977
- 75 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1975
Số bằng: 5L 385 bm Quyết định số: 440/TTGa ngày 5 tháng 4 năm 1978
- 76 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN ĐẾN**
Tổ trưởng nông hội, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 01 năm 1968
Số bằng: C 490 cm Quyết định số: 350/CTKT ngày 24 tháng 11 năm 1982
- 77 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ON**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 02 năm 1968
Số bằng: 1 737 bm Quyết định số: 110/TTGa ngày 31 tháng 3 năm 1983
- 78 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHAY**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 02 năm 1953
Số bằng: 1S 815 bp Quyết định số: 106/TTGa ngày 2 tháng 2 năm 1979
- 79 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ XÊ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1964
Số bằng: 5L 402 bm Quyết định số: 440/TTGa ngày 5 tháng 5 năm 1978
- 80 Liệt sĩ: **LƯU THÀNH NHƠN**
Y tá ban dân y tỉnh, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1966
Số bằng: 6N 720 cm Quyết định số: 123/CTKT ngày 24 tháng 5 năm 1982
- 81 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1966
Số bằng: VV 739 bm Quyết định số: 515/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1977

- 82 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NHU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 11 năm 1951
Số bảng: 1AC 883bp Quyết định số: 440/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978
- 83 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐÔNG**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1974
Số bảng: 2B 017 km Quyết định số: 454/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1978
- 84 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHU**
Dân công xã, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bảng: AL 563 cm Quyết định số: 34/CTKT ngày 13 tháng 2 năm 1985
- 85 Liệt sĩ: **PHẠM THANH HÙNG**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bảng: 2P 927 km Quyết định số: 454/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1978
- 86 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LIÊN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1961
Số bảng: EM 944 km Quyết định số: 505/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 87 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 01 năm 1968
Số bảng: VV 629 bm Quyết định số: 595/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1977
- 88 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NĂM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1968
Số bảng: 9X 405 bm Quyết định số: 703/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1980
- 89 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN MƯỜI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1969
Số bảng: RM 346 cm Quyết định số: 516/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 90 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHANH**
Cán bộ cơ sở xã, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1960
Số bảng: AH 819 cm Quyết định số: 367/CTKT ngày 31 tháng 10 năm 1984
- 91 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN XƯỜNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bảng: 1 742 bm Quyết định số: 110/CTKT ngày 30 tháng 3 năm 1983

..

..

- 92 Liệt sĩ: **VÕ VĂN LONG**
Uy viên Ban giao bưu Vĩnh Long, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1968
Số bằng: RM 341 cm Quyết định số: 515/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 93 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BO**
Chi ủy viên Chi bộ xã, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 01 năm 1975
Số bằng: RM 319 cm Quyết định số: 516/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 94 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGHỆ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 02 năm 1975
Số bằng: VV 664 bm Quyết định số: 595/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1977
- 95 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÀNH LONG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 01 năm 1968
Số bằng: 1A 764 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1981
- 96 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUÝ**
Chi ủy viên Chi bộ xã, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 02 năm 1967
Số bằng: RM 351 cm Quyết định số: 516/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 97 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN PHÒNG**
Trưởng ban kinh tài, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1972
Số bằng: 2T 031 cm Quyết định số: 454/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1978
- 98 Liệt sĩ: **VÕ VĂN NĂM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1974
Số bằng: EM 903 km Quyết định số: 505/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 99 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SANH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1960
Số bằng: 3T 268 km Quyết định số: 902/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1979
- 100 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CỘP**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bằng: 3T 633 km Quyết định số: 902/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1979
- 101 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BỘ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1970
Số bằng: 5L 198 bm Quyết định số: 516/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978
- 102 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÂM**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1971
Số bằng: 2Q 066 km Quyết định số: 440/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978

103 Liệt sĩ: **LÂM VĂN MÊN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1969
Số bằng: 5L 265 bm Quyết định số: 516/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978

104 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN LỢI**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1969
Số bằng: 2P 968 km Quyết định số: 454/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1978

105 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHỎI**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1972
Số bằng: EM 971 km Quyết định số: 505/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

106 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỐNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 10 năm 1978
Số bằng: 1AA 237 bt Quyết định số: 34/TTga ngày 28 tháng 1 năm 1981

107 Liệt sĩ: **PHAN VĂN UT**

Dược tá, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 4H 621 cm Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 1 năm 1980

108 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÁ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1968
Số bằng: VV 829 bm Quyết định số: 580/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

109 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHỊ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 1 năm 1952
Số bằng: HA 038 bp Quyết định số: 425/TTga ngày 20 tháng 3 năm 2006

110 Liệt sĩ: **CAO VĂN XÉT**

Cán bộ, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1971
Số bằng: RM 356 cm Quyết định số: 516/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

111 Liệt sĩ: **LÊ THỊ HÀ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1970
Số bằng: 1AB 588bm Quyết định số: 127/CTKT ngày 24 tháng 5 năm 1982

- 112 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHÂN**
Cán bộ nông hội tỉnh, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 3K 030 cm Quyết định số: 1106/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1978
- 113 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NHƯ**
Bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1968
Số bằng: 2T 022 cm Quyết định số: 464/TTga ngày 10 tháng 5 năm 1978
- 114 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHUYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1961
Số bằng: 7U 479 bm Quyết định số: 124/TTga ngày 12 tháng 2 năm 1979
- 115 Liệt sĩ: **LỤC VĂN MƯỜI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1969
Số bằng: 5L 271 bm Quyết định số: 516/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978
- 116 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÙNG**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1968
Số bằng: DM 065 bm Quyết định số: 87/TTga ngày 3 tháng 5 năm 1994
- 117 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÉ DŨNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1972
Số bằng: 4B 887 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 22 tháng 2 năm 1978
- 118 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN XÊ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1967
Số bằng: VV 635 bm Quyết định số: 595/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1977
- 119 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HAI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1967
Số bằng: VV 760 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 120 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BA**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1969
Số bằng: CM 045 km Quyết định số: 75/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991
- 121 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN TƯỚC**
Cán bộ Binh vận, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1972
Số bằng: RM 363 cm Quyết định số: 516/TTga ngày 6 tháng 3 năm 1977
- 122 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHIẾN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp

Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1973
Số bằng: VV 803 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

- 123 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LONG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 5L 329 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978
- 124 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NĂM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 9X 405 bm Quyết định số: 703/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1980
- 125 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÁT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1970
Số bằng: VV 672 bm Quyết định số: 595/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1977
- 126 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 01 năm 1968
Số bằng: VV 629 bm Quyết định số: 595/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1977
- 127 Liệt sĩ: **TRẦN THANH HỒNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1972
Số bằng: VV 768 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 128 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN GAN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1967
Số bằng: VV 743 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 129 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN CAY**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 02 năm 1969
Số bằng: 9B 359 bm Quyết định số: 894/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1979
- 130 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THƯỜNG**
Huyện đội phó, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1969
Số bằng: EH 574 bm Quyết định số: 861/TTga ngày 11 tháng 9 năm 2000
- 131 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NHÂM**
Cán bộ kinh tài, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: 3T 990 cm Quyết định số: 119/TTga ngày 12 tháng 2 năm 1979
- 132 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1970
Số bằng: 7U 291 cm Quyết định số: 140/TTGa ngày 16 tháng 2 năm 1979

133 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ON**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1961
Số bằng: EM 595 km Quyết định số: 505/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1977

134 Liệt sĩ: **LÊ THỊ DUNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1973
Số bằng: N 240 bm Quyết định số: 218/CTKT ngày 15 tháng 6 năm 1983

135 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN TÁM**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 10 năm 1947
Số bằng: BC 175 kp Quyết định số: 516/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1977

136 Liệt sĩ: **BÙI VĂN KHẢI**

Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1964
Số bằng: 1X 065 km Quyết định số: 1726/TTGa ngày 14 tháng 12 năm 1977

137 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN THI**

Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1974
Số bằng: EM 991 Quyết định số: 505/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1977

138 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN GIỎI**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1969
Số bằng: CV 776 bm Quyết định số: 246/CTKT ngày 16 tháng 10 năm 1991

139 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÉ BA**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: VV 691 bm Quyết định số: 586/TTGa ngày 15 tháng 6 năm 1977

140 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN CHÍNH**

Trưởng ban tiếp tế, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1948
Số bằng: AQ 927 Quyết định số: 211/CTKT ngày 19 tháng 5 năm 1985

141 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN PHẢI**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: AQ 921 bp Quyết định số: 211/CTKT ngày 29 tháng 5 năm 1985

142 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN TRƯỜNG**

Xã đội phó, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954

Số bằng: EC 178 kp Quyết định số: 516/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1977

143 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NĂM**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1970

Số bằng: VV 615 bm Quyết định số: 595/TTGa ngày 15 tháng 6 năm 1977

144 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NĂM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1968

Số bằng: 7V 527 bm Quyết định số: 157/TTGa ngày 02 tháng 2 năm 1979

145 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TÀI**

Y tá, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 2 năm 1968

Số bằng: 9G 270 bm Quyết định số: 18/TTGa ngày 5 tháng 1 năm 1980

146 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐỜI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1972

Số bằng: VV 738 bm Quyết định số: 586/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1977

147 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN CHƠI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 01 năm 1968

Số bằng: VV 809 bm Quyết định số: 586/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1977

148 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN NHỊ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 4 năm 1968

Số bằng: 1A 820 bm Quyết định số: 110/TTGa ngày 8 tháng 4 năm 1981

149 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHUỘT**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1967

Số bằng: EM 792 km Quyết định số: 505/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1977

150 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THANH**

Đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1969

Số bằng: 2Q 089 km Quyết định số: 440/TTGa ngày 5 tháng 4 năm 1987

151 Liệt sĩ: **LÊ VĂN UT**

Cán bộ trinh sát, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 01 năm 1968

Số bằng: RM 326 cm Quyết định số: 516/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1977

152 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN GUƠNG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh

trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1968

Số bằng: AQ 946 km Quyết định số: 211/CTKT ngày 25 tháng 5 năm 1985

153 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN BA**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1968

Số bằng: VV 689 bm Quyết định số: 595/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1977

154 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN BẢY**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1967

Số bằng: N 362 bm Quyết định số: 245/CTKT ngày 29 tháng 6 năm 1983

155 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LỢI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1967

Số bằng: VV 793 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1977

156 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN XÊ**

Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1967

Số bằng: VV 635 bm Quyết định số: 599/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1977

157 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BUỐT**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1964

Số bằng: CM 044 km Quyết định số: 75/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991

158 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KIỂU**

Trưởng ban dân y xã, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1961

Số bằng: C 502 cm Quyết định số: 350/CTKT ngày 24 tháng 11 năm 1982

159 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM PHỤNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1969

Số bằng: VV 680 bm Quyết định số: 595/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1977

160 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÀNH LONG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1970

Số bằng: VV 800 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

161 Liệt sĩ: **VÕ VĂN BẾ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1965

Số bằng: 4T 595 bm Quyết định số: 55/TTg ngày 20 tháng 1 năm 1978

162 Liệt sĩ: **LA XUÂN THU**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 6 năm 1945

Số bằng: N 832 bp Quyết định số: 245/CTKT ngày 29 tháng 6 năm 1983

- 163 Liệt sĩ: **VÕ VĂN SÁU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1966
Số bằng: EZ 217 cm Quyết định số: 478/TTGa ngày 19 tháng 4 năm 2001
- 164 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÉ**
Nhân viên, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 01 năm 1969
Số bằng: O 018 bm Quyết định số: 267/CTKT ngày 21 tháng 7 năm 1983
- 165 Liệt sĩ: **PHAN THANH LONG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 02 năm 1975
Số bằng: 7U 283 bm Quyết định số: 140/TTGa ngày 16 tháng 2 năm 1979
- 166 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẸ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1971
Số bằng: VV 781 bm Quyết định số: 586/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 167 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC LAN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1969
Số bằng: 5L 265 bm Quyết định số: 516/TTGa ngày 22 tháng 5 năm 1978
- 168 Liệt sĩ: **PHAN NGỌC THƠM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1970
Số bằng: 9B 366 bm Quyết định số: 894/TTGa ngày 3 tháng 12 năm 1979
- 169 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KÝ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1965
Số bằng: EM 942 km Quyết định số: 505/TTGa ngày 9 tháng 6 năm 1977
- 170 Liệt sĩ: **VÕ VĂN BA**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 01 năm 1975
Số bằng: VV 692 bm Quyết định số: 595/TTGa ngày 15 tháng 6 năm 1977
- 171 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1963
Số bằng: CC 491 cm Quyết định số: 350/CTKT ngày 24 tháng 11 năm 1982
- 172 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN CHÉP**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 3 năm 1969

Số bằng: 5L 215 bm Quyết định số: 516/TTGa ngày 22 tháng 5 năm 1978

173 Liệt sĩ: **VÕ VĂN CẦU**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 02 năm 1964

Số bằng: Q 354 km Quyết định số: 334/CTKT ngày 28 tháng 9 năm 1983

174 Liệt sĩ: **CAO VĂN MƯỜI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968

Số bằng: VV 608 bm Quyết định số: 595/TTGa ngày 15 tháng 6 năm 1977

175 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HIẾU**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 01 năm 1968

Số bằng: VV 753 bm Quyết định số: 586/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1977

176 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÀ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1969

Số bằng: 1A 810 bm Quyết định số: 110/TTGa ngày 3 tháng 4 năm 1981

177 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NĂM**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1969

Số bằng: C 454 km Quyết định số: 350/CTKT ngày 24 tháng 10 năm 1982

178 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐỤNG**

Âp đội trưởng, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1969

Số bằng: Q 355 km Quyết định số: 334/CTKT ngày 28 tháng 4 năm 1983

179 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NĂM**

Cán bộ an ninh ấp, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 01 năm 1969

Số bằng: AQ 695 cm Quyết định số: 211/CTKT ngày 29 tháng 5 năm 1985

180 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÀNH LONG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 01 năm 1968

Số bằng: 1AA 764 bm Quyết định số: 110/TTGa ngày 4 tháng 3 năm 1981

181 Liệt sĩ: **VÕ MINH PHỐ**

Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 11 năm 1967

Số bằng: I 7,386 bm Quyết định số: 110/CTKT ngày 30/ tháng 3 năm 1983

182 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÀNH**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 01 năm 1969

Số bằng: 2P 943 km Quyết định số: 454/TTGa ngày 5 tháng 8 năm 1978

- 183 Liệt sĩ: **LÊ QUAN THÀNH**
Huyện đội phó, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1972
Số bằng: VV 612 bm Quyết định số: 595/TTGa ngày 15 tháng 6 năm 1977
- 184 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN MINH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1970
Số bằng: GV 017 bm Quyết định số: 621/TTGa ngày 4 tháng 7 năm 2005
- 185 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN TƯ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 01 năm 1978
Số bằng: 9G 277 bt Quyết định số: 98/TTGa ngày 28 tháng 2 năm 1978
- 186 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHỐI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1973
Số bằng: AQ 951 km Quyết định số: 211/CTKT ngày 29 tháng 5 năm 1985
- 187 Liệt sĩ: **LÂM THÁI AN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 10 năm 1978
Số bằng: 9G 294 bt Quyết định số: 18/TTGa ngày 5 tháng 1 năm 1980
- 188 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN MẠNH**
Chi ủy viên huyện, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 4 năm 1974
Số bằng: 3K 018 cm Quyết định số: 1106/TTGa ngày 30 tháng 9 năm 1978
- 189 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH VÂN**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 11 năm 1971
Số bằng: 2Q 025 km Quyết định số: 440/TTGa ngày 5 tháng 4 năm 1978
- 190 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN BÉ BA**
Đội trưởng đội bảo vệ, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 02 năm 1973
Số bằng: RM 312 cm Quyết định số: 516/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 191 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MIÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1967
Số bằng: VV 601 bm Quyết định số: 595/TTGa ngày 15 tháng 6 năm 1977
- 192 Liệt sĩ: **HUỖNH THỊ NĂM**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1971
Số bằng: VV 774 bm Quyết định số: 586/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1977

- 193 Liệt sĩ: **LÊ THANH HÙNG**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1965
 Số bằng: VV 780 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 194 Liệt sĩ: **LÊ HỮU OAI**
 Thư ký mặt trận, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1948
 Số bằng: YC 899 cm Quyết định số: 18/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980
- 195 Liệt sĩ: **LÊ THANH DŨNG**
 Đoàn thanh niên, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1952
 Số bằng: 3T 890 cm Quyết định số: 116/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1979
- 196 Liệt sĩ: **HÒ VẤN HẢI**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947
 Số bằng: AQ 914 bp Quyết định số: 211/CTKT ngày 29 tháng 5 năm 1985
- 197 Liệt sĩ: **HÒ VẤN CƠ**
 Bí thư Chi bộ, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1964
 Số bằng: 2R 967 km Quyết định số: 454/TTga ngày 5 tháng 8 năm 1978
- 198 Liệt sĩ: **LÊ QUAN MINH**
 Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 01 năm 1949
 Số bằng: SC 717 kp Quyết định số: 129/CTKT ngày 24 tháng 5 năm 1982
- 199 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG CHÂU**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
 Số bằng: OC 612 bp Quyết định số: 516/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1976
- 200 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỰC**
 Phó ban công an xã, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 02 năm 1969
 Số bằng: Q 359 Quyết định số: 334/CTKT ngày 28 tháng 9 năm 1983
- 201 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOÀNG**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1971
 Số bằng: RM 331 cm Quyết định số: 516/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 202 Liệt sĩ: **VÕ THỊ TIÊU**
 Giao liên, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1969
 Số bằng: CK 980 cm Quyết định số: 58/CTKT ngày 12 tháng 3 năm 1991
- 203 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHƯNG**

Công an, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 02 năm 1968
Số bằng: RM 378 cm Quyết định số: 516/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1977

204 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SỬA**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 4 năm 1951

Số bằng: OC 604 bp Quyết định số: 516/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1977

205 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NĂM**

Áp đội trưởng, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1961

Số bằng: EY 068 km Quyết định số: 687/TTg ngày 19 tháng 8 năm 2002

206 Liệt sĩ: **ĐINH THANH TÔNG**

Cán bộ cơ yếu, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 5 năm 1954

Số bằng: PC 173 cm Quyết định số: 780/TTGa ngày 19 tháng 7 năm 1978

207 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN KHÔI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1968

Số bằng: VV 775 bm Quyết định số: 886/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1977

208 Liệt sĩ: **HUỖNH THỊ NHUNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1968

Số bằng: 5L 295 bm Quyết định số: 516/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1977

209 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÌNH**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1975

Số bằng: 5L 235 bm Quyết định số: 516/TTGa ngày 22 tháng 5 năm 1978

210 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ HAI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1969

Số bằng: 7U 363 bm Quyết định số: 124/TTGa ngày 12 tháng 2 năm 1979

211 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SINH**

Y tá, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1969

Số bằng: ĐH 169 bm Quyết định số: 279/TTg ngày 29 tháng 4 năm 1997

212 Liệt sĩ: **PHAN VĂN HÙNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 10 năm 1981

Số bằng: U 278 bp Quyết định số: 218/CTKT ngày 15 tháng 6 năm 1983

- 213 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỤC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 02 năm 1967
Số bằng: VV 796 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 214 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÊ**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 01 năm 1970
Số bằng: ED 1,914 km Quyết định số: 505/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 215 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ÂN**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1970
Số bằng: BM 252 km Quyết định số: 233/CTKT ngày 14 tháng 10 năm 1987
- 216 Liệt sĩ: **VÕ VĂN CỎ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1972
Số bằng: VV 715 pm Quyết định số: 586/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 217 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN MẬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 02 năm 1960
Số bằng: VV 599 bm Quyết định số: 595/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1977
- 218 Liệt sĩ: **LƯU VĂN CHÍ**
Trưởng ban công an, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 6N 836 cm Quyết định số: 129/CTKT ngày 24 tháng 5 năm 1982
- 219 Liệt sĩ: **VÕ VĂN BẢY**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1972
Số bằng: EM 911 km Quyết định số: 505/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 220 Liệt sĩ: **TÔN VĂN ĐÔI**
Cán bộ công an tỉnh, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 2R 977 cm Quyết định số: 454/TTga ngày 08 tháng 5 năm 1978
- 221 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUYÊN**
Trưởng ban chấp hành nông hội xã, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1966
Số bằng: 2T 033 cm Quyết định số: 64/TTga ngày 10 tháng 5 năm 1978
- 222 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẠNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1969
Số bằng: QM 972 km Quyết định số: 848/TTga ngày 12 tháng 8 năm 1977
- 223 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỢI**
Cán bộ ấp, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự

nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1969
Số bằng: RM 343 cm Quyết định số: 516TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

- 224 Liệt sĩ: **LƯU VĂN ĐỒ**
Trưởng ban Văn hóa thông tin, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1970
Số bằng: GQ 095 cm Quyết định số: 1334/TTg ngày 14 tháng 2 năm 2004
- 225 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN THẢO**
Trưởng ban kinh tài xã, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 9 năm 1969
Số bằng: 3K 073 cm Quyết định số: 1106/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1978
- 226 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN LỎ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1968
Số bằng: VV 797 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 227 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KIỀU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1970
Số bằng: VV 776 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 228 Liệt sĩ: **TÔN VĂN NGOAN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 01 năm 1975
Số bằng: RM 665 cm Quyết định số: 505/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 229 Liệt sĩ: **TÔN VĂN BÃY**
Cán bộ hậu cần, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 01 năm 1968
Số bằng: EM 912 km Quyết định số: 595/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1977
- 230 Liệt sĩ: **LƯU VĂN KIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1969
Số bằng: VV 783 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 231 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẠNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1968
Số bằng: VV 596 bm Quyết định số: 595/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 232 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÍ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 01 năm 1970
Số bằng: EM 970 km Quyết định số: 505/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 233 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1970
Số bằng: ĐU 977 bm Quyết định số: 516/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1995

- 234 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHỰT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 07 năm 1973
Số bằng: EM 977 km Quyết định số: 505/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 235 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGA**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bằng: RM 372 cm Quyết định số: 516/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 236 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHOAI**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 01 năm 1970
Số bằng: VV 777 bm Quyết định số: 505/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 237 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỎ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1969
Số bằng: EM 915 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 238 Liệt sĩ: **LƯU THÀNH NAI**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 3 năm 1970
Số bằng: EM 901 km Quyết định số: 505/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 239 Liệt sĩ: **VÕ VĂN LÂN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1963
Số bằng: VV 795 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 240 Liệt sĩ: **VÕ VĂN TƯỞC**
Cán bộ tuyên huấn, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1973
Số bằng: 6N 724 cm Quyết định số: 132/CTKT ngày 25 tháng 5 năm 1982
- 241 Liệt sĩ: **CHÂU HỒNG HOA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 02 năm 1954
Số bằng: 1SV 868 bp Quyết định số: 119/TTga ngày 12 tháng 2 năm 1979
- 242 Liệt sĩ: **BÙI VĂN MINH**
Cán bộ đội bảo vệ tỉnh ủy, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1967
Số bằng: RM 344 cm Quyết định số: 516/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 243 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN E**
Cán bộ Công an, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1973

Số bằng: DV 035 cm Quyết định số: 614/TTg ngày 27 tháng 9 năm 1995

- 244 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRỌNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bằng: 9B 366 bm Quyết định số: 894/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977
- 245 Liệt sĩ: **NGUYỄN HOÀNG KHẢI**
Giám đốc, trường thiếu sinh quân, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1970
Số bằng: C 227 cm Quyết định số: 360/CTKT ngày 29 tháng 11 năm 1982
- 246 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NIÊM**
Chủ tịch Ủy ban hành chánh kháng chiến, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1947
Số bằng: AH 716 cp Quyết định số: 366/CTKT ngày 30 tháng 10 năm 1984
- 247 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGHIỆP**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1961
Số bằng: 3K 716 bm Quyết định số: 1783/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977
- 248 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÙNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bằng: 7U 557 bm Quyết định số: 157/TTga ngày 23 tháng 2 năm 1979
- 249 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KIỂM**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc năm 1943
Số bằng: 7U 592 bp Quyết định số: 157/TTga ngày 23 tháng 2 năm 1979
- 250 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VOI**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1970
Số bằng: 2M 332 km Quyết định số: 326/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 251 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 1AA 217 bt Quyết định số: 341/TTga ngày 20 tháng 1 năm 1981
- 252 Liệt sĩ: **TRẦN CU EM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: 7N 546 bm Quyết định số: 1493/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978
- 253 Liệt sĩ: **MAI HOÀNG TƯ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh

trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 2M 322 km Quyết định số: 326/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978

- 254 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TỶ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 2M 319 km Quyết định số: 326/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 255 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN QUỐN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1966
Số bằng: 2M 312 bm Quyết định số: 326/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 256 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐO**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1971
Số bằng: 4Z 463 bm Quyết định số: 325/TTga ngày 24 tháng 3 năm 1978
- 257 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÉ HAI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 4Z 463 bm Quyết định số: 325/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 258 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VUÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: 4Z 656 bm Quyết định số: 325/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 259 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH HUYNH**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947
Số bằng: 1V 333 bp Quyết định số: 325/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 260 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MƯỜI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: 4Z 621 bm Quyết định số: 325/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 261 Liệt sĩ: **VÕ VĂN NHAN**
Phó Chủ tịch xã, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1946
Số bằng: MC 828 cp Quyết định số: 325/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 262 Liệt sĩ: **VÕ VĂN HOÀNH**
Ban nhân dân ấp, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: MC 832 cp Quyết định số: 325/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 263 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN UT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1968
Số bằng: 4Z 661 bm Quyết định số: 325/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978

- 264 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHÚC**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1969
Số bằng: 4Z 695 bm Quyết định số: 325/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 265 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOẠCH**
Phó Bí thư Chi bộ, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 2N 518 bm Quyết định số: 326/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 266 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN YÊM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1961
Số bằng: 2M 336 km Quyết định số: 326/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 267 Liệt sĩ: **VÕ VĂN CHUÔNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 1 năm 1948
Số bằng: 1CC 336bp Quyết định số: 325/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 268 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NIÊN**
Nhân viên quân báo, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 4 năm 1951
Số bằng: KC 684 cp Quyết định số: 325/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 269 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DÙNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1963
Số bằng: 4Z 653 bm Quyết định số: 325/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 270 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NAY**
Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chánh, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1947
Số bằng: MC 830bp Quyết định số: 325/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 271 Liệt sĩ: **TUÔNG VĂN LỆ**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 7 năm 1954
Số bằng: KC 692 kp Quyết định số: 325/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 272 Liệt sĩ: **VÕ VĂN TƯỜNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 3 năm 1951
Số bằng: KC 688 bp Quyết định số: 325/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 273 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN DƯƠNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 2 năm 1948

Số bằng: KC 695 cp Quyết định số: 325/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1978

274 Liệt sĩ: **LÊ THỊ SÁU**

Cán bộ giao liên, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 6 năm 1947

Số bằng: MC 827 cp Quyết định số: 325/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1978

275 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỎI**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 6 năm 1948

Số bằng: KC 644 kp Quyết định số: 325/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1978

276 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÉ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1967

Số bằng: 4Z 595 bm Quyết định số: 325/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1978

277 Liệt sĩ: **VÕ VĂN BÉ**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1968

Số bằng: 4Z 592 bm Quyết định số: 325/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1978

278 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NĂM**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1969

Số bằng: 4Z 618 bm Quyết định số: 325/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1978

279 Liệt sĩ: **HUYỀN VĂN BẢY**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày tháng 4 năm 1947

Số bằng: 4CC 339 bp Quyết định số: 325/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1978

280 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CA**

Cán bộ nông hội, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 9 năm 1949

Số bằng: MC 834 cp Quyết định số: 325/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1978

281 Liệt sĩ: **TRẦN TẤN HUYỀN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 12 năm 1949

Số bằng: 1EC 721 bp Quyết định số: 554/TTGa ngày 27 tháng 5 năm 1978

282 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BẢY**

Xã đội phó, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1965

Số bằng: 3D 034 km Quyết định số: 1072/TTGa ngày 20 tháng 9 năm 1978

283 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN HÀO**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 11 năm 1949

Số bằng: QC 921 cp Quyết định số: 1106/TTGa ngày 30 tháng 9 năm 1978

- 284 **Liệt sĩ: TƯỜNG MINH CHIẾU**
 Tổng Thư ký kháng chiến hành chánh, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày tháng năm 1948
 Số bằng: QC 919 cp Quyết định số: 1106/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1978
- 285 **Liệt sĩ: VÕ VĂN VUI**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1969
 Số bằng: 6R 681 bm Quyết định số: 1136/TTga ngày 6 tháng 10 năm 1978
- 286 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN NÔ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1968
 Số bằng: 7u 634 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 12 tháng 2 năm 1979
- 287 **Liệt sĩ: TIÊU VĂN LANG**
 Cán bộ giao liên, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày tháng năm 1966
 Số bằng: 6N 714 cm Quyết định số: 132/CTKT ngày 24 tháng 5 năm 1982
- 288 **Liệt sĩ: TRƯƠNG VĂN QUỚI**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày tháng 8 năm 1965
 Số bằng: 1AA 777 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1981
- 289 **Liệt sĩ: TẠ VĂN DI**
 Cán bộ y tế, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 2 năm 1947
 Số bằng: YC 896 cp Quyết định số: 18/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980
- 290 **Liệt sĩ: HÀ VĂN TÁM**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 2 năm 1979
 Số bằng: 1AA 862 bt Quyết định số: 18/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980
- 291 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN TÀU**
 Trưởng ban trật tự, Nguyên quán: xã Bình Hàng Tây, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 5 năm 1951
 Số bằng: YC 891 cp Quyết định số: 18/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980
- 292 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN LÃNH**
 Cơ sở mật, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 6 năm 1947
 Số bằng: YC 894 cp Quyết định số: 18/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980
- 293 **Liệt sĩ: PHAN VĂN NAM**
 Cán bộ, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 1 năm 1948
 Số bằng: GO 026 bp Quyết định số: 1100/TTga ngày 13 tháng 10 năm 2004

- 294 **Liệt sĩ: VÕ VĂN QUANG**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày tháng 6 năm 1968
Số bằng: ET 028 bm Quyết định số: 1606/TTga ngày 24 tháng 12 năm 2001
- 295 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN TƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 3 năm 1982
Số bằng: N 269 bt Quyết định số: 218/CTKT ngày 15 tháng 6 năm 1983
- 296 **Liệt sĩ: ĐÀO VĂN TÁN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 1 năm 1982
Số bằng: N 271 bt Quyết định số: 218/CTKT ngày 15 tháng 6 năm 1983
- 297 **Liệt sĩ: PHAN VĂN KÍNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: làng Thượng Văn, huyện Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 4 năm 1950
Số bằng: AQ 916 bp Quyết định số: 211/CTKT ngày 29 tháng 5 năm 1985
- 298 **Liệt sĩ: HỒNG VĂN GIẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 8 năm 1982
Số bằng: AH 858 bt Quyết định số: 367/CTKT ngày 31 tháng 10 năm 1984
- 299 **Liệt sĩ: VÕ VĂN THƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 12 năm 1982
Số bằng: AH 881 bt Quyết định số: 367/CTKT ngày 31 tháng 10 năm 1984
- 300 **Liệt sĩ: TRƯƠNG VĂN PHÁT**
Cán bộ nông hội, Nguyên quán: xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1965
Số bằng: AH 835 cm Quyết định số: 367/CTKT ngày 31 tháng 10 năm 1984
- 301 **Liệt sĩ: NGUYỄN HỒNG THÁI**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 5 năm 1984
Số bằng: QĐ 070 bt Quyết định số: 194/CTKT ngày 26 tháng 8 năm 1987
- 302 **Liệt sĩ: TẠ TẤN HUNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1946
Số bằng: BM 270 km Quyết định số: 233/CTKT ngày 14 tháng 10 năm 1987
- 303 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN ĐÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 6 năm 1983
Số bằng: CĐ 731 bt Quyết định số: 228/CTKT ngày 11 tháng 2 năm 1989
- 304 **Liệt sĩ: NGUYỄN THANH VÂN**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1963
Số bằng: cm 063 km Quyết định số: 75/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991

305 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÀI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 11 năm 1980
Số bằng: ĐO 558 bt Quyết định số: 04/TTGa ngày 5 tháng 1 năm 1998

306 Liệt sĩ: **BẠCH VĂN TÔN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 1 năm 1983
Số bằng: ĐO 562 bt Quyết định số: 04/TTGa ngày 5 tháng 1 năm 1998

307 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẠT**

Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1968
Số bằng: QM 969 km Quyết định số: 848/TTGa ngày 12 tháng 8 năm 1977

308 Liệt sĩ: **THIỆU THỊ TÁM**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1969
Số bằng: 3K 641 bm Quyết định số: 1783/TTGa ngày 28 tháng 12 năm 1977

309 Liệt sĩ: **ĐẶNG THỊ XUÂN PHƯƠNG**

Cán bộ cơ sở, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1972
Số bằng: 2R 235 cm Quyết định số: 484/TTGa ngày 15 tháng 5 năm 1978

310 Liệt sĩ: **ĐẶNG AI VIỆT**

Cán bộ Trung cấp Đảng, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1971
Số bằng: I 791 cm Quyết định số: 110/CTKT ngày 30 tháng 3 năm 1983

311 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHƯƠNG NAM**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1972
Số bằng: 5L 333 bm Quyết định số: 516/TTGa ngày 22 tháng 5 năm 1978

312 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOÀNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1967
Số bằng: 5L 306 bm Quyết định số: 516/TTGa ngày 22 tháng 5 năm 1978

313 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHƯỚC**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1962
Số bằng: O 098 bm Quyết định số: 267/CTKT ngày 21 tháng 7 năm 1983

314 Liệt sĩ: **HUYỀN VĂN ĐỨC**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh

trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1964
Số bằng: 2P 912 km Quyết định số: 454/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1978

- 315 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỆ**
Phó Ban chấp hành nông hội, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 7 năm 1962
Số bằng: 2R 981 cm Quyết định số: 454/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1978
- 316 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÀNH PHÚC**
Cán bộ kinh tài, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1964
Số bằng: 4S 159 km Quyết định số: 200/CTKT ngày 12 tháng 9 năm 1987
- 317 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NHỰT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1972
Số bằng: 2Q 005 km Quyết định số: 440/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978
- 318 Liệt sĩ: **MAI TẤN HỮU**
Bí thư chi bộ, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1964
Số bằng: 2R 987 cm Quyết định số: 454/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1978
- 319 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ KHOA**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1966
Số bằng: 5L 321 bm Quyết định số: 516/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978
- 320 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢY**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 5I 208 bm Quyết định số: 516/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978
- 321 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CÁN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1971
Số bằng: 2P 890 km Quyết định số: 454/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1978
- 322 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU CẦU**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 1 năm 1970
Số bằng: O 102 bm Quyết định số: 267/CTKT ngày 21 tháng 7 năm 1983
- 323 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HIỀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1970
Số bằng: 5L 311 bm Quyết định số: 516/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978
- 324 Liệt sĩ: **VÕ THÀNH LỢI**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh

Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1972
Số bằng: 5L 254 bm Quyết định số: 516/TTGa ngày 22 tháng 5 năm 1978

325 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN SÁU**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1963
Số bằng: 5L 354 bm Quyết định số: 516/TTGa ngày 22 tháng 5 năm 1978

326 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GIỌT**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1968
Số bằng: 5L 247 bm Quyết định số: 516/TTGa ngày 22 tháng 5 năm 1978

327 Liệt sĩ: **PHAN NGỌC ĐIỀU**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 1 năm 1947
Số bằng: 1DC 870 bp Quyết định số: 440/TTGa ngày 4 tháng 5 năm 1978

328 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÔNG**

Trung đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 5 năm 1950
Số bằng: MC 209 kp Quyết định số: 464/TTGa ngày 10 tháng 5 năm 1978

329 Liệt sĩ: **PHAN VĂN CƯỜNG**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1968
Số bằng: 2P 879 km Quyết định số: 454/TTGa ngày 8 tháng 5 năm 1978

330 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÀNH LỢI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 2L 255 bm Quyết định số: 516/TTGa ngày 22 tháng 5 năm 1978

331 Liệt sĩ: **CAO VĂN UT**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 5L 396 km Quyết định số: 440/TTGa ngày 4 tháng 5 năm 1978

332 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN ĐÌNH**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 5L 236 bm Quyết định số: 516/TTGa ngày 22 tháng 5 năm 1978

333 Liệt sĩ: **TRẦN MINH HOÀNG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 5L 340 bm Quyết định số: 516/TTGa ngày 22 tháng 5 năm 1978

334 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BA**

Bí thư chi bộ, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1969

Số bằng: 2R 961 cm Quyết định số: 454/TTGa ngày 8 tháng 5 năm 1978

335 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LƯỢNG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1966

Số bằng: 2P 964 km Quyết định số: 454/TTGa ngày 8 tháng 5 năm 1978

336 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC THÂN**

Cán bộ kinh tài, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1962

Số bằng: 2T 064 cm Quyết định số: 464/TTGa ngày 10 tháng 5 năm 1978

337 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NÚI**

Dân quân xã An Nhơn, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1966

Số bằng: 2Q 008 km Quyết định số: 440/TTGa ngày 4 tháng 5 năm 1978

338 Liệt sĩ: **HUỖNH CẨM NANG**

Bí thư chi bộ, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1970

Số bằng: 2T 026 cm Quyết định số: 464/TTGa ngày 10 tháng 5 năm 1978

339 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HOÀI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1964

Số bằng: 5L 308 bm Quyết định số: 516/TTGa ngày 22 tháng 5 năm 1978

340 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN XƯƠNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 10 năm 1948

Số bằng: 1DC 896bp Quyết định số: 440/TTGa ngày 4 tháng 5 năm 1978

341 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TƯ**

Tổ trưởng du kích, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1966

Số bằng: 2Q 053 km Quyết định số: 440/TTGa ngày 4 tháng 5 năm 1978

342 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN TÔNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1968

Số bằng: 5L 360 bm Quyết định số: 516/TTGa ngày 22 tháng 5 năm 1978

343 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỌ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 2 năm 1978

Số bằng: 5L 379 bt Quyết định số: 440/TTGa ngày 4 tháng 5 năm 1978

344 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY HÙNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 11 năm 1967

Số bằng: 1736 bt Quyết định số: 110/CTKT ngày 30 tháng 3 năm 1983

345 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN BA**

Phó phòng ban an ninh, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1968

Số bằng: 2R 208 cm Quyết định số: 484/TTGa ngày 15 tháng 5 năm 1978

346 Liệt sĩ: **PHAN VĂN XUÂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1966

Số bằng: 5Z 695 bm Quyết định số: 780/TTGa ngày 2 tháng 12 năm 1966

347 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HOÀ**

Huyện uỷ viên, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1971

Số bằng: 2Z 483 cm Quyết định số: 792/TTGa ngày 24 tháng 7 năm 1978

348 Liệt sĩ: **VÕ VĂN ĐƯỜNG**

Trưởng ban binh vận, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1969

Số bằng: 2Z 386 cm Quyết định số: 792/TTGa ngày 24 tháng 7 năm 1978

349 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SƯA**

Cán bộ kinh tài, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1970

Số bằng: 2Z 467 cm Quyết định số: 792/TTGa ngày 24 tháng 7 năm 1978

350 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**

Cán bộ huyện đoàn, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1973

Số bằng: 2Z 539 cm Quyết định số: 780/TTGa ngày 19 tháng 7 năm 1978

351 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ LIÊN**

Cán bộ giao liên, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 7 năm 1968

Số bằng: EN 208 cm Quyết định số: 478/TTGa ngày 19 tháng 4 năm 2001

352 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ HUỆ**

Trung đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 5 năm 1950

Số bằng: EN 207 kp Quyết định số: 478/TTGa ngày 19 tháng 4 năm 2001

353 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SỰ**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1963

Số bằng: 5Z 495 bm Quyết định số: 756/TTGa ngày 17 tháng 7 năm 1978

354 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TIẾNG**

Phó phòng công an, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 7 năm 1948

Số bằng: C 198 cp Quyết định số: 360/CTKT ngày 29 tháng 11 năm 1982

- 355 Liệt sĩ: **CAO VĂN NGHỊ**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1965
 Số bằng: 3K 026 cm Quyết định số: 1106/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1978
- 356 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÀNH TÚC**
 Trưởng ban binh vận, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1966
 Số bằng: 3K 047 cm Quyết định số: 1106/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1978
- 357 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN QUANG**
 Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1967
 Số bằng: 3D 714 km Quyết định số: 1106/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1978
- 358 Liệt sĩ: **CAO VĂN CHỨ**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1969
 Số bằng: 3D 675 km Quyết định số: 1136/TTga ngày 6 tháng 10 năm 1978
- 359 Liệt sĩ: **LÊ VĂN RY**
 Ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1963
 Số bằng: 3D 715 km Quyết định số: 1106/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1978
- 360 Liệt sĩ: **PHAN VĂN SANG**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1966
 Số bằng: 3D 717 km Quyết định số: 1106/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1978
- 361 Liệt sĩ: **CAO VĂN DẶN**
 Chủ tịch mặt trận, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1965
 Số bằng: 3I 981 cm Quyết định số: 113/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1978
- 362 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐỨC**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1965
 Số bằng: 3D 681 km Quyết định số: 1136/TTga ngày 6 tháng 10 năm 1978
- 363 Liệt sĩ: **TÓNG VĂN HAI**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1969
 Số bằng: 3D 697 km Quyết định số: 1136/TTga ngày 6 tháng 10 năm 1978
- 364 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHÁ**
 Trưởng công an xã, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 5 năm 1951
 Số bằng: 3T 981 cp Quyết định số: 119/TTga ngày 12 tháng 2 năm 1979

- 365 Liệt sĩ: **PHAN NGỌC CHÁNH**
 Tuyên huấn, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 1 năm 1951
 Số bằng: 7C 426 cp Quyết định số: 140/TTga ngày 16 tháng 2 năm 1979
- 366 Liệt sĩ: **PHAN VĂN SÔ**
 Ủy viên Ủy ban hành chánh, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 1 năm 1951
 Số bằng: TC 441 cp Quyết định số: 124/TTga ngày 12 tháng 2 năm 1979
- 367 Liệt sĩ: **ĐẶNG AN NINH**
 Chiến sĩ du kích, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1968
 Số bằng: 3N 879 km Quyết định số: 130/TTga ngày 12 tháng 2 năm 1979
- 368 Liệt sĩ: **HUỖNH TÂN TÀI**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1965
 Số bằng: 5K 361 cm Quyết định số: 156/TTga ngày 17 tháng 7 năm 1978
- 369 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THUẬN**
 Y tá đội du kích, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1965
 Số bằng: 3N 779 km Quyết định số: 119/TTga ngày 12 tháng 2 năm 1979
- 370 Liệt sĩ: **TÔ VĂN KHOẾ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1968
 Số bằng: 7U 367 km Quyết định số: 124/TTga ngày 12 tháng 2 năm 1979
- 371 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGHĨA**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1961
 Số bằng: 5L 2,929bm Quyết định số: 516/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978
- 372 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG DƯƠNG**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1970
 Số bằng: 7U 347 bm Quyết định số: 140/TTga ngày 16 tháng 2 năm 1979
- 373 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỆP**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1966
 Số bằng: 1AB 590bm Quyết định số: 129/TTga ngày 24 tháng 5 năm 1982
- 374 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BE**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1963
 Số bằng: 7U 304 bm Quyết định số: 140/TTga ngày 16 tháng 2 năm 1979
- 375 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÂN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 7U 482 bm Quyết định số: 157/TTGa ngày 23 tháng 2 năm 1979

376 Liệt sĩ: **PHAN VĂN LUÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 7U 281 bm Quyết định số: 140/TTGa ngày 16 tháng 12 năm 1979

377 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỌC**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 5 năm 1948

Số bằng: 1SC 909 bp Quyết định số: 130/TTGa ngày 12 tháng 2 năm 1979

378 Liệt sĩ: **PHAN NGỌC DĨ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 4 năm 1948
Số bằng: 1SC 818 bp Quyết định số: 106/TTGa ngày 2 tháng 2 năm 1979

379 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU NGÃI**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1961
Số bằng: EN 193 km Quyết định số: 478/TTGa ngày 19 tháng 4 năm 2001

380 Liệt sĩ: **CAO THỊ TƯ**

Chiến sĩ giao liên, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 4H 606 cm Quyết định số: 64/TTGa ngày 23 tháng 1 năm 1980

381 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẠNH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1964
Số bằng: 4Z 624 bm Quyết định số: 325/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1978

382 Liệt sĩ: **LÊ QUỐC TIẾN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 1 năm 1984
Số bằng: 9I 397 bt Quyết định số: 64/TTGa ngày 23 tháng 1 năm 1984

383 Liệt sĩ: **ĐÀO CHƠN DÃ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 8 năm 1949
Số bằng: 2CC 025 bp Quyết định số: 703/TTGa ngày 12 tháng 11 năm 1980

384 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐẦY**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 1 năm 1948
Số bằng: 2CC 230 bp Quyết định số: 37/TTGa ngày 28 tháng 1 năm 1981

- 385 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỜI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 7 năm 1953
Số bằng: 2CH 233bp Quyết định số: 34/TTGa ngày 28 tháng 1 năm 1981
- 386 Liệt sĩ: **LÊ KIM SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1967
Số bằng: 9X 423 bm Quyết định số: 703/TTGa ngày 12 tháng 11 năm 1980
- 387 Liệt sĩ: **TÔ HỮU ĐỨC**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 4M 622 cm Quyết định số: 106/TTGa ngày 3 tháng 4 năm 1981
- 388 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN THẮNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 9I 389 bm Quyết định số: 64/TTGa ngày 23 tháng 1 năm 1980
- 389 Liệt sĩ: **TRẦN MINH CHÂU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 9F 333 bm Quyết định số: 64/TTGa ngày 23 tháng 1 năm 1980
- 390 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH TÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1967
Số bằng: GO 033 bm Quyết định số: 1100/TTGa ngày 13 tháng 10 năm 2004
- 391 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHONG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 1 năm 1965
Số bằng: GO 031 bm Quyết định số: 1100/TTGa ngày 13 tháng 10 năm 2004
- 392 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG SƠN**
Giao liên xã, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1959
Số bằng: 4H 236 cm Quyết định số: 118/TTGa ngày 5 tháng 1 năm 1980
- 393 Liệt sĩ: **LÊ VĂN PHƯỚC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1971
Số bằng: 1AA 785 bp Quyết định số: 110/TTGa ngày 3 tháng 4 năm 1981
- 394 Liệt sĩ: **ĐẶNG TRUNG NGHĨA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 06 tháng 1 năm 1979
Số bằng: CT 289 bt Quyết định số: 108/CTKT ngày 01 tháng 4 năm 1991
- 395 Liệt sĩ: **PHAN VĂN THANH**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng

Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1962
Số bằng: 1AA 850 bm Quyết định số: 110/TTGa ngày 3 tháng 4 năm 1981

- 396 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CỬA**
Tiểu đội phó giao bưu, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 4M 934 cm Quyết định số: 189/TTGa ngày 29 tháng 5 năm 1981
- 397 Liệt sĩ: **MAI HỮU NHỎ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 1AB 301 bt Quyết định số: 132/CTKT ngày 24 tháng 5 năm 1985
- 398 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CỬA**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1967
Số bằng: 3Y 396 km Quyết định số: 796/TTGa ngày 31 tháng 12 năm 1986
- 399 Liệt sĩ: **THẠCH TOUL**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 9 năm 1948
Số bằng: SC 687 kp Quyết định số: 115/CTKT ngày 18 tháng 5 năm 1982
- 400 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHUNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 1AA 210 bm Quyết định số: 34/TTGa ngày 28 tháng 1 năm 1981
- 401 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH CHÂN**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1972
Số bằng: C 435 bm Quyết định số: 350/CTKT ngày 24 tháng 11 năm 1982
- 402 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DƯ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 11 năm 1952
Số bằng: 2CC 227bp Quyết định số: 34/TTGa ngày 28 tháng 1 năm 1981
- 403 Liệt sĩ: **VÕ VĂN SÁU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 7 năm 1968
Số bằng: 1767 km Quyết định số: 110/CTKT ngày 30 tháng 3 năm 1983
- 404 Liệt sĩ: **VÕ VĂN TƯ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1963
Số bằng: C 457 km Quyết định số: 350/CTKT ngày 24 tháng 11 năm 1982
- 405 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÁNH**

- Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 11 năm 1982
Số bằng: C 463 kt Quyết định số: 350/CTKT ngày 24 tháng 11 năm 1982
- 406 Liệt sĩ: **TÔ VĂN CỬA**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1969
Số bằng: N 859 bm Quyết định số: 245/CTKT ngày 29 tháng 6 năm 1983
- 407 Liệt sĩ: **VÕ VĂN VÕ**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1963
Số bằng: 4A 827 km Quyết định số: 129/CTKT ngày 24 tháng 5 năm 1982
- 408 Liệt sĩ: **HUỖNH TUẤN HẢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 11 năm 1978
Số bằng: C 512 bt Quyết định số: 350/CTKT ngày 24 tháng 11 năm 1982
- 409 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HỮU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điều Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày tháng 12 năm 1951
Số bằng: 1CC 836 bp Quyết định số: 387/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1978
- 410 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU CÀU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1967
Số bằng: O 102 bm Quyết định số: 267/CTKT ngày 21 tháng 7 năm 1983
- 411 Liệt sĩ: **VÕ VĂN NHÂM**
Trưởng ban an ninh, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1969
Số bằng: C 504 cm Quyết định số: 350/CTKT ngày 24 tháng 11 năm 1982
- 412 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN ÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 06 tháng 4 năm 1983
Số bằng: AH 855 bt Quyết định số: 367/CTKT ngày 31 tháng 10 năm 1984
- 413 Liệt sĩ: **NGUYỄN HOÀNG LƯU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lợi, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày tháng năm 1964
Số bằng: AQ 937 bm Quyết định số: 211/CTKT ngày 29 tháng 5 năm 1985
- 414 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN RẰNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954
Số bằng: BN 981 bp Quyết định số: 194/CTKT ngày 26 tháng 8 năm 1987

..

..

- 415 Liệt sĩ: **LÊ VĂN XÊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 10 năm 1983
Số bằng: AQ 998 bt Quyết định số: 211/CTKT ngày 29 tháng 5 năm 1985
- 416 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÙNG**
Tiểu đội trưởng trinh sát, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 11 năm 1982
Số bằng: AR 005 bt Quyết định số: 211/CTKT ngày 29 tháng 5 năm 1985
- 417 Liệt sĩ: **LƯƠNG MINH TÂM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 9 năm 1984
Số bằng: BM 292 bt Quyết định số: 263/CTKT ngày 4 tháng 11 năm 1987
- 418 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG NHƯ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 3 năm 1984
Số bằng: BS 318 bt Quyết định số: 93/CTKT ngày 4 tháng 5 năm 1988
- 419 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỒNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 3 năm 1985
Số bằng: BS 317 bt Quyết định số: 93/CTKT ngày 4 tháng 5 năm 1988
- 420 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHƯỚC LÂM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 12 năm 1984
Số bằng: BS 294 bt Quyết định số: 93/CTKT ngày 4 tháng 5 năm 1988
- 421 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TẤN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1964
Số bằng: BS 159 km Quyết định số: 200/CTKT ngày 12 tháng 9 năm 1987
- 422 Liệt sĩ: **LÊ THANH HÀ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1961
Số bằng: BS 188 bm Quyết định số: 200/CTKT ngày 12 tháng 9 năm 1988
- 423 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: BV 756 bm Quyết định số: 268/CTKT ngày 21 tháng 12 năm 1988
- 424 Liệt sĩ: **LÊ THỊ ĐÌNH**
Cơ sở cách mạng, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1965
Số bằng: BV 702 cm Quyết định số: 145/CTKT ngày 12 tháng 7 năm 1988
- 425 Liệt sĩ: **LÊ BÁ NHO**

Chủ tịch Ủy ban hành chánh kháng chiến, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 6 năm 1954
Số bằng: 8V 640 cp Quyết định số: 145/CTKT ngày 12 tháng 7 năm 1988

426 Liệt sĩ: **PHAN VĂN LUẬN**

Nông dân, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1969
Số bằng: BV 629 cm Quyết định số: 145/CTKT ngày 12 tháng 7 năm 1988

427 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NGÔN**

Ủy viên Ban chấp hành nông dân dân quốc xã, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 2 năm 1948
Số bằng: BV 641 cp Quyết định số: 145/CTKT ngày 12 tháng 7 năm 1988

428 Liệt sĩ: **PHAN VĂN HUYỀN**

Hội viên, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 2 năm 1948
Số bằng: BV 642 cp Quyết định số: 145/CTKT ngày 12 tháng 7 năm 1988

429 Liệt sĩ: **CAO VĂN LUẬN**

Cán bộ kinh tài, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 8 năm 1980
Số bằng: BV 639 ct Quyết định số: 145/CTKT ngày 12 tháng 7 năm 1988

430 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỨC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1966
Số bằng: BV 752 bm Quyết định số: 268/CTKT ngày 27 tháng 12 năm 1988

431 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHÍNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 8 năm 1987
Số bằng: CK 756 bt Quyết định số: 230/CTKT ngày 22 tháng 11 năm 1990

432 Liệt sĩ: **LÊ THANH HẢI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 1 năm 1988
Số bằng: CK 744 bt Quyết định số: 230/CTKT ngày 22 tháng 11 năm 1990

433 Liệt sĩ: **PHAN TRUNG TRỰC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 5 năm 1988
Số bằng: CK 743 bt Quyết định số: 230/CTKT ngày 22 tháng 11 năm 1990

434 Liệt sĩ: **CHÂU TÂN TRẠCH**

Cơ sở mật, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1964
Số bằng: CK 985 cm Quyết định số: 58/CTKT ngày 12 tháng 3 năm 1991

- 435 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TÀI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 4 năm 1987
Số bằng: HN 473 bt Quyết định số: 117/TTGa ngày 8 tháng 7 năm 2004
- 436 **Liệt sĩ: ĐẶNG VĂN NĂM**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1969
Số bằng: CM 029 bm Quyết định số: 75/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991
- 437 **Liệt sĩ: HUỖNH NGỌC Y**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 4 năm 1989
Số bằng: CP 984 bt Quyết định số: 50/CTKT ngày 12 tháng 3 năm 1991
- 438 **Liệt sĩ: NGUYỄN QUỐC HIẾU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 1 năm 1987
Số bằng: ET 046 bt Quyết định số: 606/CTKT ngày 24 tháng 12 năm 2001
- 439 **Liệt sĩ: NGUYỄN MINH THỚI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 1 năm 1983
Số bằng: DM 133 bt Quyết định số: 75/TTGa ngày 25 tháng 2 năm 1994
- 440 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN CỌP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 5 năm 1947
Số bằng: DM 008 bp Quyết định số: 84/TTGa ngày 5 tháng 3 năm 1994
- 441 **Liệt sĩ: NGUYỄN PHƯƠNG HẬU**
Cán bộ binh vận xã, Nguyên quán: xã Tân Thuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1968
Số bằng: DV 045 cm Quyết định số: 614/TTg ngày 27 tháng 9 năm 1995
- 442 **Liệt sĩ: ĐẶNG VĂN DŨNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 8 năm 1952
Số bằng: DO 510 bp Quyết định số: 04/TTGa ngày 5 tháng 1 năm 1998
- 443 **Liệt sĩ: ĐỖ VĂN HÙNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 11 năm 1969
Số bằng: 2P 929 kp Quyết định số: 454/TTGa ngày 08 tháng 5 năm 1979
- 444 **Liệt sĩ: PHẠM TẤN LỢI**
Thư ký, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 4 năm 1905
Số bằng: EY 042 cp Quyết định số: 687/TTGa ngày 19 tháng 8 năm 2002
- 445 **Liệt sĩ: NGUYỄN THANH LIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp

Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 1 năm 1979
Số bằng: GK 404 bt Quyết định số: 347/TTGa ngày 7 tháng 4 năm 2004

- 446 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ HƯỜNG**
Chiến sĩ giao liên, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1968
Số bằng: GU 757 cm Quyết định số: 352/TTGa ngày 26 tháng 4 năm 2005
- 447 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẾT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 4I 666 bm Quyết định số: 55/TTGa ngày 20 tháng 1 năm 1978
- 448 Liệt sĩ: **TRẦN THIÊN CHUÔNG**
Trưởng bộ phận hội họa, Nguyên quán: xã Tân Thuận Tây, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 12 năm 1967
Số bằng: 4H 572 cm Quyết định số: 108/TTGa ngày 07 tháng 2 năm 1978
- 449 Liệt sĩ: **VÕ VĂN THẬN**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 01 năm 1954
Số bằng: RC 347 kp Quyết định số: 902/TTGa ngày 19 tháng 12 năm 1979
- 450 Liệt sĩ: **BÙI THỊ HẸ (TRINH)**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 4I 451 bm Quyết định số: 81/TTGa ngày 27 tháng 1 năm 1978
- 451 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHƯỢNG**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Thiện, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 9 năm 1960
Số bằng: 2E 785 km Quyết định số: 53/TTGa ngày 20 tháng 1 năm 1977
- 452 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1971
Số bằng: 4I 471 bm Quyết định số: 81/TTGa ngày 27 tháng 1 năm 1978
- 453 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NĂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Ngãi, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 6P 595 bt Quyết định số: 1072/TTGa ngày 20 tháng 9 năm 1978
- 454 Liệt sĩ: **VÕ VĂN CHÍ**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 7 năm 1986
Số bằng: BV 881 bt Quyết định số: 164/CTKT ngày 20 tháng 7 năm 1988
- 455 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIÊM**

Cán bộ quân báo xã, Nguyên quán: xã Mỹ Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1968
Số bảng: 2E 730 km Quyết định số: 53/TTGa ngày 20 tháng 1 năm 1978

456 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SƠN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 9 năm 1974
Số bảng: 4I 518 bm Quyết định số: 81/TTGa ngày 27 tháng 1 năm 1978

457 Liệt sĩ: **VÕ VĂN KHUYÊN**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1968
Số bảng: 2E 746 km Quyết định số: 53/TTGa ngày 20 tháng 1 năm 1978

458 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN CAO**

Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Mỹ Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1970
Số bảng: 2E 776 km Quyết định số: 53/TTGa ngày 20 tháng 1 năm 1978

459 Liệt sĩ: **TRẦN THANH LONG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 6 năm 1974
Số bảng: 4I 661 bm Quyết định số: 55/TTGa ngày 20 tháng 1 năm 1978

460 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH SƠN**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1969
Số bảng: BS 146 km Quyết định số: 146/CTKT ngày 12 tháng 9 năm 1988

461 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN CỬ**

Cơ sở hợp pháp, Nguyên quán: xã Nhị Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1960
Số bảng: 3N 167 cm Quyết định số: 1272/TTGa ngày 08 tháng 11 năm 1978

462 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**

Cán bộ Ty công an, Nguyên quán: xã Tịnh Thới, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1972
Số bảng: 3I 784 cm Quyết định số: 1128/TTGa ngày 04 tháng 10 năm 1978

463 Liệt sĩ: **VÕ VĂN ĐÁU**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Tân, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1967
Số bảng: 2H 387 bm Quyết định số: 1150/TTGa ngày 10 tháng 10 năm 1977

464 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TRÁI**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Tân, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 05 tháng 01 năm 1979
Số bảng: 1AB 304ct Quyết định số: 132/CTKT ngày 24 tháng 5 năm 1982

465 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN THẮNG**

Nhân viên văn phòng tỉnh Uy, Nguyên quán: xã Mỹ Ngãi, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 01 năm 1969

Số bằng: 2R 257 cm Quyết định số: 484/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1978

466 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÚ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Tân, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 5 năm 1954

Số bằng: 1SC 857 bp Quyết định số: 119/TTga ngày 12 tháng 2 năm 1979

467 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ CHEN**

Cán bộ phụ nữ, Nguyên quán: xã Mỹ Tân, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 4 năm 1961

Số bằng: 4H 036 cm Quyết định số: 312/CTKT ngày 19 tháng 9 năm 1984

468 Liệt sĩ: **CAO VĂN LIA**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Tân, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 02 năm 1963

Số bằng: 3A 030 bm Quyết định số: 189/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1981

469 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÀI**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Tân, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1970

Số bằng: 2E 826 bm Quyết định số: 1173/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977

470 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC THÀNH**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Tân, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1960

Số bằng: AQ 952 km Quyết định số: 211/CTKT ngày 29 tháng 5 năm 1985

471 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 01 năm 1968

Số bằng: AO 839 bm Quyết định số: 1352/TTga ngày 29 tháng 10 năm 1977

472 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN Y**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ An Hưng, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1963

Số bằng: 4I 580 bm Quyết định số: 55/TTga ngày 20 tháng 1 năm 1978

473 Liệt sĩ: **HUỖNH THỊ LỚI**

Trưởng ban chấp hành phụ nữ xã, Nguyên quán: xã Bình Thạnh, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1969

Số bằng: AT 487 cm Quyết định số: 258/CTKT ngày 24 tháng 7 năm 1985

474 Liệt sĩ: **THÁI VĂN HÉN**

Cơ sở mật ấp Bắc, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1960

Số bằng: AQ 959 cm Quyết định số: 211/CTKT ngày 29 tháng 5 năm 1985

475 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIẾT**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh

Đông Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1968
Số bằng: 9E 583 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 05 tháng 1 năm 1980

- 476 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ LỰA**
Diễn viên đoàn văn công, Nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1971
Số bằng: 1Z 517 cm Quyết định số: 1686/TTga ngày 09 tháng 12 năm 1977
- 477 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SANG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đốc Bình Kiều, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1972
Số bằng: 7N 590 bm Quyết định số: 1493/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1978
- 478 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hưng, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1965
Số bằng: 5E 081 bm Quyết định số: 439/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978
- 479 Liệt sĩ: **TRANG VĂN BÉ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Khánh Đông, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 4Z 597 bm Quyết định số: 325/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 480 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN DIỆM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhị Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1970
Số bằng: 8AA 400 bm Quyết định số: 70/CTKT ngày 26 tháng 3 năm 1982
- 481 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÊ**
Uy viên thường vụ huyện ủy, Nguyên quán: xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 2X 566 cm Quyết định số: 699/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1978
- 482 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÁU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: 4I 415 bm Quyết định số: 81/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1978
- 483 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC ANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Tân, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 1AB 576 bt Quyết định số: 129/CTKT ngày 24 tháng 5 năm 1982
- 484 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MUI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa Chánh, Cao Miên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bằng: 2P 141 bm Quyết định số: 1334/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1977
- 485 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BỰC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1970
Số bằng: 9I 360 bm Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 1 năm 1980

- 486 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LẬP**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 02 năm 1964
 Số bằng: 7U 374 bm Quyết định số: 124/TTGa ngày 12 tháng 2 năm 1979
- 487 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN ĐỨC**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1969
 Số bằng: 5I 649 bm Quyết định số: 434/TTGa ngày 04 tháng 5 năm 1978
- 488 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÔNG**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 7 năm 1951
 Số bằng: 1CC 327bp Quyết định số: 344/TTGa ngày 05 tháng 4 năm 1978
- 489 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐƯƠNG**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 10 năm 1952
 Số bằng: 2DC 215bp Quyết định số: 115/CTKT ngày 18 tháng 5 năm 1982
- 490 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KẾT**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 07 tháng 12 năm 1978
 Số bằng: 1AA 813 bt Quyết định số: 110/TTGa ngày 03 tháng 4 năm 1981
- 491 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÊ**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 11 năm 1948
 Số bằng: OC 594 bp Quyết định số: 516/TTGa ngày 03 tháng 6 năm 1977
- 492 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẠNH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 10 năm 1988
 Số bằng: CK 728 bt Quyết định số: 230/CTKT ngày 22 tháng 11 năm 1990
- 493 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU LẬP**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Xương, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 12 năm 1967
 Số bằng: 7U 375 bm Quyết định số: 124/TTGa ngày 12 tháng 2 năm 1979
- 494 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HUYỆN**
 Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1968
 Số bằng: 3T 640 km Quyết định số: 902/TTGa ngày 19 tháng 12 năm 1979
- 495 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGÂN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 01 năm 1975

Số bằng: 5I 294 bm Quyết định số: 516/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978

496 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐIỀN**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1959

Số bằng: 2P 902 km Quyết định số: 454/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1978

497 Liệt sĩ: **PHAN VĂN HOÀNG**

Xã đội phó, Nguyên quán: xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1974

Số bằng: 2P 935 km Quyết định số: 454/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1978

498 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TIẾNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968

Số bằng: 5L 369 bm Quyết định số: 440/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978

499 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯ**

Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1969

Số bằng: 2Q 051 km Quyết định số: 440/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978

500 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TE**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 10 năm 1963

Số bằng: 5V 316 bm Quyết định số: 703/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1978

501 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUỖNH**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 1 năm 1969

Số bằng: 2S 494 km Quyết định số: 768/TTga ngày 17 tháng 7 năm 1978

502 Liệt sĩ: **TÔNG VIỆT HƯNG**

Cán bộ Binh vận, Nguyên quán: xã Thạnh Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1965

Số bằng: 3K 829 cm Quyết định số: 1127/TTga ngày 4 tháng 10 năm 1978

503 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HẠN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1974

Số bằng: 6T 457 bm Quyết định số: 1127/TTga ngày 4 tháng 10 năm 1978

504 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÁT**

Bí thư Chi bộ, Nguyên quán: xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1965

Số bằng: AH 031 cm Quyết định số: 312/CTKT ngày 19 tháng 9 năm 1984

505 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1966

Số bằng: 5L 210 bm Quyết định số: 516/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978

- 506 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KIỀU**
Đội viên du kích , Nguyên quán: xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1969
Số bằng: 2P 959 km Quyết định số: 454/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1978
- 507 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÒI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 10 năm 1970
Số bằng: 5L 303 bm Quyết định số: 516/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978
- 508 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÂM**
Đội viên du kích , Nguyên quán: xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1971
Số bằng: 2Q 065 km Quyết định số: 440/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978
- 509 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN LỘ**
Đội viên du kích , Nguyên quán: xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1969
Số bằng: 2P 972 km Quyết định số: 464/TTga ngày 10 tháng 5 năm 1978
- 510 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THÊM**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 10 năm 1951
Số bằng: 1SC 901 bp Quyết định số: 130/TTga ngày 12 tháng 2 năm 1979
- 511 Liệt sĩ: **HUỖNH TRUNG TÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1964
Số bằng: 7U 436 bm Quyết định số: 124/TTga ngày 12 tháng 2 năm 1979
- 512 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN THÀNH**
Đội viên du kích , Nguyên quán: xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bằng: 2Đ 939 km Quyết định số: 13/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 513 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN SÁU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1973
Số bằng: 4B 465 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 514 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN DON**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 4B 576 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 515 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1968
Số bằng: 9E 583 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980

..

..

- 516 Liệt sĩ: **HỒ THỊ MUM**
Giao bưu Kiến Phong, Nguyên quán: xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 4H 582 cm Quyết định số: 108/TTGa ngày 7 tháng 2 năm 1980
- 517 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯỞC**
Giao bưu Kiến Phong, Nguyên quán: xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 4H 603 cm Quyết định số: 64/TTGa ngày 23 tháng 1 năm 1980
- 518 Liệt sĩ: **TRẦN THANH NHÀN**
Bí thư xã đoàn, Nguyên quán: xã Bình Hàng Tây, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 11 năm 1957
Số bằng: 3Đ 693 cm Quyết định số: 888/TTGa ngày 11 tháng 8 năm 1978
- 519 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hàng Tây, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 3 năm 1953
Số bằng: HA 037 bp Quyết định số: 425/QĐ-TTg ngày 20 tháng 3 năm 2006
- 520 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TRẠNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hàng Tây, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1963
Số bằng: 6Z 985 bm Quyết định số: 1259/TTGa ngày 6 tháng 11 năm 1978
- 521 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NHẢ**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Bình Hàng Tây, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1962
Số bằng: 2Z 266 km Quyết định số: 888/TTGa ngày 11 tháng 8 năm 1978
- 522 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TIẾT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Hàng Tây, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1964
Số bằng: 2Z 271 km Quyết định số: 888/TTGa ngày 11 tháng 8 năm 1978
- 523 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CỎI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Hàng Tây, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 2Z 252 km Quyết định số: 888/TTGa ngày 11 tháng 8 năm 1978
- 524 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUYÊN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1963
Số bằng: 8AA 369 bm Quyết định số: 70/CTKT ngày 26 tháng 3 năm 1982
- 525 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LẬP**

- Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1964
Số bằng: 7U 374 bm Quyết định số: 124/TTGa ngày 12 tháng 2 năm 1979
- 526 Liệt sĩ: **VÕ VĂN HAI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1967
Số bằng: 5Z 581 bm Quyết định số: 789/TTGa ngày 21 tháng 7 năm 1978
- 527 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1968
Số bằng: 6T 455 bm Quyết định số: 1127/TTGa ngày 4 tháng 10 năm 1978
- 528 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN TÔNG**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1965
Số bằng: 3U 669 km Quyết định số: 138/TTGa ngày 27 tháng 2 năm 1980
- 529 Liệt sĩ: **VÕ VĂN TỶ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1947
Số bằng: YC 936 bp Quyết định số: 53/TTGa ngày 20 tháng 1 năm 1978
- 530 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN LỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1971
Số bằng: 7U 372 bm Quyết định số: 124/TTGa ngày 12 tháng 2 năm 1979
- 531 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN TÀI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: 6T 446 bm Quyết định số: 1127/TTGa ngày 4 tháng 10 năm 1978
- 532 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 6 năm 1945
Số bằng: 1AA 200 bp Quyết định số: 34/TTGa ngày 28 tháng 1 năm 1981
- 533 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỢP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 5 năm 1983
Số bằng: AR 009 bt Quyết định số: 211/CTKT ngày 29 tháng 5 năm 1985
- 534 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN VONG**
Chiến sĩ du kích, Nguyên quán: xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: OC 719 bp Quyết định số: 1127/TTGa ngày 4 tháng 10 năm 1978

- 535 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHIẾN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1964
Số bằng: 2U 701 km Quyết định số: 722/TTGa ngày 5 tháng 7 năm 1978
- 536 Liệt sĩ: **VÕ VĂN A**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bằng: 6T 431 bm Quyết định số: 1127/TTGa ngày 4 tháng 10 năm 1978
- 537 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÝ**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 8 năm 1964
Số bằng: 2M 318 km Quyết định số: 326/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 538 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 5 năm 1954
Số bằng: 1NC 030bp Quyết định số: 1127/TTGa ngày 4 tháng 10 năm 1978
- 539 Liệt sĩ: **TRƯƠNG THANH VÂN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1972
Số bằng: 3G 255 km Quyết định số: 1221/TTGa ngày 25 tháng 10 năm 1978
- 540 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN HAI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 2P 951 km Quyết định số: 454/TTGa ngày 8 tháng 5 năm 1978
- 541 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN OT**
Chiến sĩ du kích, Nguyên quán: xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1963
Số bằng: 4A 287 km Quyết định số: 40/CTKT ngày 17 tháng 3 năm 1982
- 542 Liệt sĩ: **ĐÀO MINH HẢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1964
Số bằng: 1AA 254 bm Quyết định số: 34/TTGa ngày 28 tháng 1 năm 1981
- 543 Liệt sĩ: **BẠCH VĂN TUNG**
Cán bộ Binh vận, Nguyên quán: xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1963
Số bằng: 3K 040 cm Quyết định số: 1106/TTGa ngày 30 tháng 9 năm 1978
- 544 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN TRÒN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Bình Hàng Trung, Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1969
Số bằng: 6H 431 bm Quyết định số: 888/TTGa ngày 11 tháng 8 năm 1978
- 545 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN BI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh,

tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1975
Số bằng: 7U 294 bm Quyết định số: 140/TTGa ngày 16 tháng 2 năm 1979

546 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN SÁU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Xương, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 5V 228 bm Quyết định số: 703/TTGa ngày 30 tháng 6 năm 1978

547 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÌ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa An, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bằng: 1AB 160bm Quyết định số: 115/CTKT ngày 18 tháng 5 năm 1982

548 Liệt sĩ: **LÊ VĂN VIỆT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Bình, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1965
Số bằng: 4I 565 bm Quyết định số: 55/TTGa ngày 20 tháng 1 năm 1978

549 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẶNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1972
Số bằng: VV 730 bm Quyết định số: 586/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1977

550 Liệt sĩ: **VÔ THÀNH LUÔNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 9 năm 1948
Số bằng: VV 801 bp Quyết định số: 586/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1977

551 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẦY**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 2 năm 1949
Số bằng: OC 593 bp Quyết định số: 516/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1977

552 Liệt sĩ: **TRƯƠNG BÌNH NHI**

Phó Bí thư xã, Nguyên quán: xã Tân Phú Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1956
Số bằng: RM 375 cm Quyết định số: 516/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1977

553 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BIÊN**

Bí thư Chi bộ xã, Nguyên quán: xã Tân Phú Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1963
Số bằng: RM 318 cm Quyết định số: 516/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1977

554 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRÌNH**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1969
Số bằng: VV 661 bm Quyết định số: 595/TTGa ngày 15 tháng 6 năm 1977

555 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÔNG**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1966
Số bằng: VV 685 bm Quyết định số: 595/TTGa ngày 15 tháng 6 năm 1977

556 Liệt sĩ: **HUỖNH THỊ BA**

Đội viên Binh vận, Nguyên quán: xã Tân Phú Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 11 năm 1949
Số bằng: CC 237 cp Quyết định số: 505/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1977

557 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỘ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1965
Số bằng: 5G 973 bm Quyết định số: 485/TTGa ngày 15 tháng 5 năm 1978

558 Liệt sĩ: **TRẦN THANH LỘC**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 5G 912 bm Quyết định số: 485/TTGa ngày 15 tháng 5 năm 1978

559 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG HẢI**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 1 năm 1978
Số bằng: 7N 553 bt Quyết định số: 1493/TTGa ngày 28 tháng 12 năm 1978

560 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN PHẢI**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú Trung, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: MC 225 kp Quyết định số: 464 TTGa ngày 10 tháng 5 năm 1978

561 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÔI**

Trưởng Ban an ninh, Nguyên quán: xã Tân Phú Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1971
Số bằng: 3I 836 cm Quyết định số: 1128/TTGa ngày 4 tháng 10 năm 1978

562 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**

Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Tân Phú Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1971
Số bằng: 3G 254 km Quyết định số: 1221/TTGa ngày 25 tháng 10 năm 1978

563 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DI**

Trưởng Ban thông tin ấp, Nguyên quán: xã Tân Phú Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 9 năm 1949
Số bằng: RC 287 cp Quyết định số: 1221/TTGa ngày 25 tháng 10 năm 1978

564 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGHIÊM**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 6 năm 1950
Số bằng: OC 866 kp Quyết định số: 1221/TTGa ngày 25 tháng 10 năm 1978

565 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SĨ**

Trưởng Ban thông tin xã, Nguyên quán: xã Phong Hòa, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 1 năm 1965

Số bằng: 4G 710 cm Quyết định số: 16/TTGa ngày 5 tháng 1 năm 1980

566 Liệt sĩ: **LÊ BÁ TRUNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Mỹ, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 11 năm 1978

Số bằng: C 236 bt Quyết định số: 360/CTKT ngày 29 tháng 11 năm 1982

567 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN HAI**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tân Phú Trung, Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968

Số bằng: 9G 325 bm Quyết định số: 18/TTGa ngày 5 tháng 1 năm 1980

568 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TƯ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 1 năm 1946

Số bằng: 2DC 271bp Quyết định số: 129/CTKT ngày 24 tháng 5 năm 1982

569 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MUÔN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Thới, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 1 năm 1968

Số bằng: GQ 054 bm Quyết định số: 1334/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2004

570 Liệt sĩ: **KIỀU CÔNG HIỀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 11 năm 1951

Số bằng: I 717 bp Quyết định số: 110/CTKT ngày 30 tháng 3 năm 1983

571 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN DIỆN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 5 năm 1984

Số bằng: AL 810 bt Quyết định số: 39/CTKT ngày 13 tháng 2 năm 1985

572 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NHẢ**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 4 năm 1983

Số bằng: BS 464 bt Quyết định số: 146/CTKT ngày 12 tháng 7 năm 1988

573 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN TOÀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 6 năm 1988

Số bằng: BO 061 bt Quyết định số: 194/CTKT ngày 26 tháng 8 năm 1987

574 Liệt sĩ: **TÔNG MINH NỞ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 9 năm 1982

Số bằng: BO 057 bt Quyết định số: 194/CTKT ngày 26 tháng 8 năm 1987

575 Liệt sĩ: **HÒ NGỌC LÂM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 5 năm 1984

Số bằng: BO 058 bt Quyết định số: 194/CTKT ngày 26 tháng 8 năm 1987

- 576 **Liệt sĩ: LÝ VINH LỢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 2, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 6 năm 1985
Số bằng: BV 765 bt Quyết định số: 268/CTKT ngày 27 tháng 12 năm 1988
- 577 **Liệt sĩ: LÊ VĂN AN**
Đội viên, Nguyên quán: xã Hòa Long, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 10 năm 1949
Số bằng: CT 141 cp Quyết định số: 112/CTKT ngày 1 tháng 4 năm 1991
- 578 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THE**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 2M 323 km Quyết định số: 326/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 579 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN ĐẾM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thọ, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 12 năm 1984
Số bằng: BM 326 bt Quyết định số: 263/CTKT ngày 4 tháng 11 năm 1987
- 580 **Liệt sĩ: NGUYỄN THÀNH NAM**
Bí thư chi bộ, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1961
Số bằng: 2X 553 cm Quyết định số: 699/TTGa ngày 30 tháng 6 năm 1978
- 581 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN CƯ**
Chủ tịch xã, Nguyên quán: xã Gò Sắt, huyện Lò Veng, tỉnh Kandal, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 1 năm 1950
Số bằng: U 792 cp Quyết định số: 458/CTKT ngày 2 tháng 12 năm 1983
- 582 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN BÁNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thuận Tây, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 5V 065 bm Quyết định số: 680/TTGa ngày 28 tháng 6 năm 1978
- 583 **Liệt sĩ: DƯƠNG VĂN NGỌC**
Nhân viên Công an, Nguyên quán: xã An Bình, huyện Lò Veng, tỉnh Kandal, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 8 năm 1949
Số bằng: C 423 cp Quyết định số: 350/CTKT ngày 24 tháng 11 năm 1982
- 584 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN SANH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Phong, huyện Châu Thành,, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 5B 799 bm Quyết định số: 389/TTGa ngày 19 tháng 4 năm 1978
- 585 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN AI**
Cơ sở mật, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1973
Số bằng: 4G 683 cm Quyết định số: 16/TTGa ngày 5 tháng 1 năm 1980

- 586 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KỊCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thọ, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 3 năm 1987
Số bằng: CĐ 755 bt Quyết định số: 228/CTKT ngày 11 tháng 12 năm 1989
- 587 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú huyện Peam Chor, tỉnh Pray Veng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bằng: N 241 bm Quyết định số: 218/CTKT ngày 15 tháng 6 năm 1983
- 588 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HUỖNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Cao Miên, tỉnh Pray Veng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1972
Số bằng: 51 664 bm Quyết định số: 434/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978
- 589 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN DƯƠNG**
Cơ sở mật, Nguyên quán: xã Mỹ Quý, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: S 634 cm Quyết định số: 438/CTKT ngày 7 tháng 12 năm 1983
- 590 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THƯỜNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Quý, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1967
Số bằng: 8AA 379 bm Quyết định số: 70/CTKT ngày 26 tháng 3 năm 1982
- 591 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MÁCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thành, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1970
Số bằng: HB 065 bm Quyết định số: 741/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2006
- 592 Liệt sĩ: **VÕ VĂN TUÔNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ An, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 11 năm 1965
Số bằng: 5Y 437 bm Quyết định số: 742/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1978
- 593 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN TÀI**
Trung đội phó du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1966
Số bằng: 1L 086 km Quyết định số: 1267/TTga ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 594 Liệt sĩ: **PHẠM ĐANG THANH**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1965
Số bằng: 6Z 982 bm Quyết định số: 1259/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1978
- 595 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG THÀNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 4R 816 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 22 tháng 2 năm 1978
- 596 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN CHIÊU**

Áp đội phó, Nguyên quán: xã Phú An, huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1965
Số bằng: P 730 km Quyết định số: 318/CTKT ngày 26 tháng 10 năm 1983

- 597 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THỪA**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 3Y 556 km Quyết định số: 106/TTGa ngày 3 tháng 4 năm 1981
- 598 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN HÙNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1969
Số bằng: 2N 951 bm Quyết định số: 1267/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 599 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN UT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Mỹ, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 9G 307 bt Quyết định số: 18/TTGa ngày 5 tháng 1 năm 1980
- 600 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thuận Đông, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 7 năm 1983
Số bằng: AU 307 bt Quyết định số: 373/CTKT ngày 9 tháng 10 năm 1985
- 601 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN CANG (SẮT)**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thành, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1963
Số bằng: 4I 616 bm Quyết định số: 55/TTGa ngày 20 tháng 11 năm 1978
- 602 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC NỖ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhị Bình, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 2 năm 1964
Số bằng: 5G 936 bm Quyết định số: 485/TTGa ngày 15 tháng 5 năm 1978
- 603 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BÉ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 3Z 049 bm Quyết định số: 1803/TTGa ngày 30 tháng 12 năm 1977
- 604 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TRẢI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Tân, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 1AB 304 bt Quyết định số: 132/CTKT ngày 24 tháng 5 năm 1982
- 605 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THO**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phú Hựu, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 3U 661 km Quyết định số: 138/TTGa ngày 27 tháng 2 năm 1980

- 606 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 3K 045 bm Quyết định số: 1106/TTGa ngày 30 tháng 9 năm 1978
- 607 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÈN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 4Đ 976 bm Quyết định số: 54/TTGa ngày 20 tháng 1 năm 1978
- 608 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN DŨNG**
Trưởng ban Y tế xã Thanh Mỹ, Nguyên quán: xã Thanh Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1968
Số bằng: RM 322 cm Quyết định số: 516/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 609 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐỜI**
Trưởng ban kinh tế tài chính, Nguyên quán: xã Mỹ Quý, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 2Z 469 cm Quyết định số: 792/TTGa ngày 24 tháng 7 năm 1978
- 610 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỆP**
Cán bộ hội nông dân, Nguyên quán: xã Thanh Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 5N 998 cm Quyết định số: 40/CTKT ngày 17 tháng 3 năm 1982
- 611 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÙNG**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Thanh Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 9 năm 1953
Số bằng: CV 758 kp Quyết định số: 246/CTKT ngày 16 tháng 10 năm 1991
- 612 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NGHĨA**
Chiến sĩ du kích, Nguyên quán: xã Thanh Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 9 năm 1950
Số bằng: CC 377 kp Quyết định số: 579/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 613 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÊ**
Áp đội trưởng, Nguyên quán: xã Thanh Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1966
Số bằng: 3U 630 km Quyết định số: 138/TTGa ngày 27 tháng 2 năm 1980
- 614 Liệt sĩ: **LÂM VĂN UT**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Mỹ Quý, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 2Z 541 cm Quyết định số: 780/TTGa ngày 19 tháng 7 năm 1978
- 615 Liệt sĩ: **TRẦN BỬU HỰT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hưng Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1974
Số bằng: 2M 141 km Quyết định số: 257/TTGa ngày 20 tháng 3 năm 1978
- 616 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh

Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 4X 528 bm Quyết định số: 256/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1978

- 617 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN NHÁNH**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Đốc Binh Kiều, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1972
Số bằng: 2U 730 km Quyết định số: 722/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1978
- 618 Liệt sĩ: **VÕ VĂN HIỆP**
Nhân viên Ban an ninh huyện Mỹ An, Nguyên quán: xã Đốc Binh Kiều, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1971
Số bằng: 3K 831 cm Quyết định số: 1127/TTga ngày 4 tháng 10 năm 1978
- 619 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHO**
Đảng viên Ban chấp hành nông dân, Nguyên quán: xã Hòa Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 3K 810 cm Quyết định số: 1127/TTga ngày 4 tháng 10 năm 1978
- 620 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HÒA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thuận Đông, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1965
Số bằng: 6N 275 bm Quyết định số: 932/TTga ngày 23 tháng 8 năm 1978
- 621 Liệt sĩ: **LÊ THỊ THU**
Bí thư chi đoàn thanh xã, Nguyên quán: xã Tân Thuận Đông, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: 6G 680 cm Quyết định số: 16/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980
- 622 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÓN**
Cơ sở hợp pháp, Nguyên quán: xã Tân Thuận Đông, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1971
Số bằng: 4E 956 cm Quyết định số: 902/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1979
- 623 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN KIẾT**
Uy viên Ban chấp hành Nông hội xã, Nguyên quán: xã Bình An Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1968
Số bằng: 3T 979 cm Quyết định số: 119/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1979

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- 1 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC LINH**
Công nhân tự vệ, Nguyên quán: xã Hiệp Hòa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 4L 392 cm Quyết định số: 543/TTGa ngày 8 tháng 8 năm 1980
- 2 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH PHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Khê, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 6R 998 bm Quyết định số: 1109/TTGa ngày 30 tháng 9 năm 1978
- 3 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN BÊ**
Trung úy công an huyện, Nguyên quán: xã Hữu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1948
Số bằng: 2AC 031cp Quyết định số: 2329/TTGa ngày 29 tháng 10 năm 1981
- 4 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THỦ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 4 năm 1948
Số bằng: RC 377 bp Quyết định số: 1255/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 5 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN TRỐT**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Vĩnh Lộc A, Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 1 năm 1970
Số bằng: 8L 608 bm Quyết định số: 503/TTGa ngày 9 tháng 7 năm 1979
- 6 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VĨ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tân Túc, Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 2L 282 bm Quyết định số: 1591/TTGa ngày 25 tháng 11 năm 1977
- 7 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ VÂN**
Bí thư Hội Phụ nữ cứu quốc, Nguyên quán: xã Nam Tân, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: BC 304 cp Quyết định số: 8/TTGa ngày 7 tháng 1 năm 1977
- 8 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG THẨM**
Nhân viên Công an xã, Nguyên quán: Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 7 năm 1950
Số bằng: ĐC 875 cp Quyết định số: 874/TTGa ngày 17 tháng 8 năm 1977
- 9 Liệt sĩ: **HỒ GIÁC**
Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã Quế Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 3Q 515 cm Quyết định số: 365/TTGa ngày 23 tháng 5 năm 1979
- 10 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN LUẬN**
Tiểu đội trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Vĩnh Lộc A, Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 12 năm 1951
Số bằng: 1EC 800cp Quyết định số: 545/TTGa ngày 24 tháng 5 năm 1978

- 11 **Liệt sĩ: VƯƠNG ĐÌNH QUỲNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cộng Hòa, huyện Quốc Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 9 năm 1949
Số bằng: KX 662 bp Quyết định số: 498/TTg ngày 27 tháng 12 năm 1961
- 12 **Liệt sĩ: VƯƠNG ĐÌNH BẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cộng Hòa, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 11 năm 1968
Số bằng: CY 529 bm Quyết định số: 431/TTga ngày 19 tháng 11 năm 1972
- 13 **Liệt sĩ: NGÔ QUÍ HOÀNG**
Y sĩ dân y, Nguyên quán: xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 2I 567 cm Quyết định số: 93/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1978
- 14 **Liệt sĩ: BẠCH THỊ TRUNG**
Cán bộ Phụ nữ huyện, Nguyên quán: xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1964
Số bằng: 1O 075 cm Quyết định số: 1302/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977
- 15 **Liệt sĩ: LÊ VĂN GIANG**
Tiểu đội trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: p Tăng Nhơn Phú A, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 2I 378 bm Quyết định số: 1176/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977
- 16 **Liệt sĩ: TRẦN ĐÌNH HOẠT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Lâm, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1954
Số bằng: XH 897 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 6 tháng 6 năm 1958
- 17 **Liệt sĩ: VÕ VĂN THẮNG**
Tiểu đội phó Quân đội Nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Long Bình, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 11 năm 1986
Số bằng: CN 962 bt Quyết định số: 59/CTKT ngày 12 tháng 3 năm 1991
- 18 **Liệt sĩ: HUỲNH VĂN DỜI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: An Phú Đông, Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1964
Số bằng: AH 169 km Quyết định số: 306/CTKT ngày 12 tháng 9 năm 1984
- 19 **Liệt sĩ: NGÔ VĂN GẬP**
Tiểu đội phó Quân đội Nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tân Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 2B 699 bm Quyết định số: 1086/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1977
- 20 **Liệt sĩ: NGÔ VĂN SANG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tân Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1969
Số bằng: 2I 303 bm Quyết định số: 1076/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977

- 21 **Liệt sĩ: PHẠM HỒNG SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 14, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 6 năm 1979
Số bằng: 8X 378 bt Quyết định số: 726/TTGa ngày 17 tháng 10 năm 1979
- 22 **Liệt sĩ: LA VĂN THÀNH**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1967
Số bằng: YM 080 bm Quyết định số: 1270/TTGa ngày 8 tháng 11 năm 1978
- 23 **Liệt sĩ: CHÂU HOÀNG NGỌC AN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 1 năm 1983
Số bằng: AI 223 bt Quyết định số: 350/CTKT ngày 17 tháng 10 năm 1984
- 24 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN NGỌC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tam Bình, Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9X 503 bt Quyết định số: 654/TTGa ngày 8 tháng 10 năm 1980
- 25 **Liệt sĩ: LÊ HỒNG PHÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tam Bình, Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 10 năm 1978
Số bằng: 8A 675 bt Quyết định số: 300/TTGa ngày 25 tháng 4 năm 1979
- 26 **Liệt sĩ: ĐOÀN VĂN GỎI**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: Tam Bình, Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1964
Số bằng: TM 929 km Quyết định số: 880/TTGa ngày 17 tháng 8 năm 1977
- 27 **Liệt sĩ: ĐOÀN VĂN CHÍNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tam Bình, Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 2I 368 bm Quyết định số: 1176/TTGa ngày 12 tháng 10 năm 1977
- 28 **Liệt sĩ: VÕ NGỌC LÂM**
Trưởng ban An ninh huyện, Nguyên quán: Tam Bình, Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1972
Số bằng: 3A 862 cm Quyết định số: 867/TTGa ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 29 **Liệt sĩ: TRẦN PHÚ DANH**
Nhân viên Công an quận, Nguyên quán: phường 7, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1948
Số bằng: EC 420 cp Quyết định số: 964/TTGa ngày 31 tháng 8 năm 1977
- 30 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN KINH**
Cán bộ huyện ủy, Nguyên quán: phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1961
Số bằng: QM 614 cm Quyết định số: 519/TTGa ngày 6 tháng 3 năm 1977

- 31 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN CƯ**
Phó ban công an xã, Nguyên quán: xã Định Hòa, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 2 năm 1949
Số bằng: PC 662 cp Quyết định số: 842/TTga ngày 8 tháng 2 năm 1978
- 32 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN GÀNG**
Tiểu đội phó Quân đội Nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 12 năm 1952
Số bằng: 1TC 491 bp Quyết định số: 241/TTga ngày 6 tháng 4 năm 1979
- 33 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN UT**
Cán bộ Thông tin xã, Nguyên quán: phường 14, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 10 năm 1947
Số bằng: MC 737 cp Quyết định số: 338/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1978
- 34 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN VĂN**
Nhân viên công an xã, Nguyên quán: Vĩnh Lộc A, Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 3 năm 1951
Số bằng: EC 804 cp Quyết định số: 1065/TTga ngày 28 tháng 9 năm 1977
- 35 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tân Quý, Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 12 năm 1981
Số bằng: AO 602 bt Quyết định số: 90/CTKT ngày 13 tháng 3 năm 1985
- 36 Liệt sĩ: **NGUYỄN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tây An, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 7Q 758 bm Quyết định số: 89/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1979
- 37 Liệt sĩ: **LÂM HÁN TỈNH**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phú Thọ Hòa, Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 11 năm 1971
Số bằng: 4V 875 bm Quyết định số: 297/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 38 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VÀNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tân Sơn Nhì, Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1964
Số bằng: 2L 257 bm Quyết định số: 1591/TTga ngày 25 tháng 11 năm 1977
- 39 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KÈO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tân Sơn Nhì, Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1962
Số bằng: D 856 bm Quyết định số: 65/CTKT ngày 25 tháng 2 năm 1983
- 40 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC THANH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Yên, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1953
Số bằng: CZ 718 bp Quyết định số: 67/TTga ngày 7 tháng 3 năm 1962

- 41 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHÍN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 10 năm 1981
Số bằng: B 139 bt Quyết định số: 324/CTKT ngày 27 tháng 10 năm 1982

- 42 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Vĩnh Lộc B, Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1964
Số bằng: 2L 279 bm Quyết định số: 1591/TTGa ngày 25 tháng 11 năm 1977

- 43 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐĂNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Vĩnh Lộc B, Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 1Y 752 bm Quyết định số: 990/TTGa ngày 9 tháng 9 năm 1977

- 44 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TIẾN ĐỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 5, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 4 năm 1981
Số bằng: 1AB 773bt Quyết định số: 209/CTKT ngày 28 tháng 7 năm 1982

- 45 Liệt sĩ: **MAI VĂN THƠ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 3 năm 1980
Số bằng: 9X 446 bt Quyết định số: 654/TTGa ngày 10 tháng 8 năm 1980

- 46 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN PHÚ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Vĩnh Lộc A, Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 11 năm 1978
Số bằng: 8L 873 bt Quyết định số: 527/TTGa ngày 16 tháng 7 năm 1979

- 47 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN THƠ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Vĩnh Lộc A, Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1965
Số bằng: 2H 866 bm Quyết định số: 1232/TTGa ngày 14 tháng 10 năm 1977

- 48 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÂM**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Vĩnh Lộc A, Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1949
Số bằng: PC 854 bm Quyết định số: 998/TTGa ngày 9 tháng 12 năm 1977

- 49 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PHẢNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Hưng Long, Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1967
Số bằng: 3R 796 bm Quyết định số: 1746/TTGa ngày 21 tháng 12 năm 1977

- 50 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Hưng Long, Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 2 năm 1947
Số bằng: EC 360 bp Quyết định số: 70/CTKT ngày 25 tháng 2 năm 1983

- 51 Liệt sĩ: **LƯU VĂN NHƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Bình Lợi, Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 6E 790 bm Quyết định số: 982/TTga ngày 30 tháng 8 năm 1978
- 52 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MÃO**
Cán bộ tuyên truyền phát động phong trào Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Nguyên quán: Tân Sơn Nhì, Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 8 năm 1942
Số bằng: SC 152 cp Quyết định số: 1370/TTga ngày 4 tháng 12 năm 1978
- 53 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN CÁ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tân Sơn Nhì, Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1964
Số bằng: 2P 079 bm Quyết định số: 1464/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1977
- 54 Liệt sĩ: **VÕ VĂN DUƠNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tân Sơn Nhì, Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 1V 505 bm Quyết định số: 988/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977
- 55 Liệt sĩ: **VÕ VĂN GÀN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tân Sơn Nhì, Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 2M 794 bm Quyết định số: 1563/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1977
- 56 Liệt sĩ: **VÕ VĂN SINH**
Nhân viên công tác thành phố, Nguyên quán: Tân Sơn Nhì, Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: X 347 cm Quyết định số: 63/CTKT ngày 7 tháng 3 năm 1984
- 57 Liệt sĩ: **VÕ VĂN ĐẮC**
Cán bộ phong trào xã, Nguyên quán: Tân Túc, Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1962
Số bằng: 3S 976 cm Quyết định số: 58/TTga ngày 12 tháng 1 năm 1979
- 58 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN XÊ**
Cán bộ Đoàn Thanh niên, Nguyên quán: Vĩnh Lộc A, Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1959
Số bằng: 2V 279 cm Quyết định số: 545/TTga ngày 24 tháng 5 năm 1978
- 59 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG DOA**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 2 năm 1971
Số bằng: CĐ 752 bm Quyết định số: 213/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972
- 60 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN NGHIÊN**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Vĩnh Lộc A, Bình Chánh, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 5A 420 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1978

- 61 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MÓM**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1959
 Số bằng: 6Q 167 bm Quyết định số: 1063/TTGa ngày 18 tháng 9 năm 1978
- 62 Liệt sĩ: **MAI VĂN PHẠM**
 Quân y sĩ, Nguyên quán: Đông Thạnh, Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1968
 Số bằng: 4P 391 bm Quyết định số: 235/TTGa ngày 15 tháng 3 năm 1978
- 63 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỨC**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Đông Thạnh, Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1964
 Số bằng: 2B 090 bm Quyết định số: 1097/TTGa ngày 3 tháng 10 năm 1977
- 64 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUNG**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Mỹ, huyện Cù Chi, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1941
 Số bằng: DC 255 kp Quyết định số: 95/CTKT ngày 27 tháng 7 năm 1992
- 65 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DẠ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1965
 Số bằng: 6L 060 bm Quyết định số: 974/TTGa ngày 28 tháng 8 năm 1978
- 66 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỬU**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: An Lạc, Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1969
 Số bằng: AG 694 km Quyết định số: 311/CTKT ngày 19 tháng 9 năm 1984
- 67 Liệt sĩ: **VÕ VĂN LỆ**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1966
 Số bằng: 4R 474 bm Quyết định số: 176/TTGa ngày 27 tháng 2 năm 1978
- 68 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN LĂNG**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: p Tân Thới Nhất, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1966
 Số bằng: 1Z 025 bm Quyết định số: 1000/TTGa ngày 9 tháng 12 năm 1977
- 69 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LỤC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 18, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1963
 Số bằng: E 667 bm Quyết định số: 57/CTKT ngày 23 tháng 2 năm 1983
- 70 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HIỆP**
 Tiểu đội phó Quân đội Nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường An Bình, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1968
 Số bằng: 2R 569 bm Quyết định số: 1302/TTGa ngày 24 tháng 10 năm 1977

- 71 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẶNG**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1969
 Số bằng: 4R 618 bm Quyết định số: 170/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1978
- 72 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC CƯ**
 Chính trị viên phó Tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Sơn, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 7 năm 1968
 Số bằng: QM 103 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 73 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH DU**
 Quân y sĩ, Nguyên quán: xã Hoàng Quỳ, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1968
 Số bằng: DK 181 bm Quyết định số: 444 /TTg ngày 25 tháng 10 năm 1972
- 74 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NÉT**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Cần Giuộc, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 1 năm 1953
 Số bằng: ĐC 776 kp Quyết định số: 127/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1977
- 75 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ TUYẾT**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Cần Thạnh, Cần Giuộc, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1968
 Số bằng: 3Q 583 bm Quyết định số: 1777/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977
- 76 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÉP**
 Thư ký Nông dân xã, Nguyên quán: xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1949
 Số bằng: HC 073 cp Quyết định số: 1097/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1977
- 77 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN SÁU**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Qui Đức, Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 1 năm 1985
 Số bằng: BO 148 ct Quyết định số: 310/CTKT ngày 16 tháng 12 năm 1987
- 78 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÌNH**
 Bí thư Chi bộ, Nguyên quán: p Bình Trưng Đông, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 9 năm 1971
 Số bằng: 1K 013 cm Quyết định số: 1068/TTga ngày 28 tháng 9 năm 1977
- 79 Liệt sĩ: **PHẠM CÀN**
 Đội phó đội xe Công ty 12- Cục Vận tải đường bộ, Nguyên quán: xã Thiện Lộc, huyện Can Lộc, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1968
 Số bằng: CM 540 cm Quyết định số: 109/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1969
- 80 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN MAI**
 Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Cù Chi, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1975
 Số bằng: 1E 327 km Quyết định số: 1086/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1977

- 81 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN U**
Bí thư huyện đoàn, Nguyên quán: xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 7 năm 1963
Số bằng: RM 846 cm Quyết định số: 527/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1977
- 82 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HIỀN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: , Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1971
Số bằng: 2L 658 bm Quyết định số: 1254/TTga ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 83 Liệt sĩ: **NGUYỄN MAI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Mỹ, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 5 năm 1946
Số bằng: CG 522 kp Quyết định số: 1242/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1977
- 84 Liệt sĩ: **TRỊNH MINH CHÂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: khu phố 2, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 7 năm 1954
Số bằng: ZU 449 bp Quyết định số: 152/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1960
- 85 Liệt sĩ: **TÔN KẾ CỬ**
Cán bộ Mặt trận xã, Nguyên quán: Đông Thạnh, Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 1 năm 1948
Số bằng: SC 764 cp Quyết định số: 68/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1979
- 86 Liệt sĩ: **PHẠM BỘ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 11 484 km Quyết định số: 1237/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1977
- 87 Liệt sĩ: **HOÀNG DUY CÁCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Tân, huyện Xuân Thọ, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 3 năm 1953
Số bằng: ZR 481 bp Quyết định số: 2/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 88 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VIỆT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Tân Thông Hội, Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 11 năm 1964
Số bằng: 3B 308 km Quyết định số: 1000/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978
- 89 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 2Q 854 bm Quyết định số: 553/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1978
- 90 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MÈO**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 7T 053 bm Quyết định số: 86/ TTga ngày 19 tháng 1 năm 1979

- 91 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỘI**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tân Thông Hội, Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1968
 Số bằng: 70 775 bm Quyết định số: 89/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1979
- 92 Liệt sĩ: **VŨ THẾ HÙNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: , Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1968
 Số bằng: E 801 bm Quyết định số: 24/CTKT ngày 20 tháng 1 năm 1983
- 93 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƠN**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1968
 Số bằng: 2X 855 km Quyết định số: 815/TTga ngày 28 tháng 9 năm 1977
- 94 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN MÀU**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1962
 Số bằng: 7P 584 bm Quyết định số: 97/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1979
- 95 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỦY LOAN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Lộc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1969
 Số bằng: 8P 640 bm Quyết định số: 548/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979
- 96 Liệt sĩ: **HÀ VĂN ĐỘ**
 Chủ tịch Ủy ban kháng chiến xã, Nguyên quán: xã An Tịch, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 1 năm 1948
 Số bằng: SC 805 cp Quyết định số: 94/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1979
- 97 Liệt sĩ: **NGUYỄN HƯNG ĐỨC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tân Thông Hội, Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 11 năm 1978
 Số bằng: 9Y 483 bt Quyết định số: 78/TTga ngày 30 tháng 1 năm 1980
- 98 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC ÂN**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
 Số bằng: 5G 603 bm Quyết định số: 399/TTga ngày 21 tháng 4 năm 1978
- 99 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC TOÀN**
 Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1971
 Số bằng: LD 416 bm Quyết định số: 107/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1974
- 100 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG CƠ**
 Bí thư Thành đoàn Sài Gòn - Gia Định, Nguyên quán: phường 4, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1961
 Số bằng: QM 574 cm Quyết định số: 519/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

- 101 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BỤ'**
Chiến sĩ giao liên xã, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Cù Chi, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1961
Số bằng: 3P 759 cm Quyết định số: 129/TTga ngày 12 tháng 2 năm 1979
- 102 Liệt sĩ: **LÊ VĂN RU**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: Tân Thạnh Đông, Cù Chi, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 1G 502 km Quyết định số: 1255/TTga ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 103 Liệt sĩ: **VÕ VĂN LE**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Tân Thạnh Đông, Cù Chi, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1962
Số bằng: 1G 479 km Quyết định số: 1255/TTga ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 104 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN CU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: An Lạc, Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1964
Số bằng: E 615 cm Quyết định số: 57/CTKT ngày 23 tháng 2 năm 1983
- 105 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DÀM**
Cán bộ Nông hội xã, Nguyên quán: p Tân Thới Nhất, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 9 năm 1947
Số bằng: E 119 cp Quyết định số: 56/CTKT ngày 23 tháng 2 năm 1983
- 106 Liệt sĩ: **PHAN VĂN SĨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 7 năm 1950
Số bằng: CI 947 bp Quyết định số: 186/CTKT ngày 17 tháng 10 năm 1990
- 107 Liệt sĩ: **ĐẶNG QUÝ ĐỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 13, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 3 năm 1988
Số bằng: AN 324 bt Quyết định số: 68/CTKT ngày 27 tháng 2 năm 1985
- 108 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SANH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 4, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 3 năm 1953
Số bằng: 1ĐC 355bp Quyết định số: 584/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1978
- 109 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÀNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: Phú Mỹ Hưng, Cù Chi, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 5N 210 bm Quyết định số: 546/TTga ngày 24 tháng 5 năm 1978
- 110 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHO**
Trưởng ban Công an xã, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1969
Số bằng: QM 733 cm Quyết định số: 488/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1977

- 111 Liệt sĩ: **PHẠM HUY THÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tường Đa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến tre, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9A 460 bt Quyết định số: 783/TTGa ngày 11 tháng 12 năm 1979
- 112 Liệt sĩ: **NGÔ THỊ CHÓN**
Công an viên, Nguyên quán: Bình Trị Đông B, Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 2 năm 1951
Số bằng: CO 368 cp Quyết định số: 43/CTKT ngày 9 tháng 3 năm 1991
- 113 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC DÀN**
Uy viên tài chính xã, Nguyên quán: Tân Sơn Nhì, Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 5 năm 1946
Số bằng: 1AC 964cp Quyết định số: 57/CTKT ngày 17 tháng 3 năm 1982
- 114 Liệt sĩ: **VÕ VĂN NĂM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Duy Trinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1970
Số bằng: 2M 724 bm Quyết định số: 1563/TTGa ngày 23 tháng 11 năm 1977
- 115 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUI**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1963
Số bằng: YM 849 km Quyết định số: 975/TTGa ngày 9 tháng 9 năm 1977
- 116 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VIỆT HÙNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1967
Số bằng: 6E 770 bm Quyết định số: 982/TTGa ngày 30 tháng 8 năm 1978
- 117 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN QUÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 3, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 8A 674 bt Quyết định số: 300/TTGa ngày 25 tháng 4 năm 1979
- 118 Liệt sĩ: **HOÀNG HỮU TÂN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đặng Sơn, huyện Đô Lương, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1973
Số bằng: LK 326 bm Quyết định số: 339/TTGa ngày 2 tháng 7 năm 1974
- 119 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỀU**
Cán bộ Nông hội, Nguyên quán: Tân Thạnh Tây, Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1965
Số bằng: AO 518 cm Quyết định số: 90/CTKT ngày 13 tháng 3 năm 1985
- 120 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN DẤU**
Cán bộ thông tin xã, Nguyên quán: phường 8, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 11 năm 1952
Số bằng: LC 138 cp Quyết định số: 348/TTGa ngày 7 tháng 4 năm 1978

- 121 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH NIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: , thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1972
Số bằng: EĐ 267 bm Quyết định số: 74/TTGa ngày 8 tháng 3 năm 1973
- 122 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KIÊM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947
Số bằng: 2AC 175bp Quyết định số: 701/TTGa ngày 8 tháng 10 năm 1979
- 123 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BẢY**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1966
Số bằng: 1T 911 bm Quyết định số: 93/TTGa ngày 26 tháng 8 năm 1977
- 124 Liệt sĩ: **TRẦN MINH DƯƠNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 1, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 6 năm 1981
Số bằng: 1AB 760bt Quyết định số: 209/CTKT ngày 28 tháng 7 năm 1982
- 125 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BÀNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: p Bình Trưng Tây, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 12 năm 1971
Số bằng: 2A 845 bm Quyết định số: 1058/TTGa ngày 28 tháng 9 năm 1977
- 126 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN THÁI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Đông, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 8L 864 bm Quyết định số: 307/TTGa ngày 9 tháng 9 năm 1979
- 127 Liệt sĩ: **LÊ CHÁNH THÀNH**
Nhân viên công tác Thành, Nguyên quán: phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 11 năm 1978
Số bằng: 9I 469 ct Quyết định số: 78/TTGa ngày 30 tháng 1 năm 1980
- 128 Liệt sĩ: **NGUYỄN KỶ SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 12, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 10 năm 1988
Số bằng: CH 324 ct Quyết định số: 204/CTKT ngày 27 tháng 10 năm 1989
- 129 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHẮC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Tân Quý Tây, Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1965
Số bằng: 1Đ 166 km Quyết định số: 1068/TTGa ngày 28 tháng 9 năm 1977
- 130 Liệt sĩ: **HUỖNH THANH HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Thạnh Lộc, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 4 năm 1983
Số bằng: AI 231 bt Quyết định số: 350/CTKT ngày 17 tháng 10 năm 1984

- 131 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MÍT**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 1 năm 1968
 Số bằng: 6L 238 bm Quyết định số: 1043/TTGa ngày 13 tháng 9 năm 1978
- 132 Liệt sĩ: **TRƯƠNG THỊ ĐỖ**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Vĩnh Lộc A, Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1969
 Số bằng: 2M 695 bm Quyết định số: 1563/TTGa ngày 23 tháng 11 năm 1977

TỈNH LẠNG SON

- 133 Liệt sĩ: **HỨA KIM TRUNG**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lập, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1967
 Số bằng: QĐ 128 bm Quyết định số: 451/TTGa ngày 21 tháng 11 năm 1975
- 134 Liệt sĩ: **VY VĂN CÁT**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Lang, huyện Ôn Châu, tỉnh Lạng Sơn, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 01 năm 1948
 Số bằng: ZH 758 bp Quyết định số: 467/TTg ngày 10 tháng 10 năm 1957
- 135 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN VINH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam Đại đội trưởng, Nguyên quán: xã Tân Liên, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 02 năm 1979
 Số bằng: 9V 840 bt Quyết định số: 641/TTGa ngày 01 tháng 10 năm 1980
- 136 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN LOÃNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Liên, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 11 năm 1967
 Số bằng: KM 637 bm Quyết định số: 201/TTGa ngày 12 tháng 11 năm 1968
- 137 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN PHÚC**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Liên, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 9 năm 1972
 Số bằng: OP 852 bm Quyết định số: 65/TTGa ngày 21 tháng 02 năm 1975
- 138 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN NHO**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Liên, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1968
 Số bằng: AD 871 bm Quyết định số: 45/TTGa ngày 23 tháng 02 năm 1971
- 139 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN TƯ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Liên, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 8 năm 1969
 Số bằng: ED 979 bm Quyết định số: 102/TTGa ngày 20 tháng 3 năm 1973
- 140 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN BOÔNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Liên, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1972
 Số bằng: GN 411 bm Quyết định số: 282/TTGa ngày 05 tháng 7 năm 1973

141 Liệt sĩ: **CHU ĐỨC KHOA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tràng Sơn, huyện Biêm He, tỉnh Lạng Sơn, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 12 năm 1950
Số bằng: NX 904 bp Quyết định số: 139/TTGa ngày 03 tháng 7 năm 1963

142 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tràng Phái, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 10 năm 1953
Số bằng: XQ 156 bp Quyết định số: 130/TTg ngày 01 tháng 4 năm 1959

TỈNH LÀO CAI

143 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐÌNH TÂM**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xá, huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Hà, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 4 năm 1973
Số bằng: QP 436 bm Quyết định số: 104/TTGa ngày 30 tháng 3 năm 1976

144 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÁC**
Quân báo, Nguyên quán: xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 8 năm 1952
Số bằng: YZ 109 kp Quyết định số: 117/TTg ngày 27 tháng 3 năm 1957

145 Liệt sĩ: **GIÀNG SEO CẢNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cờ Cải, huyện Bắc Hải, tỉnh Lào Cai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 5 năm 1970
Số bằng: GA 382 bm Quyết định số: 208/TTGa ngày 31 tháng 5 năm 1973

146 Liệt sĩ: **VŨ VĂN QUYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Cường, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 11 năm 1969
Số bằng: TR 151 bm Quyết định số: 126/TTGa ngày 09 tháng 3 năm 1977

147 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC THÁI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Lão, huyện Kiến An, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 9 năm 1947
Số bằng: XQ 216 bp Quyết định số: 130/TTg ngày 01 tháng 4 năm 1959

148 Liệt sĩ: **TÀN A HÒA**
Chiến sĩ Công an nhân dân vũ trang, Nguyên quán: xã Trịnh Quyền, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1966
Số bằng: OM 376 bm Quyết định số: 100/TTGa ngày 24 tháng 6 năm 1969

149 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN PHIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 5 năm 1954
Số bằng: BX 369 bp Quyết định số: 239/TTg ngày 13 tháng 10 năm 1960

150 Liệt sĩ: **TÀN LÁO SỬ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trịnh Tường, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1967
Số bằng: LM 336 bm Quyết định số: 244/TTGa ngày 31 tháng 12 năm 1968

- 151 **Liệt sĩ: TÀN SÀI HIN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dền Sáng, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1967
Số bằng: OM 374 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 24 tháng 6 năm 1969
- 152 **Liệt sĩ: MAI HỒNG THUYỀN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cốc Mỳ, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 12 năm 1970
Số bằng: GJ 984 bm Quyết định số: 561/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973
- 153 **Liệt sĩ: ĐỖ HỮU KẾT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Hà, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 8 năm 1970
Số bằng: DY 698 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973
- 154 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐĂNG QUÊ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 01 năm 1971
Số bằng: QI 342 bm Quyết định số: 47/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1976
- 155 **Liệt sĩ: VƯƠNG VĂN CHÍNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Minh Lương, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 02 năm 1951
Số bằng: XY 449 kp Quyết định số: 551/TTg ngày 11 tháng 5 năm 1957
- 156 **Liệt sĩ: MA SEO PAO**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Seng Sui, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1949
Số bằng: XN 470 kp Quyết định số: 47/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1965
- 157 **Liệt sĩ: HOÀNG SEO LỀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Seng Sui, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1953
Số bằng: OX 908 bp Quyết định số: 47/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1965
- 158 **Liệt sĩ: LÝ SEO SỎA**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Lùng Sán, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1951
Số bằng: XN 469 kp Quyết định số: 47/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1965
- 159 **Liệt sĩ: GIÀNG SEO SÌ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Seng Sui, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1953
Số bằng: OX 909 bp Quyết định số: 47/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1965
- 160 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN KIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Hùng Thắng, Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1972
Số bằng: GJ 962 bm Quyết định số: 561/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973

- 161 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**
Cán bộ xã Cam Đường, Nguyên quán: xã Cam Đường, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 11 năm 1949
Số bằng: AC 618 cp Quyết định số: 64/TTGa ngày 23 tháng 02 năm 1973
- 162 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN KHỎA**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Cam Đường, Bảo Thắng, tỉnh Hoàng Liên Sơn, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 10 năm 1970
Số bằng: YG 393 bm Quyết định số: 397/TTGa ngày 09 tháng 5 năm 1977

TỈNH SƠN LA

- 163 Liệt sĩ: **CÀM VĂN HƠN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chiềng Chung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1969
Số bằng: AH 461 bm Quyết định số: 120/TTGa ngày 20 tháng 5 năm 1971
- 164 Liệt sĩ: **TÔNG VĂN CHUÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Chanh, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1949
Số bằng: XL 152 bp Quyết định số: 430/TTg ngày 06 tháng 9 năm 1958
- 165 Liệt sĩ: **VÌ VĂN MÀNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Chanh, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 9 năm 1948
Số bằng: XM 529 bp Quyết định số: 98/TTg ngày 02 tháng 3 năm 1959
- 166 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN DOANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạnh Phúc, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1967
Số bằng: EM 059 bm Quyết định số: 100/TTGa ngày 06 tháng 6 năm 1968
- 167 Liệt sĩ: **HÀ VĂN IN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chiềng Mai, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 02 năm 1968
Số bằng: HM 874 bm Quyết định số: 165/TTGa ngày 10 tháng 9 năm 1968
- 168 Liệt sĩ: **TÔNG VĂN NINH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Chanh, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1951
Số bằng: MX 512 bp Quyết định số: 245/TTGa ngày 17 tháng 8 năm 1962
- 169 Liệt sĩ: **LÒ VĂN HOM**
Công dân, Nguyên quán: xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 12 năm 1950
Số bằng: XB 100 cp Quyết định số: 389/TTg ngày 03 tháng 10 năm 1961
- 170 Liệt sĩ: **LÒ VĂN UỘT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1950
Số bằng: GD 494 bp Quyết định số: 603/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2003

- 171 **Liệt sĩ: LÒ VĂN CU**
 Công dân, Nguyên quán: xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 12 năm 1949
 Số bằng: XB 115 cp Quyết định số: 389/TTg ngày 03 tháng 10 năm 1961
- 172 **Liệt sĩ: CÀ VĂN INH**
 Công dân, Nguyên quán: xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 5 năm 1949
 Số bằng: XB 097 cp Quyết định số: 389/TTg ngày 03 tháng 10 năm 1961
- 173 **Liệt sĩ: CÀ VĂN PÂNG**
 Cán bộ, Nguyên quán: xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 12 năm 1950
 Số bằng: XB 098 cp Quyết định số: 389/TTg ngày 03 tháng 10 năm 1961
- 174 **Liệt sĩ: TÔNG VĂN PHÚC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 12 năm 1966
 Số bằng: AM 445 bm Quyết định số: 71/TTg ngày 09 tháng 5 năm 1967
- 175 **Liệt sĩ: TÔNG VĂN BUM**
 Công dân, Nguyên quán: xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 5 năm 1949
 Số bằng: XB 104 cp Quyết định số: 389/TTg ngày 03 tháng 10 năm 1961
- 176 **Liệt sĩ: QUANG VĂN ĐỊNH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Chanh, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1969
 Số bằng: MR 509 bm Quyết định số: 250/TTGa ngày 20 tháng 10 năm 1970
- 177 **Liệt sĩ: ĐINH VĂN KHIÊN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chiềng Sại, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 11 năm 1951
 Số bằng: XX 153 bp Quyết định số: 101/TTg ngày 05 tháng 5 năm 1960
- 178 **Liệt sĩ: ĐINH VĂN CÁNH**
 Liên lạc viên, Nguyên quán: xã Chiềng Sại, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 9 năm 1949
 Số bằng: XA 2,248 cp Quyết định số: 102/TTg ngày 05 tháng 5 năm 1960
- 179 **Liệt sĩ: ĐINH VĂN TÓC**
 Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chiềng Sinh, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1971
 Số bằng: GD 268 bm Quyết định số: 276/TTGa ngày 03 tháng 7 năm 1973
- 180 **Liệt sĩ: NGÂN VĂN SƯƠNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cộng Hòa, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1971
 Số bằng: GD 285 bm Quyết định số: 276/TTGa ngày 03 tháng 7 năm 1973

- 181 Liệt sĩ: **QUANG VĂN LÒN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã It Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1972
Số bằng: KA 120 bm Quyết định số: 133/TTGa ngày 30 tháng 3 năm 1974
- 182 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tu Vũ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 02 năm 1950
Số bằng: HX 595 bp Quyết định số: 331/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 1961
- 183 Liệt sĩ: **QUANG VĂN PHÉM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 01 năm 1970
Số bằng: ĐA 338 bm Quyết định số: 434/TTGa ngày 20 tháng 10 năm 1972
- 184 Liệt sĩ: **TÔNG VĂN PHANH**
Cán bộ, Nguyên quán: xã Chiềng An, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: XM 564 cp Quyết định số: 98/TTg ngày 02 tháng 3 năm 1959
- 185 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN LEM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phan Tây Hồ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 01 năm 1950
Số bằng: XP 3,105 bp Quyết định số: 57/TTg ngày 02 tháng 7 năm 1959
- 186 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG VIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Thuận, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Hà, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 3 năm 1973
Số bằng: NE 201 bm Quyết định số: 232/TTGa ngày 11 tháng 5 năm 1974
- 187 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NHUẬN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trục Tiến, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 01 năm 1970
Số bằng: MT 001 bm Quyết định số: 263/TTGa ngày 07 tháng 11 năm 1970
- 188 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỊNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1972
Số bằng: GQ 891 bm Quyết định số: 328/TTGa ngày 02 tháng 8 năm 1973
- 189 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ICH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 8 năm 1952
Số bằng: ZA 993 kp Quyết định số: 328/TTg ngày 01 tháng 7 năm 1958
- 190 Liệt sĩ: **VỸ VĂN PÁNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chiềng On, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1970
Số bằng: CV 512 bm Quyết định số: 368/TTGa ngày 01 tháng 9 năm 1972

- 191 **Liệt sĩ: LÒ VĂN ON**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 4 năm 1969
Số bằng: AH 478 bm Quyết định số: 120/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1971
- 192 **Liệt sĩ: HOÀNG VĂN NGUỘC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MT 194 bm Quyết định số: 272/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1970
- 193 **Liệt sĩ: LÒ VĂN PẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chiềng Hoạc, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1964
Số bằng: PX 361 bm Quyết định số: 53/TTga ngày 12 tháng 5 năm 1966
- 194 **Liệt sĩ: LÒ VĂN SỢT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chiềng Hoạc, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 10 năm 1969
Số bằng: MT 199 bm Quyết định số: 272/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1970
- 195 **Liệt sĩ: VŨ VĂN NHAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mai Động, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 12 năm 1972
Số bằng: HI 413 bm Quyết định số: 594/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1973
- 196 **Liệt sĩ: NGUYỄN MINH HIỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phương Công, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1975
Số bằng: SK 771 bm Quyết định số: 494/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1976
- 197 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN THÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 8 năm 1951
Số bằng: XQ 1,628 bp Quyết định số: 209/TTg ngày 01 tháng 6 năm 1959
- 198 **Liệt sĩ: ĐOÀN ĐÌNH MY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quốc Trị, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 10 năm 1948
Số bằng: XQ 1,714 bp Quyết định số: 209/TTg ngày 01 tháng 6 năm 1959
- 199 **Liệt sĩ: LÊ SỸ LÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 1M 028 bm Quyết định số: 739/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1977
- 200 **Liệt sĩ: BÙI VĂN SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 3 năm 1982
Số bằng: M 851 bt Quyết định số: 216/CTKT ngày 15 tháng 6 năm 1983

- 201 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN SÈN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Huy Thượng, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1968
Số bằng: EG 006 bm Quyết định số: 81/TTGa ngày 10 tháng 3 năm 1973
- 202 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN SÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1968
Số bằng: BH 641 bm Quyết định số: 16/TTGa ngày 06 tháng 01 năm 1972
- 203 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN Ư**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tường Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 9P 504 bt Quyết định số: 385/TTGa ngày 22 tháng 5 năm 1980
- 204 Liệt sĩ: **ĐINH ĐỨC VINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tường Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 01 năm 1968
Số bằng: CS 705 bm Quyết định số: 328/TTGa ngày 10 tháng 8 năm 1972
- 205 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN MÁU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1968
Số bằng: ĐV 526 bm Quyết định số: 76/TTGa ngày 10 tháng 3 năm 1973
- 206 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 3 năm 1969
Số bằng: CS 611 bm Quyết định số: 321/TTGa ngày 08 tháng 8 năm 1972
- 207 Liệt sĩ: **HÀ VĂN LÂN**
Công an, Nguyên quán: xã Tường Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1951
Số bằng: YZ 570 cp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957

TỈNH GIA LAI

- 208 Liệt sĩ: **NGÔ THỊ LAN**
Cán bộ Ty thương nghiệp, Nguyên quán: xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1972
Số bằng: 1B 535 cm Quyết định số: 867/TTGa ngày 17 tháng 8 năm 1977
- 209 Liệt sĩ: **NGÔ PHỤNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 7P 367 bm Quyết định số: 456/TTGa ngày 20 tháng 12 năm 1978
- 210 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LOAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Dương, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1967
Số bằng: AT 947 bm Quyết định số: 196/TTGa ngày 16 tháng 8 năm 1971

- 211 Liệt sĩ: **LÃ VĂN NOÔNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 02 năm 1971
Số bằng: YH 547 bm Quyết định số: 395/TTGa ngày 09 tháng 5 năm 1977
- 212 Liệt sĩ: **GEO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ya Hội, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 02 năm 1968
Số bằng: 5K 990 bm Quyết định số: 503/TTGa ngày 17 tháng 5 năm 1978
- 213 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN LỜI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Nghĩa, huyện Y Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 3 năm 1970
Số bằng: RO 060 bm Quyết định số: 265/TTGa ngày 23 tháng 6 năm 1976
- 214 Liệt sĩ: **ĐINH LỜI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Gia Hội, huyện An Khê, tỉnh Gia Lai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1972
Số bằng: 2P 567 km Quyết định số: 503/TTGa ngày 17 tháng 5 năm 1978
- 215 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN LONH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Trú quán: xã Y Hội, huyện An Khê, tỉnh Gia Lai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 10 năm 1972
Số bằng: 5U 531 bm Quyết định số: 713/TTGa ngày 05 tháng 7 năm 1978
- 216 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN PUM**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơ Ró, huyện An Khê, tỉnh Gia Lai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 01 năm 1970
Số bằng: 5K 889 bm Quyết định số: 491/TTGa ngày 15 tháng 5 năm 1978
- 217 Liệt sĩ: **VŨ TRƯỜNG SƠN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Tài, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 8U 497 bm Quyết định số: 684/TTGa ngày 26 tháng 9 năm 1979
- 218 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUỆ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quất Lưu, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1972
Số bằng: NV 954 bm Quyết định số: 536/TTGa ngày 24 tháng 10 năm 1974

TỈNH TUYỀN QUANG

- 219 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÌNH**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 01 năm 1973
Số bằng: GJ 884 bm Quyết định số: 17/TTGa ngày 08 tháng 01 năm 1974
- 220 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SOẠN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QA 336 bm Quyết định số: 430/TTGa ngày 28 tháng 10 năm 1975

- 221 Liệt sĩ: **HÀ DƯƠNG CẨM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Hữu, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 8 năm 1971
Số bằng: NB 706 bm Quyết định số: 315/TTGa ngày 20 tháng 6 năm 1974
- 222 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐÌNH PHIỆT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đỗ Xá, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 8 năm 1948
Số bằng: XG 583 bp Quyết định số: 226/TTg ngày 05 tháng 5 năm 1958
- 223 Liệt sĩ: **ĐẶNG TRẦN LƯỢC**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Ngạc, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Đông, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 4 năm 1954
Số bằng: XK 135 bp Quyết định số: 382/TTg ngày 01 tháng 7 năm 1958
- 224 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC MINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 01 năm 1970
Số bằng: QP 395 bm Quyết định số: 88/TTGa ngày 18 tháng 3 năm 1976
- 225 Liệt sĩ: **KHÔNG TRỌNG THUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1970
Số bằng: YI 538 bm Quyết định số: 445/TTGa ngày 20 tháng 5 năm 1977
- 226 Liệt sĩ: **PHAN NGỌC HIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thắng Quân, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1969
Số bằng: SV 608 bm Quyết định số: 519/TTGa ngày 17 tháng 11 năm 1976
- 227 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đội Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 7L 479 bt Quyết định số: 38/TTGa ngày 10 tháng 01 năm 1979
- 228 Liệt sĩ: **SÀM VĂN BÁCH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 10 năm 1951
Số bằng: GX 579 bp Quyết định số: 226/TTg ngày 05 tháng 5 năm 1958
- 229 Liệt sĩ: **LƯU DUY THỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Thịnh, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 7L 779 bt Quyết định số: 38/TTGa ngày 10 tháng 01 năm 1979
- 230 Liệt sĩ: **TẠ QUỐC VIỆT**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Thịnh, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 4 năm 1972
Số bằng: GO 351 bm Quyết định số: 296/TTGa ngày 12 tháng 7 năm 1973

- 231 **Liệt sĩ: MAI XUÂN THỦY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 10 năm 1968
Số bằng: MG 576 bm Quyết định số: 67/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970
- 232 **Liệt sĩ: MA CÔNG CHINH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1970
Số bằng: PL 177 bm Quyết định số: 332/TTga ngày 28 tháng 8 năm 1975
- 233 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TÁU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Hòa, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 01 năm 1973
Số bằng: NB 668 bm Quyết định số: 315/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1974
- 234 **Liệt sĩ: LÊ THẾ HUỖNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khang, thành phố Tuyên Quang, Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 7 năm 1969
Số bằng: YI 497 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977
- 235 **Liệt sĩ: LÊ VĂN THẮNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1969
Số bằng: EO 252 bm Quyết định số: 126/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1973
- 236 **Liệt sĩ: VI VĂN KHOA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 7 năm 1966
Số bằng: AM 693 bm Quyết định số: 107/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1967
- 237 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN TÀI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp
Số bằng: NX 844 bp Quyết định số: 105/TTga ngày 03 tháng 6 năm 1963
- 238 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN VIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1968
Số bằng: ĐG 675 bm Quyết định số: 393/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1972
- 239 **Liệt sĩ: TRẦN NGỌC HUY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1979
Số bằng: 9O 021 bm Quyết định số: 253/TTga ngày 07 tháng 4 năm 1980
- 240 **Liệt sĩ: DƯƠNG QUANG SỬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuân Lộ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 02 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 8P 071 bt Quyết định số: 518/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1979

- 241 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH XUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuân Lộ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KD 235 bm Quyết định số: 494/TTGa ngày 13 tháng 11 năm 1973
- 242 Liệt sĩ: **MAI XUÂN THỦY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 10 năm 1968
Số bằng: MG 576 bm Quyết định số: 67/TTGa ngày 27 tháng 3 năm 1970
- 243 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN NHUẬN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Đài, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 01 năm 1973
Số bằng: KD 268 bm Quyết định số: 494/TTGa ngày 13 tháng 11 năm 1973
- 244 Liệt sĩ: **VŨ VĂN THỰ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lâm, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 4 năm 1972
Số bằng: TY 295 bm Quyết định số: 129/TTGa ngày 9 tháng 3 năm 1977
- 245 Liệt sĩ: **LÝ TIẾN THÀNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thổ Bình, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1971
Số bằng: PL 218 bm Quyết định số: 332/TTGa ngày 28 tháng 8 năm 1975
- 246 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÀI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp
Số bằng: NX 844 bp Quyết định số: 105/TTGa ngày 03 tháng 6 năm 1963

TỈNH KHÁNH HÒA

- 247 Liệt sĩ: **ĐOÀN KÈN**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 4 năm 1946
Số bằng: OC 136 kp Quyết định số: 1004/TTGa ngày 4 tháng 9 năm 1978
- 248 Liệt sĩ: **LÊ TRỮ**
Cơ sở tiếp tế cho cách mạng, Nguyên quán: xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 6 năm 1948
Số bằng: DN 033 cp Quyết định số: 367/TTGa ngày 13 tháng 7 năm 1974
- 249 Liệt sĩ: **HUỖNH MÃN**
Cán bộ, Nguyên quán: xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: X 772 cm Quyết định số: 48/CTKT ngày 29 tháng 2 năm 1984
- 250 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TRUNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Diên Điền, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1965
Số bằng: LM 211 km Quyết định số: 594/TTGa ngày 15 tháng 6 năm 1977

- 251 Liệt sĩ: **ĐỖ NGHIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Xuân Phú, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 10 năm 1947
Số bằng: 1EC 442 bp Quyết định số: 483/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1978
- 252 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THÔNG**
Đội viên đội công tác, Nguyên quán: phường Ninh Hà, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 11 năm 1950
Số bằng: PC 307 cp Quyết định số: 782/TTga ngày 21 tháng 7 năm 1978
- 253 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NAM**
Cán bộ, Nguyên quán: xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: IR 800 cm Quyết định số: 1423/TTga ngày 2 tháng 11 năm 1977
- 254 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THỌ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Vĩnh Thọ, tp Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 11 năm 1978
Số bằng: 9O 956 bt Quyết định số: 355/TTg ngày 12 tháng 5 năm 1980
- 255 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯ**
Tổ liên lạc đường biển, Nguyên quán: phường Vĩnh Trường, tp Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 6 năm 1952
Số bằng: EC 696 cp Quyết định số: 1037/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1977
- 256 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẬT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1973
Số bằng: KM 844 km Quyết định số: 341/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 257 Liệt sĩ: **VÕ HỒNG HOA**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phổ An, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 7E 448 bm Quyết định số: 1328/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1978
- 258 Liệt sĩ: **TRẦN TÙY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZQ 2,102 bp Quyết định số: 257/TTg ngày 2 tháng 7 năm 1959
- 259 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỪA**
Đội viên dân quân, Nguyên quán: xã Cát Minh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 1 năm 1954
Số bằng: DS 209 kp Quyết định số: 263/TTga ngày 3 tháng 5 năm 1995
- 260 Liệt sĩ: **LÊ THỊ BIÊN**
Cán bộ cơ sở xã, Nguyên quán: xã Phổ An, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1971
Số bằng: 3P 301 cm Quyết định số: 1378/TTga ngày 6 tháng 12 năm 1978

- 261 Liệt sĩ: **LÊ LỤC**
 Cơ sở Cách mạng, Nguyên quán: xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947
 Số bằng: DL 272 cp Quyết định số: 514/TTg ngày 25 tháng 10 năm 1993
- 262 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHƯỚC**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Xương Huân, tp Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 1 năm 1980
 Số bằng: 6AA 788 bt Quyết định số: 312/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1981
- 263 Liệt sĩ: **TRẦN MỞ**
 Trưởng khóm, Nguyên quán: phường Xương Huân, tp Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 9 năm 1977
 Số bằng: 3O 832 ct Quyết định số: 344/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979
- 264 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN DỊCH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 12 năm 1948
 Số bằng: GQ 694 bp Quyết định số: 1334/TTg ngày 14 tháng 12 năm 2004
- 265 Liệt sĩ: **ĐẶNG SỬU**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phô Quang, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1967
 Số bằng: GC 027 bm Quyết định số: 1657/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1977
- 266 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÁI ĐẠT**
 Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Thanh Lưu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 6 năm 1948
 Số bằng: BV 044 kp Quyết định số: 44/CTKT ngày 9 tháng 3 năm 1987
- 267 Liệt sĩ: **VŨ NGỌC KHÁNH**
 Trợ lý quân khu, Nguyên quán: phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1967
 Số bằng: 7R 449 cm Quyết định số: 07/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1979
- 268 Liệt sĩ: **VÔ THƯỜNG**
 Đội viên đội công tác, Nguyên quán: phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 9 năm 1949
 Số bằng: SC 420 cp Quyết định số: 1434/TTga ngày 15 tháng 12 năm 1978
- 269 Liệt sĩ: **PHAN VĂN CỪU**
 Huyện ủy viên, Nguyên quán: xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1967
 Số bằng: SM 345 cm Quyết định số: 313/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 270 Liệt sĩ: **NGUYỄN SÁU**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Quang, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 8 năm 1948
 Số bằng: PC 798 bp Quyết định số: 1009/TTga ngày 16 tháng 9 năm 1977

- 271 Liệt sĩ: **LÊ THỊ LÊN**
Ban chấp hành phụ nữ xã, Nguyên quán: thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 11 năm 1951
Số bằng: 2AC 108cp Quyết định số: 311/CTKT ngày 9 tháng 10 năm 1982
- 272 Liệt sĩ: **ỪNG THỊ MINH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Minh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1968
Số bằng: 5Z 111 bm Quyết định số: 704/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1978
- 273 Liệt sĩ: **HỒ VĂN ĐÀN**
Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: Phong Chương, Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1966
Số bằng: 3N 134 km Quyết định số: 07/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1979
- 274 Liệt sĩ: **LÊ LỘNG**
Huyện ủy viên, Nguyên quán: xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1968
Số bằng: 1Z 741 cm Quyết định số: 1657/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1977
- 275 Liệt sĩ: **PHẠM NGU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diên Phước, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1962
Số bằng: 3O 911 bm Quyết định số: 1564/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1977
- 276 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoài Mỹ, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1974
Số bằng: 5D 241 bm Quyết định số: 481/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1978
- 277 Liệt sĩ: **MA ĐÀU**
Giao liên, Nguyên quán: xã Ninh Tây, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1973
Số bằng: 1Z 760 cm Quyết định số: 1657/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1977
- 278 Liệt sĩ: **NGUYỄN THƯỚC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Ninh Lộc, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 7 năm 1948
Số bằng: NC 215 kp Quyết định số: 740/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1978
- 279 Liệt sĩ: **TRỊNH NGHỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Lộc, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 4 năm 1947
Số bằng: BK 896 bp Quyết định số: 192/CTKT ngày 26 tháng 8 năm 1987
- 280 Liệt sĩ: **PHẠM CHẠY**
Chiến sĩ Quân đội Nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 7 năm 1948
Số bằng: 1LC 851 bp Quyết định số: 1034/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

- 281 Liệt sĩ: **VÕ NGỌC OANH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1967
Số bằng: 1B 190 bm Quyết định số: 626/TTga ngày 21 tháng 6 năm 1977
- 282 Liệt sĩ: **NGUYỄN MÃI**
Cán bộ giao liên, Nguyên quán: xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1973
Số bằng: 2N 934 cm Quyết định số: 354/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1978
- 283 Liệt sĩ: **NGUYỄN GỐC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phô Cường, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1966
Số bằng: RM 516 km Quyết định số: 888/TTga ngày 19 tháng 8 năm 1977
- 284 Liệt sĩ: **NGUYỄN BỜ**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Phô Cường, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1965
Số bằng: RM 514 km Quyết định số: 888/TTga ngày 19 tháng 8 năm 1977
- 285 Liệt sĩ: **VĂN NGỌC XỰ**
Du kích thôn, Nguyên quán: xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1965
Số bằng: RM 518 km Quyết định số: 888/TTga ngày 19 tháng 8 năm 1977
- 286 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÌN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1947
Số bằng: NC 984 kp Quyết định số: 881/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1978
- 287 Liệt sĩ: **LÊ THỊ CHÂU**
Trưởng Ban chấp hành phụ nữ, Nguyên quán: xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 2 năm 1948
Số bằng: ĐV 821 cp Quyết định số: 19/TTg ngày 8 tháng 1 năm 1999
- 288 Liệt sĩ: **TRẦN NÊN**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Phụng, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1954
Số bằng: 1PC 037 bm Quyết định số: 1328/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1978
- 289 Liệt sĩ: **LÊ DIỄN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Ninh Phước, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1948
Số bằng: PC 526 kp Quyết định số: 1480/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978
- 290 Liệt sĩ: **NGUYỄN BA**
Đội viên du kích, Nguyên quán: phường Ninh Hà, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 4 năm 1948
Số bằng: OC 901 kp Quyết định số: 1201/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1978

..

- 291 Liệt sĩ: **HUỖNH LỢI**
Liên lạc viên, Nguyên quán: phường Ninh Hà, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947
Số bằng: PC 099 cp Quyết định số: 755/TTga ngày 17 tháng 7 năm 1978
- 292 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỊNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 6 năm 1980
Số bằng: 9AA 768 bt Quyết định số: 54/CTKT ngày 17 tháng 3 năm 1982
- 293 Liệt sĩ: **HUỖNH TÔN**
Dân công, Nguyên quán: phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 3 năm 1947
Số bằng: QC 130 cp Quyết định số: 881/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1978
- 294 Liệt sĩ: **NGUYỄN THUẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 4 năm 1946
Số bằng: IPC 044 bp Quyết định số: 1328/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1978
- 295 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỒN**
Cán bộ lương thực huyện, Nguyên quán: xã Hòa Thịnh, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1972
Số bằng: CX 471 cm Quyết định số: 76/CTKT ngày 27 tháng 4 năm 1992
- 296 Liệt sĩ: **TRẦN HẬU**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Thân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1965
Số bằng: 7R 448 bm Quyết định số: 07/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1979
- 297 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH CÚC**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thọ, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 7 năm 1952
Số bằng: 2AC 809bp Quyết định số: 877/TTg ngày 12 tháng 12 năm 1979
- 298 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC HÙNG**
Tiểu đội trưởng trinh sát, Nguyên quán: xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 2 năm 1951
Số bằng: ED 564 bp Quyết định số: 803/TTga ngày 18 tháng 8 năm 1999
- 299 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN LÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Ninh Hà, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 9 năm 1966
Số bằng: 5L 442 bm Quyết định số: 598/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1978
- 300 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIẾN**
Chính trị viên trung đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Ninh Hải, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 12 năm 1946
Số bằng: 1HC 914bp Quyết định số: 783/TTga ngày 21 tháng 7 năm 1978

- 301 Liệt sĩ: **LÊ ĐANG**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Thượng, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1948
 Số bằng: 1TC 064 bp Quyết định số: 190/TTGa ngày 9 tháng 3 năm 1979
- 302 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC HÙNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thái, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1972
 Số bằng: NY 311 bm Quyết định số: 471/TTGa ngày 17 tháng 9 năm 1974
- 303 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HUỆ**
 Cán bộ giao liên, Nguyên quán: thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 8 năm 1953
 Số bằng: TC 647 cp Quyết định số: 456/TTGa ngày 22 tháng 2 năm 1979
- 304 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU TRUNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: , tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1950
 Số bằng: ZC 256 bp Quyết định số: 248/TTGa ngày 7 tháng 4 năm 1980
- 305 Liệt sĩ: **LÊ HÒ TÚ**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Phước Tiến, tp Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 12 năm 1978
 Số bằng: 6AA 796 bt Quyết định số: 312/TTGa ngày 9 tháng 7 năm 1981
- 306 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN ĐỊCH**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hào, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1956
 Số bằng: 5AA 649 bm Quyết định số: 298/TTGa ngày 9 tháng 1 năm 1981
- 307 Liệt sĩ: **LÂM LÌA**
 Chiến sĩ an ninh thôn, Nguyên quán: xã Bình Hải, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1967
 Số bằng: 4L 718 cm Quyết định số: 623/TTGa ngày 24 tháng 9 năm 1980
- 308 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOÀNG**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: phường Thủy Xuân, tp Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 12 năm 1945
 Số bằng: PC 985 kp Quyết định số: 43/TTGa ngày 10 tháng 1 năm 1979
- 309 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÁI HỌC**
 Tiểu đội phó an ninh, Nguyên quán: xã Xuân Lãnh, huyện Xuân An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1973
 Số bằng: 2M 054 cm Quyết định số: 273/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 310 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU BẢNG**
 Công dân trình báo cơ sở mật, Nguyên quán: , tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 12 năm 1947
 Số bằng: UC 386 cp Quyết định số: 396/TTGa ngày 1 tháng 6 năm 1979

- 311 Liệt sĩ: **BÙI TRỰC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Bình, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 3 năm 1948
Số bằng: 1LC 910 bp Quyết định số: 1034/TTGa ngày 9 tháng 11 năm 1978
- 312 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN HUÂN**
Chiến sĩ du kích, Nguyên quán: xã Cao Lân, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1967
Số bằng: BB 738 km Quyết định số: 85/CTKT ngày 29 tháng 3 năm 1986
- 313 Liệt sĩ: **TRẦN THANH NHÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giao Nhân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MF 892 bm Quyết định số: 84/TTGa ngày 7 tháng 4 năm 1974
- 314 Liệt sĩ: **ĐẶNG THE**
Đội viên đội vũ trang, Nguyên quán: xã Vạn Phước, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1972
Số bằng: 2T 074 cm Quyết định số: 456/TTGa ngày 8 tháng 5 năm 1978
- 315 Liệt sĩ: **BÙI LIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Long, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 12 năm 1945
Số bằng: 1KC 740bp Quyết định số: 882/TTGa ngày 11 tháng 8 năm 1978
- 316 Liệt sĩ: **LÊ QUYẾT CHIẾN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Hiệp, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1967
Số bằng: TĐ 754 bm Quyết định số: 10/TTGa ngày 7 tháng 1 năm 1977
- 317 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG GIA**
Tiểu đội trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Mai, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1972
Số bằng: SH 629 bm Quyết định số: 398/TTGa ngày 5 tháng 10 năm 1976
- 318 Liệt sĩ: **THÁI DÀN**
Đảng viên hoạt động hiệp thương, Nguyên quán: xã Bình Đào, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 10 năm 1955
Số bằng: F 040 cm Quyết định số: 64/TTg ngày 25 tháng 2 năm 1983
- 319 Liệt sĩ: **TRẦN BÌ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Phương Sài, tp Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 8 năm 1949
Số bằng: ĐR 851 bp Quyết định số: 478/TTg ngày 2 tháng 6 năm 1998
- 320 Liệt sĩ: **ĐINH TẤN TRỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1966
Số bằng: UR 149 bm Quyết định số: 238/TTGa ngày 1 tháng 10 năm 1970

- 321 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC HẠNH**
Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1965
Số bằng: D 475 km Quyết định số: 29/CTKT ngày 20 tháng 1 năm 1983
- 322 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN CÀN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cam Hòa, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 5 năm 1982
Số bằng: AC 256 bt Quyết định số: 190/CTKT ngày 6 tháng 6 năm 1984
- 323 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HẢO**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Xuân Sơn, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1966
Số bằng: B 557 km Quyết định số: 284/CTKT ngày 29 tháng 9 năm 1982
- 324 Liệt sĩ: **CAO SANG**
Nhân viên cơ quan, Nguyên quán: xã Khánh Nam, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1968
Số bằng: 1U 252 cm Quyết định số: 1486/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1977
- 325 Liệt sĩ: **CAO XÀ NHÁNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Thành, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 6A 941 bm Quyết định số: 767/TTga ngày 7 tháng 7 năm 1978
- 326 Liệt sĩ: **Y BO**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Bình, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1973
Số bằng: 2H 523 bm Quyết định số: 1165/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 327 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ HƯỜNG**
Cán bộ đội công tác, Nguyên quán: xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1969
Số bằng: YM 468 cm Quyết định số: 744/TTga ngày 1 tháng 8 năm 1977
- 328 Liệt sĩ: **DOÃN THANH BÌNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khang, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1973
Số bằng: KX 005 bm Quyết định số: 55/TTga ngày 14 tháng 2 năm 1974
- 329 Liệt sĩ: **PHAN GIÚP**
Chiến sĩ Quân đội Nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Đông, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 7 năm 1981
Số bằng: I 164 bt Quyết định số: 99/CTKT ngày 16 tháng 3 năm 1983
- 330 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐỨC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 4 năm 1953
Số bằng: PC 279 kp Quyết định số: 1328/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1978

- 331 **Liệt sĩ: HUỖNH NGHĨA**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1963
Số bằng: 2E 974 bm Quyết định số: 877/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1977
- 332 **Liệt sĩ: TRẦN CẦN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Ninh Bình, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 5 năm 1949
Số bằng: NC 394 kp Quyết định số: 782/TTga ngày 21 tháng 7 năm 1978
- 333 **Liệt sĩ: LÊ THANH TÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Trung, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 3 năm 1986
Số bằng: BO 750 bt Quyết định số: 16/CTKT ngày 27 tháng 1 năm 1988
- 334 **Liệt sĩ: NGUYỄN SANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Phương, tp Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 7 năm 1946
Số bằng: 1IC 518 bp Quyết định số: 837/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1978
- 335 **Liệt sĩ: BÙI KHANH**
Công an thôn, Nguyên quán: xã Ninh Trung, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 5 năm 1951
Số bằng: QC 679 cp Quyết định số: 1039/TTg ngày 13 tháng 9 năm 1988
- 336 **Liệt sĩ: ĐẶNG VINH HÀM**
Phó Bí thư tỉnh ủy, Nguyên quán: phường Ninh Hải, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1955
Số bằng: 1H 372 cm Quyết định số: 1004/TTga ngày 12 tháng 9 năm 1977
- 337 **Liệt sĩ: VÕ NGỌC THẠCH**
Trợ lý tác chiến sư đoàn, Nguyên quán: xã Hoài Đức, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1974
Số bằng: 1B 244 bm Quyết định số: 626/TTga ngày 21 tháng 6 năm 1977
- 338 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN ĐỨC**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1973
Số bằng: UP 572 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 339 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN TIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MI 391 bm Quyết định số: 588/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1976
- 340 **Liệt sĩ: LÊ THANH ĐIỀU**
Dược tá, Nguyên quán: xã An Lĩnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 2Z 221 cm Quyết định số: 755/TTga ngày 17 tháng 7 năm 1978

- 341 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUANG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Tài, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 9 năm 1970
Số bằng: 3Y 303 km Quyết định số: 210/TTGa ngày 8 tháng 6 năm 1981
- 342 Liệt sĩ: **VÕ THỊ TRANG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Xuân Sơn Bắc, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1968
Số bằng: AC 173 km Quyết định số: 190/CTKT ngày 06 tháng 6 năm 1984
- 343 Liệt sĩ: **MAI XUÂN CHÂU**
Nhân viên giao liên huyện, Nguyên quán: xã Vinh Hà, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1974
Số bằng: XM 075 cm Quyết định số: 699/TTGa ngày 06 tháng 7 năm 1977
- 344 Liệt sĩ: **TRẦN THÍNH**
Công dân, Nguyên quán: xã An Định, huyện Xuân An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1965
Số bằng: 2L 942 cm Quyết định số: 294/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 345 Liệt sĩ: **NGUYỄN BE**
Cơ sở mật, Nguyên quán: xã Phô Cường, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 02 năm 1969
Số bằng: 1Đ 001 cm Quyết định số: 888/TTGa ngày 19 tháng 8 năm 1977
- 346 Liệt sĩ: **TRẦN GIÁO**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Ninh Đa, tx Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 7 năm 1948
Số bằng: 2BC 329bp Quyết định số: 170/TTGa ngày 10 tháng 3 năm 1980
- 347 Liệt sĩ: **NGÔ THÌN**
Thôn trưởng, Nguyên quán: phường Ninh Đa, tx Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 9 năm 1949
Số bằng: UC 658 cp Quyết định số: 1132/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1979
- 348 Liệt sĩ: **NGUYỄN TỪ**
Cán bộ xã, Nguyên quán: phường Ninh Đa, tx Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947
Số bằng: 1AC 983cp Quyết định số: 69/CTKT ngày 26 tháng 3 năm 1982
- 349 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU PHÙNG**
Đội phó địa chất, Nguyên quán: phường Ninh Đa, tx Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1968
Số bằng: CM 262 cm Quyết định số: 71/TTGa ngày 20 tháng 5 năm 1969
- 350 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÙNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: phường Ninh Đa, tx Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 01 năm 1949
Số bằng: KC 404 kp Quyết định số: 165/TTGa ngày 27 tháng 02 năm 1978

- 351 **Liệt sĩ: ĐẶNG MỄ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: phường Ninh Đa, tx Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 4 năm 1951
Số bằng: RC 506 kp Quyết định số: 65/TTGa ngày 23 tháng 01 năm 1980
- 352 **Liệt sĩ: NGUYỄN THÔNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: phường Ninh Đa, tx Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 6 năm 1947
Số bằng: NC 217 kp Quyết định số: 740/TTGa ngày 12 tháng 7 năm 1978
- 353 **Liệt sĩ: PHẠM TĂNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: phường Ninh Đa, tx Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1948
Số bằng: DV 735 kp Quyết định số: 613/TTg ngày 27 tháng 9 năm 1995
- 354 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TRỌNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Ninh Hải, tx Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 3 năm 1950
Số bằng: 1GC 955bp Quyết định số: 685/TTGa ngày 20 tháng 11 năm 1997
- 355 **Liệt sĩ: ĐỖ ĐỒNG THẠNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: phường Ninh Quang, tx Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 7 năm 1948
Số bằng: NC 607 kp Quyết định số: 814/TTGa ngày 28 tháng 7 năm 1978
- 356 **Liệt sĩ: ĐỖ ĐỒNG HUYỀN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: phường Ninh Quang, tx Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 10 năm 1948
Số bằng: NC 593 kp Quyết định số: 874/TTGa ngày 28 tháng 7 năm 1978

TỈNH PHÚ YÊN

- 357 **Liệt sĩ: HUỖNH CHÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 8 năm 1952
Số bằng: QC 589 bp Quyết định số: 1161/TTGa ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 358 **Liệt sĩ: NGUYỄN KỶ**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 12 năm 1949
Số bằng: LC 329 cp Quyết định số: 132/TTGa ngày 20 tháng 02 năm 1978
- 359 **Liệt sĩ: THÁI VĂN HÙNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 11 060 km Quyết định số: 1216/TTGa ngày 11 tháng 10 năm 1978
- 360 **Liệt sĩ: TRẦN TÚY**
Uy viên thường trực Ban thi đua tỉnh, Nguyên quán: xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 3H 020 cm Quyết định số: 1057/TTGa ngày 18 tháng 9 năm 1978

- 361 Liệt sĩ: **BẠCH ĐIỀU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1965
Số bằng: 3G 999 bm Quyết định số: 1485/TTGa ngày 11 tháng 11 năm 1977
- 362 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC CHÂU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1965
Số bằng: 1H 941 km Quyết định số: 1229/TTGa ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 363 Liệt sĩ: **TRẦN SONG**
Công dân, Nguyên quán: xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1954
Số bằng: 1L 390 cm Quyết định số: 1229/TTGa ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 364 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHÓN**
Nhân viên an ninh huyện, Nguyên quán: xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 2M 265 cm Quyết định số: 349/TTGa ngày 07 tháng 4 năm 1978
- 365 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NAM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 11 năm 1972
Số bằng: 2I 057 bm Quyết định số: 1162/TTGa ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 366 Liệt sĩ: **NGÔ SÁU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1965
Số bằng: 3O 898 bm Quyết định số: 1577/TTGa ngày 23 tháng 10 năm 1977
- 367 Liệt sĩ: **NGUYỄN BỬU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Thạch, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1966
Số bằng: 2G 896 km Quyết định số: 245/TTGa ngày 17 tháng 3 năm 1978
- 368 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH VĂN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 2I 067 bm Quyết định số: 1162/TTGa ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 369 Liệt sĩ: **ĐỖ HỮU BẢY**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 4 năm 1965
Số bằng: 8K 446 bm Quyết định số: 451/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1979
- 370 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH SON**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 1H 874 km Quyết định số: 1229/TTGa ngày 14 tháng 10 năm 1977

- 371 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ MẶN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KM 330 km Quyết định số: 548/TTga ngày 08 tháng 6 năm 1977
- 372 Liệt sĩ: **MAI CHÙM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 6 năm 1967
Số bằng: 3G 995 bm Quyết định số: 1485/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1977
- 373 Liệt sĩ: **TRẦN CANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 7 năm 1947
Số bằng: 2DC 141bp Quyết định số: 69/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1982
- 374 Liệt sĩ: **BÙI HẰNG**
Trợ lý hậu cần tình đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 02 năm 1973
Số bằng: 2I 024 bm Quyết định số: 1162/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 375 Liệt sĩ: **TRẦN AN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 5 năm 1971
Số bằng: 1H 861 km Quyết định số: 1229/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 376 Liệt sĩ: **LÊ QUÁ**
Cán bộ giao liên xã, Nguyên quán: xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1966
Số bằng: DQ 720 cm Quyết định số: 244/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1995
- 377 Liệt sĩ: **PHAN CHÂU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Ninh Tây, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 4 năm 1953
Số bằng: DY 716 kp Quyết định số: 214/TTg ngày 12 tháng 4 năm 1996
- 378 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÂM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 1H 955 km Quyết định số: 1229/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 379 Liệt sĩ: **THÁI THỊ LẬP**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1966
Số bằng: DQ 712 km Quyết định số: 244/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1995
- 380 Liệt sĩ: **THÁI VĂN LỆ**
Đội viên du kích thôn, Nguyên quán: xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 02 năm 1964
Số bằng: 1H 387 km Quyết định số: 1139/TTga ngày 07 tháng 10 năm 1977

- 381 Liệt sĩ: **PHẠM CHÍ CÀN**
 Phó bí thư huyện ủy, Nguyên quán: xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1974
 Số bằng: 2T 208 cm Quyết định số: 456/TTGa ngày 08 tháng 5 năm 1978
- 382 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CƯỚC**
 Huyện đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tân Tây, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 6 năm 1970
 Số bằng: 1M 477 bm Quyết định số: 779/TTGa ngày 30 tháng 7 năm 1977
- 383 Liệt sĩ: **NGÔ PHỤNG CƯƠNG**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1972
 Số bằng: 2I 016 bm Quyết định số: 1162/TTGa ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 384 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TRÍ**
 Cán bộ ty tài chính, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1974
 Số bằng: 1G 841 cm Quyết định số: 1139/TTGa ngày 07 tháng 10 năm 1977
- 385 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG CHÁNH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 01 năm 1987
 Số bằng: BX 273 bt Quyết định số: 09/CTKT ngày 25 tháng 01 năm 1989
- 386 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU KHI**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 02 năm 1966
 Số bằng: 1H 577 km Quyết định số: 1161/TTGa ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 387 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGỌC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1964
 Số bằng: 2I 082 bm Quyết định số: 1235/TTGa ngày 17 tháng 10 năm 1977
- 388 Liệt sĩ: **TRẦN SANG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 7 năm 1946
 Số bằng: 1LC 307 bp Quyết định số: 1235/TTGa ngày 17 tháng 10 năm 1977
- 389 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN QUẢNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 9 năm 1965
 Số bằng: 2I 054 bm Quyết định số: 1162/TTGa ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 390 Liệt sĩ: **VÕ LUẬN**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 02 năm 1967
 Số bằng: 3G 238 km Quyết định số: 1201/TTGa ngày 20 tháng 10 năm 1978

- 391 **Liệt sĩ: NGUYỄN CHÂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 02 năm 1954
Số bằng: 11C 465 bp Quyết định số: 837/TTGa ngày 02 tháng 8 năm 1978
- 392 **Liệt sĩ: NGÔ TẤN CANG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1970
Số bằng: 21 013 bm Quyết định số: 1162/TTGa ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 393 **Liệt sĩ: PHAN VĂN TRÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 3 năm 1965
Số bằng: 21 101 bm Quyết định số: 1162/TTGa ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 394 **Liệt sĩ: HUỖNH THỊ HỒNG**
Cán bộ giao liên huyện, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 7 năm 1969
Số bằng: 41 718 cm Quyết định số: 248/TTGa ngày 07 tháng 4 năm 1980
- 395 **Liệt sĩ: THÁI THỊ HIỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 21 027 bm Quyết định số: 1162/TTGa ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 396 **Liệt sĩ: NGUYỄN CỬ**
Chiến sĩ giao liên xã, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1962
Số bằng: 4M 342 cm Quyết định số: 786/TTGa ngày 24 tháng 12 năm 1980
- 397 **Liệt sĩ: LÊ PHI HÙNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1966
Số bằng: 21 035 bm Quyết định số: 1162/TTGa ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 398 **Liệt sĩ: HỒ VĂN HÒA**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 3T 966 km Quyết định số: 877/TTGa ngày 12 tháng 12 năm 1979
- 399 **Liệt sĩ: DƯƠNG BẮN**
Trưởng ban tuyên huấn xã, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 1L 414 cm Quyết định số: 1229/TTGa ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 400 **Liệt sĩ: VÕ BẮNG**
Chiến sĩ giao liên xã, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 3G 050 cm Quyết định số: 882/TTGa ngày 11 tháng 8 năm 1978

- 401 Liệt sĩ: **LÊ NHỮ**
Công dân, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 4 năm 1951
Số bằng: TC 130 cp Quyết định số: 04/TTGa ngày 03 tháng 01 năm 1979
- 402 Liệt sĩ: **LÊ XÂY**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Xuân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 02 năm 1967
Số bằng: ĐN 250 km Quyết định số: 995/TTGa ngày 22 tháng 11 năm 1997
- 403 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN THIỆN**
Chủ tịch xã, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1971
Số bằng: 1L 405 cm Quyết định số: 1229/TTGa ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 404 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHẬT CAO**
Cán bộ lương thực huyện, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 01 năm 1967
Số bằng: 2X 608 cm Quyết định số: 688/TTGa ngày 28 tháng 6 năm 1978
- 405 Liệt sĩ: **NGUYỄN CUỘC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1966
Số bằng: 2L 489 km Quyết định số: 349/TTGa ngày 07 tháng 4 năm 1978
- 406 Liệt sĩ: **TÔ XUÂN**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1964
Số bằng: 1H 939 km Quyết định số: 1229/TTGa ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 407 Liệt sĩ: **CHÂU VÓN**
Phó ban công an xã, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 7 năm 1954
Số bằng: UC 394 cp Quyết định số: 396/TTGa ngày 01 tháng 6 năm 1979
- 408 Liệt sĩ: **CÙ HIẾU**
Cán bộ phòng tài chính huyện, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 2T 147 cm Quyết định số: 456/TTGa ngày 08 tháng 5 năm 1978
- 409 Liệt sĩ: **ĐỖ TÁM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 5 năm 1966
Số bằng: 1H 928 km Quyết định số: 1229/TTGa ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 410 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG**
Nhân viên văn phòng tỉnh ủy, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1970
Số bằng: 3B 207 cm Quyết định số: 68/TTGa ngày 27 tháng 01 năm 1978

- 411 **Liệt sĩ: NGUYỄN THÀNH LONG**
 Trung đội trưởng dân quân, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 8 năm 1952
 Số bằng: RC 998 kp Quyết định số: 623/TTga ngày 24 tháng 9 năm 1980
- 412 **Liệt sĩ: NGUYỄN THỊ THƠM**
 Nhân viên phòng y tế huyện, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 00 tháng 8 năm 1969
 Số bằng: 2X 712 cm Quyết định số: 688/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1978
- 413 **Liệt sĩ: MAI TẤN HÙNG**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 01 năm 1967
 Số bằng: 2I 032 bm Quyết định số: 1162/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 414 **Liệt sĩ: NGUYỄN CỎ**
 Cán bộ kinh tài xã, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1968
 Số bằng: CX 415 cm Quyết định số: 92/CTKT ngày 30 tháng 12 năm 1968
- 415 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN SÁU**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1963
 Số bằng: 1H 920 km Quyết định số: 1229/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 416 **Liệt sĩ: NGUYỄN PHẢI**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1963
 Số bằng: 1H 910 km Quyết định số: 1229/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 417 **Liệt sĩ: TRẦN PHÁO**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 4 năm 1975
 Số bằng: 2I 053 bm Quyết định số: 1162/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 418 **Liệt sĩ: HUỖNH THỊ LIÊN**
 Nhân viên Ban nông nghiệp tỉnh, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1972
 Số bằng: Y 155 cm Quyết định số: 100/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1984
- 419 **Liệt sĩ: PHAN QUẠ**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1965
 Số bằng: CX 390 km Quyết định số: 92/CTKT ngày 27 tháng 4 năm 1992
- 420 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN HÀNH**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1970
 Số bằng: 3G 284 km Quyết định số: 1201/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1978

- 421 Liệt sĩ: **BÙI PHÁ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 7 năm 1970
Số bằng: 6D 903 bm Quyết định số: 837/TTga ngày 02 tháng 8 năm 1978
- 422 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HỌC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 6 năm 1965
Số bằng: 1H 891 km Quyết định số: 1229/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 423 Liệt sĩ: **NGUYỄN CỎ**
Cán bộ thôn, Nguyên quán: xã An Mỹ, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 01 năm 1966
Số bằng: 2M 041 cm Quyết định số: 237/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 424 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC SƠN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Ninh Tây, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1971
Số bằng: RM 254 km Quyết định số: 915/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1977
- 425 Liệt sĩ: **TRẦN YÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Định, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 6M 723 bm Quyết định số: 1057/TTga ngày 18 tháng 9 năm 1978
- 426 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẦU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Lĩnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1966
Số bằng: 4A 580 km Quyết định số: 69/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1982
- 427 Liệt sĩ: **NGUYỄN THI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Chấn, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 3 năm 1965
Số bằng: 4X 384 bm Quyết định số: 294/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 428 Liệt sĩ: **NGUYỄN LỆ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Chấn, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 4 năm 1966
Số bằng: 4X 169 bm Quyết định số: 265/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1978
- 429 Liệt sĩ: **HÀ ĐẶNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Cư, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 4 năm 1954
Số bằng: KC 746 kp Quyết định số: 354/TTga ngày 07 tháng 4 năm 1978
- 430 Liệt sĩ: **VÕ NUÔI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Cư, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1972
Số bằng: 5Z 117 bm Quyết định số: 740/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1978

- 431 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ LÁU**
Y tá xã, Nguyên quán: xã An Cư, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 01 năm 1972
Số bằng: 1M 064 cm Quyết định số: 1208/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 432 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHIÊM**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã An Cư, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1965
Số bằng: CX 435 cm Quyết định số: 92/CTKT ngày 27 tháng 4 năm 1992
- 433 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHÁU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Ngọc, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KL 681 bm Quyết định số: 572/TTga ngày 15 tháng 12 năm 1973
- 434 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH TÂM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hà, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 10 năm 1970
Số bằng: YR 596 bm Quyết định số: 625/TTga ngày 21 tháng 6 năm 1977
- 435 Liệt sĩ: **NGUYỄN LẠC**
Trưởng ban nhân dân thôn, Nguyên quán: xã Thăng Phước, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1967
Số bằng: IY 168 cm Quyết định số: 1229/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 436 Liệt sĩ: **Y THẮM**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Sông Hinh, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1971
Số bằng: 1U 101 km Quyết định số: 1576/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1977
- 437 Liệt sĩ: **MÔNG VĂN CHÈ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hội Hoan, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1972
Số bằng: LR 070 bm Quyết định số: 234/TTga ngày 14 tháng 5 năm 1974
- 438 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CÔNG BIÊN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Lĩnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 3N 127 km Quyết định số: 07/TTga ngày 03 tháng 01 năm 1979
- 439 Liệt sĩ: **PHAN MINH LIÊU**
Uy viên ủy ban xã, Nguyên quán: xã An Cư, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 02 năm 1966
Số bằng: 1L 229 cm Quyết định số: 1230/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 440 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DŨNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Kiến, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1975
Số bằng: YT 894 bm Quyết định số: 484/TTga ngày 01 tháng 6 năm 1977

- 441 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ NHÂN**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1972
Số bằng: HM 766 km Quyết định số: 486/TTGa ngày 01 tháng 6 năm 1977
- 442 Liệt sĩ: **HÀ THỊ HIỀN**
Cán bộ thôn, Nguyên quán: xã Xuân Sơn Nam, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1972
Số bằng: 4I 280 cm Quyết định số: 1046/TTGa ngày 21 tháng 9 năm 1977
- 443 Liệt sĩ: **VÕ KHÂM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: thị trấn La Hai, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng năm 1965
Số bằng: 1B 077 km Quyết định số: 1046/TTGa ngày 21 tháng 9 năm 1977
- 444 Liệt sĩ: **TRƯƠNG NGỌN**
Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã Xuân Lộc, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1965
Số bằng: 3O 604 km Quyết định số: 285/TTGa ngày 23 tháng 4 năm 1979
- 445 Liệt sĩ: **MAI CÚC**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Xuân Yên, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 7 năm 1949
Số bằng: 1EC 426 bp Quyết định số: 483/TTGa ngày 15 tháng 5 năm 1978
- 446 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN ĐỘNG**
Trưởng thôn, Nguyên quán: xã Xuân Thọ 1, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 2X 623 cm Quyết định số: 688/TTGa ngày 28 tháng 6 năm 1978
- 447 Liệt sĩ: **LÊ QUÝ TRIỀU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Cảnh, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 5Z 175 bm Quyết định số: 740/TTGa ngày 12 tháng 7 năm 1978
- 448 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 01 tháng 01 năm 1985
Số bằng: BO 906 bt Quyết định số: 83/CTKT ngày 27 tháng 4 năm 1988

TỈNH KON TUM

- 449 Liệt sĩ: **BRẬP**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đăk Rìng, huyện Kon PLông, Gia Lai - Kon Tum, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 5K 607 bm Quyết định số: 463/TTGa ngày 05 tháng 10 năm 1978
- 450 Liệt sĩ: **ĐINH XÊ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đăk Rìn, huyện Kon PLông, Gia Lai - Kon Tum, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 5K 924 bm Quyết định số: 491/TTGa ngày 19 tháng 5 năm 1978

- 451 Liệt sĩ: **PHAN HƯƠNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoài Thanh, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Nghĩa Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1972
Số bằng: 2B 033 bm Quyết định số: 1099/TTg ngày 03 tháng 10 năm 1977
- 452 Liệt sĩ: **PHAN KIỂM**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoài Thanh, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Nghĩa Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1966
Số bằng: 6T 809 bm Quyết định số: 1140/TTga ngày 06 tháng 10 năm 1978
- 453 Liệt sĩ: **Y NUN**
Cán bộ Kinh tài tỉnh, Nguyên quán: xã Đăk Tô Kan, huyện Đăk Tô, Gia Lai - Kon Tum, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1967
Số bằng: 3N 676 cm Quyết định số: 1318/TTga ngày 22 tháng 11 năm 1978
- 454 Liệt sĩ: **BÙI VĂN YẾN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạc Sỹ, huyện Yên Thủy, tỉnh Hà Sơn Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1974
Số bằng: 1N 635 bm Quyết định số: 802/TTg ngày 03 tháng 8 năm 1977

TỈNH TÂY NINH

- 455 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN THANH**
Đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 02 năm 1970
Số bằng: 7Z 937 bm Quyết định số: 266/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1979
- 456 Liệt sĩ: **THI VĂN SÔNG**
Tiểu đội trưởng Du kích xã Phước Chi, Nguyên quán: xã Phước Chi, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 5 năm 1947
Số bằng: AF 685 kp Quyết định số: 277/CTKT ngày 15 tháng 8 năm 1984
- 457 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MÈN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 02 năm 1966
Số bằng: 5Q 555 bm Quyết định số: 550/TTga ngày 24 tháng 5 năm 1978
- 458 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THI**
Tiểu đội trưởng Du kích xã An Tịnh, Nguyên quán: xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: KM 455 km Quyết định số: 537/TTga ngày 08 tháng 06 năm 1977
- 459 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DÁN**
Dân công Hòa tuyến xã An Tịnh, Nguyên quán: xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1967
Số bằng: RM 939 cm Quyết định số: 537/TTga ngày 08 tháng 6 năm 1977
- 460 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 02 năm 1968
Số bằng: 5Q 481 bm Quyết định số: 550/TTga ngày 24 tháng 5 năm 1978

- 461 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHUYNH**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1972
 Số bằng: 3V 478 bm Quyết định số: 1620/TTGa ngày 28 tháng 11 năm 1977
- 462 Liệt sĩ: **LƯU VĂN RINH**
 Xã đội phó Du kích xã An Tịnh, Nguyên quán: xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1966
 Số bằng: KM 432 km Quyết định số: 537/TTGa ngày 08 tháng 6 năm 1977
- 463 Liệt sĩ: **LƯU VĂN TẮC**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1969
 Số bằng: 4Đ 068 bm Quyết định số: 41/TTGa ngày 11 tháng 01 năm 1978
- 464 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MỪNG**
 Trưởng ban Giao bưu xã An Tịnh, Nguyên quán: xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1966
 Số bằng: RM 966 cm Quyết định số: 537/TTGa ngày 08 tháng 6 năm 1977
- 465 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẠI**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1965
 Số bằng: 6V 052 bm Quyết định số: 1189/TTGa ngày 18 tháng 10 năm 1978
- 466 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÚ**
 Tiểu đội trưởng Du kích xã An Tịnh, Nguyên quán: xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1968
 Số bằng: KM 386 km Quyết định số: 537/TTGa ngày 08 tháng 6 năm 1977
- 467 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN BÀU**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1965
 Số bằng: 6Y 997 bm Quyết định số: 1251/TTGa ngày 03 tháng 11 năm 1978
- 468 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẾP**
 Xã đội trưởng xã đội xã An Tịnh, Nguyên quán: xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1970
 Số bằng: KM 429km Quyết định số: 537/TTGa ngày 08 tháng 6 năm 1977
- 469 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGÀ**
 Phó Văn phòng Huyện ủy Trảng Bàng, Nguyên quán: xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1970
 Số bằng: RM 977 cm Quyết định số: 537/TTGa ngày 08 tháng 6 năm 1977
- 470 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ON**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1966
 Số bằng: 4Đ 123 bm Quyết định số: 41/TTGa ngày 11 tháng 01 năm 1978

- 471 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN ÍCH**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1952
 Số bằng: 2DC 328bp Quyết định số: 171/CTKT ngày 24 tháng 6 năm 1982
- 472 **Liệt sĩ: TRẦN THỊ ANH**
 Đội viên Du kích Đội Biệt động thị trấn Trảng Bàng, Nguyên quán: xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 02 năm 1969
 Số bằng: KM 370 km Quyết định số: 537/TTga ngày 08 tháng 6 năm 1977
- 473 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN HOÀNG**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1967
 Số bằng: 4Đ 065 bm Quyết định số: 41/TTga ngày 11 tháng 01 năm 1978
- 474 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN NỊ**
 Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 10 năm 1969
 Số bằng: 2X 479 bm Quyết định số: 1394/TTga ngày 02 tháng 11 năm 1977
- 475 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN TRA**
 Nhân viên An ninh huyện Trảng Bàng, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1968
 Số bằng: 2U 483 cm Quyết định số: 507/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1978
- 476 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN BÊ**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 10 năm 1971
 Số bằng: YS 923 bm Quyết định số: 530/TTga ngày 08 tháng 6 năm 1977
- 477 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN SINH**
 Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 05 năm 1954
 Số bằng: 2AC 395bp Quyết định số: 852/TTga ngày 03 tháng 12 năm 1979
- 478 **Liệt sĩ: NGUYỄN THỊ XÊ**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1968
 Số bằng: 6V 035 bm Quyết định số: 1189/TTga ngày 18 tháng 10 năm 1978
- 479 **Liệt sĩ: CAO THỊ THANH**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 7 năm 1973
 Số bằng: 2E 241 bm Quyết định số: 1116/TTga ngày 03 tháng 10 năm 1977
- 480 **Liệt sĩ: ĐẶNG VĂN LỖI**
 Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 02 năm 1970
 Số bằng: YS 974 bm Quyết định số: 530/TTga ngày 08 tháng 6 năm 1977

- 481 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NIỀU**
 ủy viên xã Tân Hưng, Nguyên quán: xã Tân Hưng, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 5 năm 1963
 Số bằng: 3V 221 cm Quyết định số: 260/TTGa ngày 13 tháng 4 năm 1979
- 482 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THƠ**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1968
 Số bằng: 3K 516 bm Quyết định số: 1794/TTGa ngày 30 tháng 12 năm 1977
- 483 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LOAN**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng, Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1964
 Số bằng: 9A 256 bm Quyết định số: 852/TTGa ngày 03 tháng 12 năm 1978
- 484 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN TỶ**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Chi, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1965
 Số bằng: 3A 043 bm Quyết định số: 1562/TTGa ngày 23 tháng 11 năm 1977
- 485 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐẤU**
 Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 11 năm 1972
 Số bằng: 8S 503 bm Quyết định số: 620/TTGa ngày 31 tháng 8 năm 1979
- 486 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN TRUYỀN**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Chi, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1969
 Số bằng: 6Y 380 bm Quyết định số: 1234/TTGa ngày 27 tháng 10 năm 1978
- 487 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN TRỪ**
 Bí thư Chi bộ xã Trà Vong, Nguyên quán: xã Đôn Thuận, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 7 năm 1966
 Số bằng: 3L 150 cm Quyết định số: 1190/TTGa ngày 18 tháng 10 năm 1978
- 488 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TY**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 4 năm 1969
 Số bằng: 6Y 129 bm Quyết định số: 1218/TTGa ngày 25 tháng 10 năm 1978
- 489 Liệt sĩ: **LÊ THÀNH THỌ**
 Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thạnh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 01 năm 1971
 Số bằng: 2B 963 bm Quyết định số: 1198/TTGa ngày 03 tháng 10 năm 1977
- 490 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN DÂN**
 Cán bộ Ty Công an Tây Ninh, Nguyên quán: xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1972
 Số bằng: 2H 858 cm Quyết định số: 61/TTGa ngày 23 tháng 01 năm 1978

- 491 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BẢN**
Cán bộ Trinh sát Ban An ninh Tây Ninh, Nguyên quán: xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1970
Số bằng: 2E 779 cm Quyết định số: 9/TTGa ngày 02 tháng 01 năm 1978
- 492 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH SƠN**
Chiến sĩ Ban Dân y miền, Nguyên quán: xã Tân Hội, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1972
Số bằng: 2E 788 cm Quyết định số: 9/TTGa ngày 02 tháng 01 năm 1978
- 493 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ LỢI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hội, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1973
Số bằng: 6Y 346 bm Quyết định số: 1234/TTGa ngày 27 tháng 10 năm 1978
- 494 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SƠN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hội, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 10 năm 1973
Số bằng: 6Y 124 bm Quyết định số: 1218/TTGa ngày 25 tháng 10 năm 1978
- 495 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÁP**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hội, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 01 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 9A 226 bt Quyết định số: 852/TTGa ngày 03 tháng 12 năm 1979
- 496 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ HAY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hội, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1968
Số bằng: AF 702 bm Quyết định số: 277/CTKT ngày 15 tháng 8 năm 1984
- 497 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Giang, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bằng: CE 063 bm Quyết định số: 36/CTKT ngày 22 tháng 3 năm 1990
- 498 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN NHÂN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Hà, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Hà, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1975
Số bằng: DG 662 bm Quyết định số: 142/CTKT ngày 09 tháng 12 năm 1992
- 499 Liệt sĩ: **TẠ VĂN HẠNH**
Tiểu đội phó du kích xã, Nguyên quán: xã Tân Đông, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 9 năm 1977
Số bằng: 2Q 533 kt Quyết định số: 557/TTGa ngày 27 tháng 5 năm 1978
- 500 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN RO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Truong Mít, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1968
Số bằng: YS 340 bm Quyết định số: 526/TTGa ngày 08 tháng 6 năm 1977

- 501 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN HOÀNH**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1966
 Số bằng: 6H 527 bm Quyết định số: 859/TTGa ngày 07 tháng 8 năm 1978
- 502 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LUÔNG**
 Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Ninh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 4 năm 1960
 Số bằng: 3Q 353 km Quyết định số: 266/TTGa ngày 18 tháng 4 năm 1979

TỈNH CÀ MAU

- 503 Liệt sĩ: **VÕ VĂN HIẾU**
 Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thượng Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1966
 Số bằng: 7K 969 bm Quyết định số: 1458/TTGa ngày 22 tháng 12 năm 1978
- 504 Liệt sĩ: **LÂM VĂN HÒA**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thuận, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 9 năm 1967
 Số bằng: 9E 173 bm Quyết định số: 99/TTGa ngày 07 tháng 02 năm 1980
- 505 Liệt sĩ: **MÃ VĂN SINH**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hưng, huyện Phú Long, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1967
 Số bằng: H 947 bm Quyết định số: 101/CTKT ngày 18 tháng 3 năm 1983
- 506 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN A**
 Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1966
 Số bằng: 1X 671 km Quyết định số: 1582/TTGa ngày 25 tháng 11 năm 1977
- 507 Liệt sĩ: **BÙI VĂN SƯƠNG**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1974
 Số bằng: 3H 471 km Quyết định số: 147/TTGa ngày 21 tháng 02 năm 1978
- 508 Liệt sĩ: **PHẠM MINH XUÂN**
 Chiến sĩ giao liên xã, Nguyên quán: xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1963
 Số bằng: 1Z 332 cm Quyết định số: 1640/TTGa ngày 05 tháng 12 năm 1977
- 509 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỌC**
 Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 02 năm 1970
 Số bằng: 2Q 769 km Quyết định số: 428/TTGa ngày 04 tháng 5 năm 1978
- 510 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG XƯƠNG**
 Xã đội phó, Nguyên quán: xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 11 năm 1968
 Số bằng: 2G 582 km Quyết định số: 239/TTGa ngày 17 tháng 3 năm 1978

- 511 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN CÁC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 8 năm 1970
Số bằng: 8N 719 bm Quyết định số: 515/TTGa ngày 11 tháng 7 năm 1979
- 512 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN BÍ**
Cán bộ ấp, Nguyên quán: xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 5 năm 1973
Số bằng: 3B 310 cm Quyết định số: 834/TTGa ngày 31 tháng 7 năm 1978
- 513 **Liệt sĩ: VÕ NGỌC THANH**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Biển Bạch, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1961
Số bằng: 1Y 695 km Quyết định số: 1640/TTGa ngày 05 tháng 12 năm 1977
- 514 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN HUÔNG**
Chiến sĩ giao liên xã, Nguyên quán: xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 02 năm 1959
Số bằng: 2G 927 cm Quyết định số: 239/TTGa ngày 17 tháng 3 năm 1978
- 515 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN BẠCH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1964
Số bằng: 2T 040 km Quyết định số: 600/TTGa ngày 07 tháng 6 năm 1978
- 516 **Liệt sĩ: TÔ VĂN HỮU**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 02 năm 1968
Số bằng: 6G 369 bm Quyết định số: 939/TTGa ngày 25 tháng 8 năm 1978
- 517 **Liệt sĩ: DƯƠNG THÀNH NHÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 7 năm 1971
Số bằng: 6E 096 bm Quyết định số: 261/TTGa ngày 07 tháng 8 năm 1978
- 518 **Liệt sĩ: VÕ VĂN UT**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Hòa, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 01 năm 1966
Số bằng: CY 471 bm Quyết định số: 288/CTKT ngày 17 tháng 12 năm 1991
- 519 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN BÙI**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Mỹ B, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1970
Số bằng: 8AA 287 bm Quyết định số: 108/CTKT ngày 09 tháng 12 năm 1981
- 520 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN LUÔNG**
Thông tin viên tuyên truyền ấp, Nguyên quán: xã Phước Long, huyện Thủ Đức, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 5 năm 1950
Số bằng: ET 662 cp Quyết định số: 170/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2002

- 521 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẮNG**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 02 năm 1974
 Số bằng: 5Q 771 bm Quyết định số: 561/TTGa ngày 27 tháng 5 năm 1978
- 522 Liệt sĩ: **TRƯƠNG HỮU THỌ**
 Ấp đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân Hưng huyện Cái Nước , tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1960
 Số bằng: 1L 985 km Quyết định số: 1333/TTGa ngày 28 tháng 10 năm 1977
- 523 Liệt sĩ: **TRƯƠNG THÀNH TÂM**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 02 năm 1981
 Số bằng: C 885 bt Quyết định số: 27/CTKT ngày 20 tháng 01 năm 1983
- 524 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN HẢO**
 Tiểu đội trưởng du kích , Nguyên quán: xã Lý Văn Lâm, huyện Châu Thành, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 05 năm 1969
 Số bằng: 1G 132 km Quyết định số: 1175/TTGa ngày 12 tháng 10 năm 1977
- 525 Liệt sĩ: **LỮ VĂN ĐẦY**
 Trưởng Ban an ninh ấp, Nguyên quán: xã Tân Định, thị xã Cà Mau, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1966
 Số bằng: BP 525 cm Quyết định số: 158/CTKT ngày 12 tháng 7 năm 1988
- 526 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH DÂN**
 Đội viên du kích ấp, Nguyên quán: xã Tân Thành, thị xã Cà Mau, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1972
 Số bằng: DD 940 km Quyết định số: 163/CTKT ngày 01 tháng 9 năm 1992
- 527 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN HÙNG**
 Tiểu đội trưởng du kích , Nguyên quán: xã Lý Văn Lâm, huyện Châu Thành, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 02 năm 1969
 Số bằng: 1G 129 km Quyết định số: 1175/TTGa ngày 12 tháng 10 năm 1977
- 528 Liệt sĩ: **PHAN TÁN HIỆP**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1971
 Số bằng: 6D 877 bm Quyết định số: 1051/TTGa ngày 15 tháng 8 năm 1978
- 529 Liệt sĩ: **TIÊU VĂN CẬN**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Viên An, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 10 năm 1952
 Số bằng: 2CC 135bp Quyết định số: 705/TTGa ngày 12 tháng 11 năm 1980
- 530 Liệt sĩ: **HỒ VĂN TỬNG**
 Đội viên Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Viên An huyện Ngọc Hiển , tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 01 năm 1968
 Số bằng: 2N 534 cm Quyết định số: 601/TTGa ngày 07 tháng 6 năm 1978

- 531 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỦ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1972
Số bằng: 5Q 173 bm Quyết định số: 570/TTg ngày 27 tháng 5 năm 1978
- 532 Liệt sĩ: **THẠCH HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1970
Số bằng: AH 907 bm Quyết định số: 328/CTKT ngày 03 tháng 10 năm 1984
- 533 Liệt sĩ: **SƠN VĂN THÀNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Dũng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1970
Số bằng: AR 455 bm Quyết định số: 221/CTKT ngày 05 tháng 6 năm 1985
- 534 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HOÀI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 10 năm 1972
Số bằng: BK 174 bm Quyết định số: 128/CTKT ngày 17 tháng 6 năm 1987
-

TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- 1 **Liệt sĩ: VÕ VĂN ÂM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hải Vĩnh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 11 075 km Quyết định số: 1143/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 2 **Liệt sĩ: CAO XUÂN BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Tiên, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1972
Số bằng: LA 762 bm Quyết định số: 289/TTga ngày 08 tháng 6 năm 1974
- 3 **Liệt sĩ: ĐÀO VĂN CHẤN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1966
Số bằng: 3Đ 261 bm Quyết định số: 1499/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 4 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN BẾN**
Trưởng Ban kinh tài, Nguyên quán: xã Phước Long, huyện Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 12 năm 1948
Số bằng: TC 735 cp Quyết định số: 203/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 1999
- 5 **Liệt sĩ: PHẠM PHỤC**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàng Gòn, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1973
Số bằng: 4V 704 bm Quyết định số: 254/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1978
- 6 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN CHÂU**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Hàng Gòn, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 2X 377 km Quyết định số: 889/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1978
- 7 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN MƯỜI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1961
Số bằng: IR 249 km Quyết định số: 1449/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 8 **Liệt sĩ: NGUYỄN THỊ ANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1969
Số bằng: 3L 329 bm Quyết định số: 1512/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 9 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THÙI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 6 năm 1946
Số bằng: TC 325 bp Quyết định số: 1512/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 10 **Liệt sĩ: TRẦN LĂNG**
Công nhân, Nguyên quán: xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự